

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ
đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thừa Thiên Huế, tháng 9 năm 2021

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ
đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thừa Thiên Huế, tháng 9 năm 2021

MỤC LỤC

<u>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</u>	5
<u>PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG</u>	7
<u>1.1. Đặt vấn đề</u>	7
<u>1.2. Tổng quan chung</u>	10
<u>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</u>	19
<u>TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</u>	19
Mở đầu	19
Tiêu chí 1.1	19
Tiêu chí 1.2	22
Tiêu chí 1.3	26
Kết luận về tiêu chuẩn 1	30
<u>TIÊU CHUẨN 2 BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</u>	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1	32
Tiêu chí 2.2	34
Tiêu chí 2.3	37
Kết luận về tiêu chuẩn 2	39
<u>TIÊU CHUẨN 3 CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY VÀ HỌC</u>	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 3.1	41
Tiêu chí 3.2	45
Tiêu chí 3.3	48
Kết luận về tiêu chuẩn 3	51
<u>TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC</u>	52
Mở đầu	53
Tiêu chí 4.1	53

<u>Tiêu chí 4.2</u>	56
<u>Tiêu chí 4.3</u>	61
<u>Kết luận tiêu chuẩn 4</u>	64
<u>TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC</u>	66
<u>Mở đầu</u>	66
<u>Tiêu chí 5.2</u>	68
<u>Tiêu chí 5.3</u>	71
<u>Tiêu chí 5.4</u>	74
<u>Tiêu chí 5.5</u>	76
<u>Kết luận Tiêu chuẩn 5</u>	78
<u>TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN</u>	79
<u>Mở đầu</u>	79
<u>Tiêu chí 6.1</u>	79
<u>Tiêu chí 6.2</u>	82
<u>Tiêu chí 6.3</u>	85
<u>Tiêu chí 6.4</u>	88
<u>Tiêu chí 6.5</u>	91
<u>Tiêu chí 6.6</u>	94
<u>Tiêu chí 6.7</u>	96
<u>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</u>	99
<u>TIÊU CHUẨN 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN</u>	100
<u>Mở đầu</u>	100
<u>Tiêu chí 7.1</u>	100
<u>Tiêu chí 7.2</u>	103
<u>Tiêu chí 7.3</u>	105
<u>Tiêu chí 7.4</u>	107
<u>Tiêu chí 7.5</u>	108
<u>Kết luận về tiêu chuẩn 7</u>	110

<u>TIÊU CHUẨN 8 NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC</u>	111
<u>Mở đầu</u>	111
<u>Tiêu chí 8.1</u>	112
<u>Tiêu chí 8.2</u>	114
<u>Tiêu chí 8.3</u>	116
<u>Tiêu chí 8.4</u>	120
<u>Tiêu chí 8.5</u>	123
<u>Kết luận tiêu chuẩn 8</u>	126
<u>TIÊU CHUẨN 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT TRANG THIẾT BỊ</u>	128
<u>Mở đầu</u>	128
<u>Tiêu chí 9.1</u>	128
<u>Tiêu chí 9.2</u>	131
<u>Tiêu chí 9.3</u>	135
<u>Tiêu chí 9.4</u>	138
<u>Tiêu chí 9.5</u>	142
<u>Kết luận tiêu chuẩn 9</u>	145
<u>TIÊU CHUẨN 10 NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG</u>	146
<u>Mở đầu</u>	146
<u>Tiêu chí 10.1</u>	146
<u>Tiêu chí 10.2</u>	149
<u>Tiêu chí 10.3</u>	152
<u>Tiêu chí 10.4</u>	156
<u>Tiêu chí 10.5</u>	161
<u>Tiêu chí 10.6</u>	166
<u>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</u>	168
<u>TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA</u>	170
<u>Mở đầu</u>	170
<u>Tiêu chí 11.1</u>	170

<u>Tiêu chí 11.2</u>	175
<u>Tiêu chí 11.3</u>	177
<u>Tiêu chí 11.4</u>	179
<u>Tiêu chí 11.5</u>	181
<u>Kết luận tiêu chuẩn 11</u>	185
<u>PHẦN III. KẾT LUẬN</u>	187
<u>BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</u>	190

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CĐR	: Chuẩn đầu ra
CB	: Cán bộ
CLB	: Câu lạc bộ
CNTP	: Công nghệ thực phẩm
CNSTH	: Công nghệ sau thu hoạch
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
CTSV	: Công tác SV
CSVC	: Cơ sở vật chất
CVHT	: Cố vấn học tập
ĐTĐH	: Đào tạo đại học
ĐT&CTSV	: Đào tạo và công tác SV
<u>GDĐT</u>	: <u>Giáo dục và đào tạo</u>
<u>GV</u>	: <u>Giảng viên</u>
KHCN	: Khoa học công nghệ
KH,HTQT,TTTV:	: Khoa học, hợp tác quốc tế, thông tin thư viện
KHĐT	: Khoa học đào tạo
KHTC	: Kế hoạch tài chính
KQHT	: Kết quả học tập
KT, ĐBCLGD, TT&PC	: Khảo thí, đảm bảo chất lượng giáo dục, Thanh tra & pháp chế
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
NCV	: Nghiên cứu viên
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
<u>SV</u>	: <u>SV</u>

TN – TH	: Thí nghiệm – Thực hành
TTTTV	: Thông tin thư viện
TCHC&CSVC	: Tổ chức, Hành chính và cơ sở vật chất
Ths	: Thạc sĩ
TS	: Tiến sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG

1.1. Đặt vấn đề

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (GDĐT) có vị trí và vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của mỗi đất nước. Hoạt động GDĐT không chỉ tạo ra nguồn nhân lực cần thiết cho phát triển của xã hội mà còn bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực hiện tại để phục vụ các hoạt động sản xuất. Với vai trò vô cùng quan trọng như vậy nên việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu nội tại và cấp thiết của mỗi trường đại học nói riêng và đồng thời cũng là đòi hỏi của toàn xã hội nói chung. Trong xu thế của hội nhập quốc tế và đổi mới giáo dục theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XI một trong các giải pháp để thực hiện nâng cao chất lượng, đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT là đánh giá, kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục. Tại Điều 50 Luật giáo dục Đại học năm 2012 nêu rõ “hoạt động tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo là trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục đại học”.

Trong hoạt động GDĐT, chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi ngành đào tạo trong đó có ngành Phát triển nông thôn (PTNT) của Khoa PTNT thuộc Trường Đại học Nông Lâm (ĐHNL), Đại học Huế (ĐHH). Trước xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực PTNT nhằm đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã làm cho việc nâng cao chất lượng CTĐT ngành PTNT ngày càng trở nên cấp thiết. Để đáp ứng nhu cầu này, trong nhiều năm qua Khoa PTNT đã thường xuyên quan tâm và áp dụng nhiều biện pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng CTĐT ngành PTNT. Nhà trường đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành PTNT theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, theo các Công văn hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành PTNT đã giúp cho nhà Trường và Khoa tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT để góp phần xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Trên cơ sở đó, tiến hành điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho giai đoạn tiếp theo một cách phù hợp hơn. Bên cạnh đó, hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành PTNT cũng là điều kiện cần thiết để Trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt

tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các dịch vụ xã hội khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để triển khai việc tự đánh giá CTĐT ngành PTNT, nhà Trường căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GDĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại và những biện pháp khắc phục, từ đó lập kế hoạch hành động trong thời gian tiếp theo. Để làm tốt công tác đánh giá CTĐT, ngành PTNT đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực của các bên liên quan đến CTĐT bao gồm Khoa PTNT, các phòng ban chức năng trong Nhà trường, giảng viên (GV), cựu SV (SV) và SV, nhà tuyển dụng,... trong việc cung cấp số liệu, thông tin, phản hồi ý kiến,... Việc tham gia của các bên liên quan này vừa đảm bảo độ tin cậy cho các thông tin, số liệu được thu thập vừa đảm bảo tính Khoa học cho hoạt động đánh giá CTĐT của ngành PTNT.

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành PTNT gồm có 04 phần:

- 1) Phần I: Khái quát.
- 2) Phần II: Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí.
- 3) Phần III: Kết luận.
- 4) Phần IV: Phụ lục.

Mục đích tự đánh giá

- Đảm bảo chất lượng CTĐT của ngành PTNT thuộc Khoa PTNT của Trường ĐHNL, ĐHH.
- Nâng cao chất lượng CTĐT ngành PTNT thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ở thời điểm tự đánh giá.
- Làm cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành PTNT.
- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Trường ĐHNL, ĐHH trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và dịch vụ xã hội.

Phạm vi tự đánh giá

- Đánh giá các hoạt động đào tạo ngành PTNT của Khoa PTNT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành trong chu kỳ kiểm định chất lượng từ năm 2016 đến năm 2020.

- Khoa PTNT tiến hành hoạt động tự đánh giá CTĐT với 01 ngành đào tạo của Khoa đó là ngành PTNT.

Công cụ đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT của ngành PTNT được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí (theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GDĐT). Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các tài liệu hướng dẫn: Công văn 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 và Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020.

Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành PTNT và Ban thư ký Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 1183/QĐ-ĐHNL ngày 20 tháng 10 năm 2017 và được kiện toàn lại theo Quyết định số 467/QĐ-ĐHNL ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH. Hội đồng gồm có 17 thành viên; Ban thư ký gồm 25 thành viên được chia thành 8 nhóm chuyên trách.

Phương pháp đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT của ngành PTNT, Trường ĐHNL, ĐHH được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016) của Bộ GDĐT.

Đối với mỗi tiêu chí, việc tự đánh giá được tiến hành theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT.
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục.
- Lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá CTĐT ngành PTNT được thực hiện theo các bước chính sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá

- Bước 2: Tập huấn nâng cao năng lực cho Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác
- Bước 4: Phân tích tiêu chí, định hướng tìm kiếm minh chứng; thu thập thông tin, minh chứng
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá
- Bước 7: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá
- Bước 8: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

1.2. Tổng quan chung

Trường ĐHNL, ĐHH tiền thân là Trường Đại học Nông nghiệp II trực thuộc Bộ Nông nghiệp. Trường được thành lập vào ngày 14 tháng 8 năm 1967 tại tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) theo Quyết định số 124/CP của Hội đồng Chính phủ “căn cứ nhu cầu của Nhà nước về đào tạo cán bộ ngành Nông nghiệp có trình độ đại học” hiện thực hóa tư tưởng chỉ đạo của Đại hội Đảng lần thứ III (1960) “chuẩn bị một lực lượng xây dựng cho miền Nam sau khi giải phóng”. Lúc mới thành lập, Trường có 2 Khoa bao gồm Trồng trọt (hiện nay là Khoa Nông học) và Chăn nuôi - Thú y. Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất đất nước, xuất phát từ mục tiêu đặt ra từ ngày thành lập trường là “Trường Đại học Nông nghiệp cho miền Trung và Tây Nguyên”, Chính phủ đã

ra Quyết định 213/CP ngày 5 tháng 8 năm 1983 về chuyển Trường Đại học Nông nghiệp 2 ở Hà Bắc vào thành phố Huế sáp nhập với Trường Cao đẳng Nông Lâm nghiệp Huế thành Trường Đại học Nông nghiệp II Huế.

Ngày 04 tháng 4 năm 1994, Chính phủ đã ban hành Nghị định 30/1994/NĐ-CP về thành lập ĐHH trên cơ sở sáp nhập các trường đại học đã có tại thành phố Huế và trường Cao đẳng Nghệ thuật Huế. Trường Đại học Nông nghiệp II Huế trở thành trường đại học thành viên của ĐHH với tên gọi là Trường ĐHNL.

Trường ĐHNL, ĐHH có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực Khoa học kỹ thuật chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế. Mục tiêu tổng quát của Trường ĐHNL là đến năm 2020 là trở thành một trong những trường đại học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Mục tiêu giáo dục của Trường là đào tạo nguồn nhân lực Khoa học kỹ thuật về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có phẩm chất, đạo đức, sức khoẻ tốt; yêu nghề, năng động, sáng tạo để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế. Cụ thể như sau:

- 1) Xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, dân chủ, công khai, minh bạch và thân thiện hướng tới SV, lấy đảm bảo chất lượng và trách nhiệm giải trình làm nền tảng phát triển, đào tạo phù hợp chuẩn đầu ra (CĐR) theo yêu cầu của xã hội;
- 2) Thực hiện phương châm kết hợp đào tạo với NCKH, lý thuyết gắn với thực hành: tạo điều kiện cho SV thực hành, thực tập và NCKH nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tư duy Khoa học, năng lực sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần vượt khó, ý thức lập thân, lập nghiệp và tinh thần sẵn sàng nhận nhiệm vụ;
- 3) Phát triển thể chất và tinh thần của SV: tạo điều kiện cho SV rèn luyện sức khỏe, văn hóa văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng, phát triển kỹ năng sống;
- 4) Gắn kết với địa phương qua việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển kinh tế xã hội các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; hợp lực cùng hệ thống quản lý nhà nước các cấp, doanh nghiệp và cựu SV xác định nhu cầu đào tạo, tìm môi trường thực tế nghề nghiệp và vị trí việc làm cho SV.

Khoa PTNT (tiền thân là Khoa Khuyến nông và Phát triển nông thôn) là một trong 7 Khoa thuộc Trường ĐHNL, ĐHH. Khoa được thành lập ngày 21 tháng 01 năm 2005 theo Quyết định số 35/QĐ-ĐHH-TCNS của Giám đốc ĐHH trên cơ sở nâng cấp bộ môn Khuyến nông và phát triển nông thôn thuộc Khoa Nông học nhằm đáp ứng với nhu cầu đòi hỏi về tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật và cung cấp dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực khuyến nông & phát triển nông nghiệp, nông thôn cho khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Trụ sở của Khoa nằm trong khuôn viên Trường ĐHNL, ĐHH tại địa chỉ số 102, đường Phùng Hưng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Khoa có nhiệm vụ đào tạo ở hai bậc gồm đại học và sau đại học. Với bậc đại học, Khoa thực hiện đào tạo với 3 ngành gồm ngành Khuyến nông (KN), ngành Phát triển nông thôn (PTNT) và ngành Kinh doanh và khởi nghiệp nông thôn (KD&KNNT). Đối với ngành PTNT, Khoa đào tạo Kỹ sư với các hệ gồm chính quy và vừa học vừa làm. Riêng đối với chuyên ngành KN thì chỉ đào tạo ở hệ đại học chính quy. Đối với ngành KD&KNNT đào tạo Cử nhân hệ đại học chính quy bắt đầu năm 2020. Ở bậc đào tạo sau đại học, Khoa PTNT thực hiện đào tạo trình độ Thạc sỹ (Ths) và Tiến sỹ (TS) đối với ngành PTNT.

Sự phát triển của Khoa PTNT trong những năm qua gắn liền với truyền thống giáo dục đào tạo trong hơn 54 năm của Trường ĐHNL, ĐHH. Tính đến năm 2021, Khoa đã đào tạo được gần 1000 Kỹ sư hệ chính quy, gần 200 Ths, và 1 TS ngành PTNT. Trong số các cựu SV và cựu học viên của Khoa, có nhiều người đang giữ các chức vụ quan trọng trong các cơ quan nông nghiệp và phát triển nông thôn từ trung ương đến địa phương.

Khoa PTNT có 3 Bộ môn gồm: Khuyến nông và tư vấn phát triển, PTNT và Kinh tế. Tổng số cán bộ (CB), giảng viên (GV) của Khoa là 30 người với 3 Phó giáo sư, 7 Tiến sỹ, 19 Thạc sỹ và 1 chuyên viên. Trong tổng số CB và GV của Khoa hiện có 4 GV đang theo học chương trình nghiên cứu sinh (NCS) ở Việt Nam, 5 GV học chương trình NCS ở nước ngoài. Trong số CB, GV của Khoa, có nhiều người được đào tạo bậc sau đại học lấy bằng Ths, TS từ các nước như Nhật, Đức, Thái Lan, Úc, Hà Lan, ... Nhiều GV của Khoa là những chuyên gia thuộc lĩnh vực PTNT, tham gia các Hội đồng tư vấn, Hội đồng nghiệm thu các đề tài các cấp.

Trải qua hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Khoa PTNT đã đạt được nhiều thành tựu trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Trong nhiều năm qua, đặc biệt là trong những năm gần đây là thời điểm Trường ĐHNL,

ĐHH thực hiện kiểm định Nhà trường đến nay, Khoa đã áp dụng nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo như cử GV đi học tập ở trình độ Ths và TSở trong và ngoài nước; nâng cao thời lượng thực hành thực tập cho SV ; tăng cường xuất bản sách để phục vụ cho quá trình đào tạo; tổ chức các buổi hội thảo với sự tham dự của nhiều nhà khoa học đến từ nhiều trường Đại học trong nước và một số trường Đại học nước ngoài. Trong số các hoạt động này thì việc rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành PTNT được Khoa đặc biệt chú trọng thực hiện để nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

1.2.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành PTNT

a. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo của ngành PTNT đã được xác định rõ ràng và được tuyên bố trong văn bản chính thức của Trường ĐHNL, ĐHH. Chuẩn đầu ra (CĐR) được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt nên đảm bảo trang bị cho SV sau khi tốt nghiệp các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm và phản ánh được yêu cầu của các nhà tuyển dụng. CĐR đã được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

b. Bản Mô tả hiện trạng CTĐT

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần của ngành PTNT đầy đủ thông tin, cập nhật theo quy định, được rà soát và điều chỉnh để phù hợp với CTĐT, CĐR và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Đề cương các học phần trong CTĐT đã thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định và được cập nhật phù hợp với mục tiêu đào tạo và yêu cầu của thực tiễn.

c. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. CTDH có đầy đủ đề cương chi tiết học phần; đã xác định được các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá KQHT để giúp cho SV đạt được CĐR của CTĐT. CTDH có cấu trúc hợp lý và logic giữa khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Nội dung của chương trình có tính cập nhật và tích hợp.

d. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành PTNT đã được phổ biến rộng rãi đến CB, GV và người học cũng như những người quan tâm bằng nhiều hình thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTĐT ngành PTNT đã được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp và nâng cao khả năng tự học suốt đời cho SV.

e. Đánh giá KQHT của SV

Các quy định về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của SV được thể hiện rõ ràng trong các văn bản của Trường và trong đề cương chi tiết của các học phần của CTĐT ngành PTNT. Việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và của Trường; phù hợp với CĐR được ban hành và được thông báo rõ ràng, công khai tới SV với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập.

f. Chất lượng đội ngũ giảng viên

Khoa PTNT đã có đề án vị trí việc làm trong đó thể hiện rõ ràng về chiến lược phát triển đội ngũ cũng như quy hoạch chuyên môn của GV và nghiên cứu viên (NCV) giảng dạy ngành PTNT. Đội ngũ CB và GV của Khoa được tuyển dụng theo các tiêu chí rõ ràng, công khai và được bổ nhiệm đúng quy trình. Tỷ lệ SV/GV của ngành PTNT đảm bảo đúng quy định của Bộ GDĐT. Khối lượng công việc của từng GV, NCV được xác định rõ ràng và được giám sát bởi Khoa và các đơn vị chức năng trong Nhà trường do vậy đã góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

g. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Trường ĐHNL, ĐHH đã thực hiện việc quy hoạch để đảm bảo đáp ứng tốt về số lượng và trình độ của đội ngũ nhân viên cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ được tuyển dụng theo các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến công khai, được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ nhằm đảm bảo chất lượng của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ.

h. SV và hoạt động hỗ trợ SV

Chính sách tuyển sinh ngành PTNT được xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Các thông tin về kế hoạch tuyển sinh được công bố công khai và được cập nhật hàng năm. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV

được xác định rõ ràng và được đánh giá. Nhà trường và Khoa có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ về học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV ngành PTNT cũng như có nhiều hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động thi đua và các hoạt động hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của SV.

i. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng tư liệu, phòng thí nghiệm - thực hành và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp đáp ứng và hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành PTNT. Các nguồn tài liệu thư viện dồi dào, phong phú và được bổ sung hàng năm do vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV ngành PTNT dễ dàng tiếp cận và sử dụng để phục vụ cho hoạt động đào tạo, học tập và nghiên cứu.

k. Nâng cao chất lượng

Khoa PTNT đã thực hiện tốt việc khảo sát thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của CTĐT ngành PTNT với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. CTDH được thiết kế, cải tiến và phát triển theo hướng tiếp cận mục tiêu. Nhà trường và Khoa PTNT đã thực hiện rà soát và đánh giá thường xuyên đối với quá trình dạy và học cũng như KQHT của người từ đó đã đảm bảo cho người học ngành PTNT đạt được các CDR. GV và SV đã thực hiện nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học của ngành PTNT. Nhà trường đã thực hiện các hoạt động cụ thể để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dành cho SV.

l. Kết quả đầu ra

Trường ĐHNL, ĐHH đã thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của SV ngành PTNT. Phần lớn SV ngành PTNT sau khi tốt nghiệp làm các công việc đúng với ngành nghề được đào tạo. Trường đã thực hiện xác lập, giám sát và đối sánh các loại hình NCKH của SV để cải tiến chất lượng. Kết quả NCKH của SV đã đáp ứng được nhu cầu quản lý thực tiễn tại địa phương và phục vụ tốt cho việc học tập của SV.

1.2.2. Tóm tắt những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành PTNT

a. Mục tiêu và CDR của CTĐT

Hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan và rà soát điều chỉnh mục tiêu,

CDR chưa được thực hiện thường xuyên. Việc lấy ý kiến góp ý của các nhà tuyển dụng lao động chủ yếu được thực hiện tại các tỉnh thuộc khu vực miền Trung.

b. Bản mô tả CTĐT

Hầu hết đề cương các học phần chỉ thể hiện duy nhất một hình thức thi và phải tổ chức thi tập trung tại giảng đường nên đã gây khó khăn cho việc thay đổi hình thức thi của các học phần khi SV không thể đến trường trong trường hợp bất khả kháng xảy ra như dịch bệnh, thiên tai,... Đề cương các học phần mới được công bố ở dạng bản in nên chưa tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho các bên liên quan tiếp cận.

c. Cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH chưa tạo cơ hội cho SV được kiểm tra/đánh giá cuối kỳ trong các trường hợp đặc biệt như thiên tai, dịch bệnh xảy ra. Việc lấy ý kiến phản hồi của SV sau tốt nghiệp và ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động để tiến hành điều chỉnh, thay đổi, bổ sung CTĐT được thực hiện chưa thường xuyên.

d. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Một số SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất chưa thật sự chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, cũng như chưa thích nghi với phương pháp tự học và tự nghiên cứu ở bậc đại học. Việc tổ chức dạy học trực tuyến qua mạng còn gặp khó khăn do một số SV không có phương tiện để phục vụ học tập hoặc đường truyền internet ở một số khu vực nơi SV sinh sống còn yếu đã làm ảnh hưởng tới việc học tập của SV. Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học chưa được tổ chức thường xuyên.

e. Đánh giá KQHT của SV

Ngân hàng đề thi của một số học phần được xây dựng theo mức đánh giá chủ yếu dừng ở mức độ nhớ, hiểu, vận dụng và phân tích. Việc lấy ý kiến phản hồi của SV đã tốt nghiệp về các phương pháp đánh giá KQHT của SV chưa được thực hiện. Vẫn còn một số ít SV ít hoặc không quan tâm đến các quy định về đánh giá KQHT và chưa thực sự mạnh dạn trong việc khiếu nại KQHT.

f. Chất lượng đội ngũ GV

Một số GV thực hiện việc nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc Tiến sĩ chậm hơn so với quy hoạch cán bộ chuyên môn. Các quy định về việc ràng buộc nghĩa vụ của đội ngũ GV, NCV sau khi được đào tạo đối với Nhà trường và Khoa chưa đủ mạnh nên đã có một số GV sau khi được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn đã chuyển công tác sang đơn vị khác. Số lượng các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp Nhà nước còn ít. Số lượng bài báo của các GV, NCV đăng trên các tạp chí quốc tế chưa nhiều.

g. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Việc thu thập ý kiến đánh giá về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên đối với hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng mới chỉ được thực hiện đối với SV mà chưa được thực hiện đối với GV và cán bộ hỗ trợ.

h. SV và hoạt động hỗ trợ SV

Trường ĐHNL, ĐHH chưa thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của người học về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn SV ngành PTNT. Việc tổ chức các hoạt động tiếp cận nghề, thao tác nghề, thực tế nghề để cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm cho SV ngành PTNT hầu hết chỉ được thực hiện ở các tỉnh miền Trung từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi. Nhà trường chưa có bộ phận tư vấn hỗ trợ tâm lý cho SV. Bên cạnh đó, Nhà trường chưa có hệ thống cơ sở vật chất phù hợp cho hoạt động học tập và nghiên cứu của người khuyết tật.

i. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên liên quan về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng chưa được triển khai định kỳ hàng năm. Một số máy tính, trang thiết bị sau một thời gian sử dụng đã bị xuống cấp, hư hỏng nhưng chưa kịp thay thế. Nhà trường chưa có chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

k. Nâng cao chất lượng

Việc khảo sát các bên liên quan của Khoa PTNT chủ yếu được thực hiện tại các tỉnh miền Trung. Số lượng ý kiến phản hồi của các nhà Khoa học, đơn vị tuyển dụng lao động và cựu SV chưa nhiều. Việc lấy ý kiến từ các cơ quan tuyển dụng và cựu SV trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH chủ yếu tập trung vào tìm hiểu mức độ đáp ứng của CTĐT với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động mà chưa thực hiện lấy ý kiến về quy trình thiết kế, phát triển CTDH. Việc lấy ý kiến của SV đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được thực

hiện đối với tất cả các học phần được giảng dạy. Một số máy tính tại các phòng máy tính đã bị hỏng hoặc thường bị lỗi và gây khó khăn cho việc sử dụng. Tốc độ truy cập mạng còn chậm.

1. Kết quả đầu ra

Nhà trường chưa xác định được lý do chính xác dẫn đến thôi học của các SV nghỉ học không có lý do để có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh. Một số SV sau khi tốt nghiệp ngành PTNT làm việc trái với ngành nghề đào tạo. Nhiều SV sau khi ra trường đã thay đổi các kênh liên lạc như số điện thoại, địa chỉ email,... nên đã gây khó khăn cho hoạt động khảo sát để cập nhật tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Kinh phí dành cho mỗi đề tài NCKH của SV còn ít nên đã ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn phạm vi và nội dung nghiên cứu của các nhóm SV. Nhà trường chỉ thực hiện khảo sát SV toàn khóa chung mà chưa thực hiện tách số liệu khảo sát tính riêng cho CTĐT của từng ngành, trong đó có CTĐT ngành PTNT.

Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Khoa PTNT, Trường ĐHNL, ĐHH là một trong những cơ sở đào tạo hàng đầu về lĩnh vực Phát triển nông thôn ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước, có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học có trình độ cao. CTĐT ngành phát triển nông thôn được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành và các quy định, hướng dẫn của ĐHH, thể hiện được các CĐR dành cho SV tốt nghiệp và bao trùm được các CĐR liên quan tới kiến thức và kỹ năng ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu và CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Trường ĐHNL, ĐHH có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế. Sứ mạng này được trường ĐHNL, ĐHH tuyên bố trong Quyết định số 538/QĐ-ĐHNL ngày 16 tháng 06 năm 2016 của Trường ĐHNL, ĐHH và Số 335/QĐ-ĐHNL ngày 21 tháng 05 năm 2021 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Năm 2002, Khoa PTNT được trường ĐHNL, ĐHH giao xây dựng chương trình đào tạo ngành KN&PTNT (song ngành) ở bậc đại học. Sau đó, có các đợt điều chỉnh tách thành 2 ngành KN và PTNT (2012). Từ năm 2012 đến nay, Khoa bắt đầu thực hiện tổ chức CTĐT Kỹ sư phát triển nông thôn [H1.01.01.01], [H1.01.01.04].

Mục tiêu của CTĐT Kỹ sư PTNT được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của bậc đào tạo trình độ đại học

[H1.01.01.01], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.14], [H1.01.01.16] . Cụ thể là: Mục tiêu của CTĐT ngành PTNT đào tạo Kỹ sư PTNT có trình độ căn bản về khối kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành, có trình độ chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên ngành trong Phát triển nông thôn nói riêng (Kỹ thuật cơ bản các lĩnh vực kỹ thuật như: hệ thống nông nghiệp, Trồng trọt, chăn nuôi và Nuôi trồng Thủy sản. Kiến thức về kinh tế, kinh doanh: kinh doanh nông nghiệp, các dự án phát triển và Xã hội phát triển: Nhà nước và pháp luật, qui hoạch phát triển), đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về tư vấn/tham vấn và nghiên cứu PTNT . Mục tiêu này được thể hiện cụ thể trong quyền CTĐT trình độ đại học ngành PTNT ban hành năm 2012, 2017 và 2020. Các CTĐT ngành PTNT qua các năm và Quyết định công bố CDR trình độ đại học của Trường ĐHNL, ĐHH cũng được đăng tải trên website của trường ĐHNL, ĐHH, [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

Mục tiêu của CTĐT Kỹ sư phát triển nông thôn được xác định phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại luật giáo dục đại học và phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHNL, ĐHH. Các tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn năm 2030 của ĐHNL và của ĐHH đều đề cập tới việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; NCKH , phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; làm nòng cốt và đầu tàu trong các đại học nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học PTNT; đến 2025 đạt ngang tầm các trường trong nước và khu vực [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.13], [H1.01.01.16], [H1.01.01.17].

Các cán bộ, giảng viên trong Khoa đã tích cực tham gia rà soát, điều chỉnh, xây dựng CTĐT, biên soạn đề cương học phần theo CDR trong các năm học 2013 -2014 đến 2016 – 2017, 2020 – 2021, [H1.01.01.11], [H1.01.01.12]. Trong năm 2020, thực hiện quy định của Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Trường ĐHNL, ĐHH đã tiến hành điều chỉnh các CTĐT trình độ đại học của Nhà trường trong đó có ngành PTNT. Như vậy, CTĐT và CDR mới cập nhật đã được xác định rõ ràng và phù hợp với quy định về trình độ bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và nhu cầu xã hội [H1.01.01.08], [H1.01.01.12], [H1.01.01.15]. Khi xây dựng chương trình, các thành viên soạn thảo gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các giảng viên thuộc các Bộ môn của Khoa PTNT đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, của

ĐHH vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT. Hội đồng khoa học của Khoa đã phụ trách việc phản biện và thẩm định CTĐT [H1.01.01.18]

Để hoàn thiện khung CTĐT theo CDR, Khoa PTNT cũng đã lấy ý kiến đóng góp thêm của GV và chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng. Nhìn chung kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá số liệu chỉnh sửa CDR và khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đó là sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường (phù hợp với sứ mạng của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, được xã hội thừa nhận).

Như vậy, với mục tiêu đào tạo kỹ sư PTNT có trình độ chuyên sâu trong các lĩnh vực chuyên ngành, đáp ứng nhu cầu xã hội, CTĐT Kỹ sư phát triển nông thôn đã cụ thể hóa sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHNL, ĐHH.

Mục tiêu của CTĐT ngành Phát triển nông thôn phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và Chiến lược phát triển của Trường ĐHNL đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 [H1.01.01.07], [H1.01.01.013]. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch điều chỉnh, cập nhật và phát triển chương trình theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của trường. Trên cơ sở này, hàng năm, Khoa PTNT đều có rà soát [H1.01.01.19], tổng kết và xây dựng kế hoạch đào tạo, nghiên cứu của Khoa [H1.01.01.18], [H1.01.02.11], [H1.01.02.12].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT Kỹ sư PTNT đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo tập trung và 3 trụ cột chính về kiến thức và kỹ năng là: Kỹ thuật sản xuất cơ bản, Kiến thức kinh tế, kế hoạch, và tiếp cận xã hội đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về PTNT.

Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Khoa PTNT quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

3. Tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được rà soát một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay mà việc rà soát theo kế hoạch và hướng dẫn của cơ quan chủ quản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét, rà soát một cách kỹ lưỡng, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được rà soát một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay.	Khoa PTNT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Từ năm học 2016-2017, sẽ cùng hội đồng KHĐT tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của trường ĐHNL, ĐHH phù hợp với Luật giáo dục đại học đáp ứng hơn nữa với nhu cầu xã hội ngày càng cao về PTNT, quản lý các chương trình, tăng cường kết nối doanh nghiệp.	Khoa PTNT	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả

Khoa PTNT đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT ra theo đúng quy trình 8 bước được hướng dẫn trong các văn bản của ĐHH và Nhà trường về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT đại học đáp ứng yêu cầu của đào tạo tín chỉ giai đoạn 2011-2015. CĐR ngành PTNT được xây dựng theo qui trình 8 bước: 1) Hội đồng Khoa học Trường thông qua chủ trương, 2) Hội đồng khoa học Khoa xây dựng dự thảo. 3). Gửi dự thảo tham vấn, 4). Hoàn thiện CĐR theo góp ý. 5) Tổ chức hội thảo. 6) Tham vấn rộng rãi CĐR trên Website. 7) Hội đồng cấp Khoa hoàn thiện và trình Hiệu trưởng phê duyệt và 8) Công bố rộng rãi CĐR trên

trang Web của đơn vị, Trường [H1.01.02.01], [H1.01.02.03], [H1.01.02.06], [H1.01.02.12].

CĐR của CTĐT Kỹ sư PTNT được mô tả rõ ràng trong khung CTĐT hệ chuẩn ngành PTNT ban hành năm 2012 sau khi điều chỉnh, phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường với thế mạnh đào tạo chuyên sâu về PTNT [H1.01.02.06], [H1.01.02.08], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10]. Năm 2020, thực hiện việc điều chỉnh theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ, trường ĐHNL tiếp tục điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành PTNT dựa trên quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT và quy định của ĐHH về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố CĐR, CTĐT trình độ đại học [H1.01.01.15], [H1.01.02.13]. Các chuẩn này đáp ứng khung trình độ Quốc gia (bậc 6), được thể hiện thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: Kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.02.01], [H1.01.02.03], [H1.01.02.13]. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy, học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy.

CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi tới các cán bộ giảng viên và người học, nhà sử dụng lao động thông qua website của nhà trường, qua các cuộc họp xây dựng CĐR [H1.01.01.18], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07].

CĐR của CTĐT Kỹ sư phát triển nông thôn so với ma trận khung kỹ năng, đã bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là:

Về kiến thức và năng lực chuyên môn, CTĐT ngành PTNT hướng đến trang bị cho SV những kiến thức chung liên quan đến các hiểu biết về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng Việt Nam; những kiến thức theo lĩnh vực liên quan đến Kinh tế, Xã hội học, Nhà nước và pháp luật nhằm vận dụng sáng tạo vào nghiên cứu môi trường xã hội; những kiến thức theo khối ngành giúp SV vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức PTNT, Công tác xã hội vào nghiên cứu và giúp người học xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành PTNT như qui hoạch, quản lý các dự án và của từng chuyên ngành chuyên sâu như Quản lý dự án trong PTNT.

Nhìn chung, CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT, chương trình chuẩn khung trình độ Quốc gia (bậc 6). Đây là cơ sở quan trọng đảm bảo tính khả thi của các CĐR được nêu và khả năng liên kết giữa

CĐR với chương trình học tập mà người học lựa chọn theo đuổi (do các học phần bắt buộc và lựa chọn, hay hướng chuyên ngành cụ thể mà mỗi SV đăng ký) [H1.01.02.01], [H1.01.02.03], [H1.01.01.09DC]

CĐR ngành PTNT xác định rõ ràng những kỹ năng tổng hợp mà SV phải đạt được như sau: SV phải có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến phản hồi và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong PTNT ; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương vùng miền hay lĩnh vực cụ thể.

CĐR ngành PTNT cũng xác định những kỹ năng chuyên biệt mà SV học chuyên sâu các chuyên ngành cụ thể phải đạt tới trong đó nhấn mạnh đến các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp [H1.01.02.01], [H1.01.02.03], [H1.01.01.09DC]

Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được thể hiện thông qua các CĐR của học phần [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.08], [H1.01.02.09]. Nói cách khác, mỗi CĐR riêng lẻ của học phần là căn cứ để xây dựng tổng thể CĐR của CTĐT [H1.01.02.10]. Điều này làm tăng tính khả thi của các CĐR cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR. Các CĐR này cũng được tổ chức dưới dạng các nhóm kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.02.09], [H1.01.02.10], [H1.01.02.11], [H1.01.02.12]

Đến năm 2020, căn cứ vào Nghị định 99/2019/NĐ- CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Trường ĐHNL, ĐHH đã thực hiện điều chỉnh CTĐT ngành PTNT [H1.01.01.09DC]. Để thực hiện việc điều chỉnh này Nhà trường tiếp tục điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành PTNT dựa trên quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT và quy định của ĐHH về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố CĐR CTĐT trình độ đại học [H1.01.02.04]. Sau khi xây dựng xong, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 693/QĐ-ĐHNL ngày 11 tháng 8 năm 2020 để công bố CĐR của ngành PTNT đồng thời công bố CĐR này tại trang Website của Nhà trường [H1.01.01.04DC], [H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh

Khung CTĐT ngành PTNT được thiết kế bao gồm những học phần mở có khả năng định hướng về chuyên môn nghề nghiệp ban đầu nhằm mục tiêu

khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. Người học sẽ được trải nghiệm và tham gia vào các học phần từ khối kiến thức chung đến khối kiến thức ngành để thụ hưởng các kiến thức từ cơ bản của ngành đến chuyên ngành. Để có thể thực hiện được toàn bộ CTĐT này, người học được đòi hỏi không chỉ có năng lực học tập mà còn phải có năng lực nghiên cứu, năng lực phát hiện vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực quản lý thời gian... và quan trọng hơn cả là năng lực đánh giá, chẩn đoán, can thiệp các vấn đề phát triển ở cộng đồng và khu vực có vấn đề. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa các loại hình hoạt động trong mỗi học phần thúc đẩy người học tìm hiểu nội dung học tập từ nhiều cách tiếp cận, từ đó phát triển nhu cầu học tập một cách tự giác cho người học.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập, qua đó SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời, học ở các bậc cao hơn nữa.

3. Tồn tại

Trong những năm gần đây, còn tồn tại một số SV không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ và tin học. Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường, của ĐHH mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Khoa Phối hợp với Phòng ĐT&CTSV tìm phương thức hiệu quả hơn trong việc trang bị đầy đủ các điều kiện về ngoại ngữ để SV có thể ra trường đúng hạn.	Khoa PTNT và Phòng ĐT&CTSV	Từ năm 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa PTNT sẽ yêu cầu các GV, BM đánh giá, rà soát lại CĐR của từng học phần và sẽ cùng hội đồng KHĐT Khoa đánh giá, rà soát và đề xuất điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận khu vực và quốc tế, đáp ứng với những biến đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, chính trị tại Việt Nam và Khu vực.	Khoa PTNT và Bộ môn, GV, Hội đồng KHĐT	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Từ năm 2012 đến nay, CĐR của chương trình đã được chỉnh sửa, hoàn thiện sau khi có hướng dẫn của ĐHH và tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan và chuẩn đầu ra ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn về trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình [H1.01.02.05], [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.05], [H1.01.02.03dc], [H1.01.01.09DC]

CĐR được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT uy tín ở Việt Nam như Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Thái Nguyên, Đại Học Cần Thơ và các chương trình tham khảo của Đại học Szent Istvan – Hungary; Thời gian đào tạo: 3,5 năm; Chương trình tham khảo: Đại học Cork – Ai-len; Thời gian đào tạo: 3,0 năm; Chương trình tham khảo 3: Đại học Jimma – Ethiopia; Thời gian đào tạo: 3 năm; [H1.01.03.08], [H1.01.03.09], [H1.01.03.10] đồng thời có sự tham gia của các chuyên gia cùng lĩnh vực trong và ngoài trường như các nhà quản lý, doanh nghiệp ... [H1.01.03.14], có sự tham khảo ý kiến rộng rãi từ phía GV, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng [H1.01.03.14], [H1.01.03.15]. CĐR đã

được hội đồng Khoa học cấp khoa, cấp trường thông qua, nghiệm thu [H1.01.03.16], [H1.01.03.17], [H1.01.03.18], [H1.01.03.19], [H1.01.03.22] và được ĐHH phê chuẩn, ra quyết định thực hiện.

Nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của thị trường lao động, CĐR của ngành PTNT đã được thực hiện rà soát, điều chỉnh liên tục. Các buổi thẩm định xây dựng CĐR của CTĐT đã tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV và các nhà sử dụng lao động trên cơ sở đó Khoa đã tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và kịp thời điều chỉnh CTĐT. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan thông qua danh mục các CĐR (về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học và cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp), [H1.01.03.05], [H1.01.02.03DC], [H1.01.01.09DC] và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng đề cương chi tiết học phần trong CTĐT từ 2016 - 2020 [H1.01.02.11], [H1.01.02.12], [H1.03.13]. Dựa trên CĐR đã nêu, CTĐT ngành PTNT hoàn toàn có đủ điều kiện trang bị cho người học những năng lực được xã hội và các bên liên quan mong đợi của một kỹ sư PTNT.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa đã khảo sát và thu thập ý kiến SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CĐR, cấu trúc CTĐT được dự kiến bởi các chuyên gia [H1.01.02.11], [H1.01.02.12], [H1.01.03.15]. CĐR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hóa quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn của ngành PTNT [H1.01.02.12].

Ngoài ra, Khoa PTNT đều lấy ý kiến đánh giá của SV đối với việc giảng dạy theo mẫu soạn chung của Nhà trường [H1.01.03.15]. Các ý kiến của SV về CTĐT, nội dung và phương pháp giảng dạy của các học phần sau khi kết thúc khóa học hoặc học phần là cơ sở quan trọng để Khoa có những điều chỉnh về nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm tăng sự tương thích giữa CĐR của mỗi học phần với kỳ vọng của người học.

Quy trình khảo sát các bên liên quan cập nhật CĐR: Để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Theo kế hoạch hàng năm hay kế hoạch định kỳ chung của Trường, Khoa tổ chức khảo sát các bên liên quan để cập nhật CĐR.

Bước 1: Dựa trên những thay đổi về chính sách, các văn bản liên quan, lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng thông qua trao đổi ở ngày hội việc làm, chương trình liên kết thực tập, kết quả khảo sát người học sau mỗi khóa ra trường. Kết quả tham vấn gần đây nhất, các nhà tuyển dụng trả lời là hài lòng nhất là với kỹ năng mềm của SV, tuy kiến thức về mặt kỹ thuật còn có những hạn chế. Về tổng thể chất lượng đào tạo của ngành PTNT đã được đảm bảo [H1.01.03.14]. Các nhà tuyển dụng đều bày tỏ ý kiến đồng tình cao đối với những tiêu chí về kỹ năng nghề nghiệp của CTĐT đưa ra. CTĐT được xây dựng hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực không chỉ có kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo mà còn được trang bị các kỹ năng thực hành theo yêu cầu của xã hội.

Bước 2: Đánh giá và xác định những hiệu quả của CĐR so với CTĐT đang thực hiện. Dựa trên các CĐR và việc xây dựng ma trận kiến thức và kỹ năng mong muốn đạt được cần xem xét chương trình đào tạo có được thiết kế hướng đến CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chỉ và trách nhiệm có phù hợp, qua đó đáp ứng được mục tiêu của khung quốc gia (Bậc 6), với chương trình đào tạo chung của Trường ĐHNL, của ĐHH và những yêu cầu đặt ra của thị trường lao động, chương trình trọng tâm không chỉ đào tạo các kiến thức lý thuyết về ngành PTNT mà còn tập trung rèn luyện cho SV các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ thiết yếu cho người học, người làm công tác trợ giúp và tư vấn/tham vấn các chương trình phát triển, xây dựng nông thôn mới.

Bước 3: Dựa trên những yêu cầu mới, những kết quả đạt được, những phản hồi của người học, các bên liên quan khác, những hạn chế được phát hiện, hội đồng khoa học cấp Khoa sẽ xem xét điều chỉnh CĐR cho phù hợp với yêu cầu mới.

Bước 4: Hội đồng Khoa học cấp Trường sẽ xem xét những đề xuất điều chỉnh của Hội đồng cấp Khoa để xem xét phê duyệt và công bố công khai chuẩn đầu ra mới trên trang Web của Khoa và Trường..

Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT đã thực hiện công bố công khai CĐR ngành PTNT dưới nhiều hình thức khác nhau. Cụ thể, CĐR năm 2017 được công bố trong Quyết định số 469/QĐ-ĐHNL ngày 03 tháng 05 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH về ban hành CTĐT trình độ đại học và Quyết định số 240/QĐ-ĐHNL ngày 14 tháng 3 năm 2017 về công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học chính quy tại Trường ĐHNL, ĐHH; CĐR năm

2020 của ngành PTNT cũng đã được công bố trên website của Trường ĐHNL, ĐHH [H1.01.02.01], [H1.01.01.18].

Việc công bố CĐR ngành PTNT năm 2020 bằng hình thức in ấn trong quyển CTĐT ngành PTNT được Khoa PTNT thực hiện ngay sau khi hoàn thành việc cập nhật xong CTĐT vào tháng 7 năm 2021. Việc công bố công khai bằng nhiều kênh và hình thức khác nhau đã giúp cho GV, SV và những người quan tâm dễ dàng tiếp cận và nắm bắt CĐR của CTĐT ngành PTNT.

2. Điểm mạnh:

CĐR của CTĐT ngành PTNT được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng chuyên ngành cụ thể và từng học phần cụ thể.

Chuẩn đầu ra có yêu cầu cụ thể với SV từng chuyên ngành sâu và các cơ sở tiếp nhận SV thực tập theo từng năm học, từng chuyên ngành có căn cứ để đánh giá SV.

3. Tồn tại

Chương trình còn có những hạn chế về kỹ thuật, SV chưa có được các kiến thức sâu về kỹ thuật nông nghiệp.

Chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tốt nghiệp tại cơ sở, chưa có các mối quan hệ ổn định với các cơ sở thực tập, chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới.

Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin phản hồi thường xuyên của Khoa đối với vấn đề cụ thể, các thông tin phản hồi chưa được thường xuyên và theo từng đợt.

4. Kế hoạch hành động :

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	. Từ năm học 2020 -2021 Khoa PTNT sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc phối hợp với những cơ sở thực hành có uy tín doanh nghiệp, trang trại... để tăng cường kiến thức thực tế kỹ thuật, tăng cường	Khoa PTNT	Từ năm 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		thực tế. Phối hợp với những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành PTNT ; Khoa sẽ cùng Hội đồng KHĐT khoa làm việc với các cơ sở này để rà soát, trao đổi và xây dựng học phần doanh nghiệp, những nguyên tắc liên quan đến CDR của CTĐT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV đạt được kết quả mong đợi.		
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa sẽ tiếp tục cải tiến Trang WEB kênh truyền thông riêng cho Khoa nhằm phục vụ công tác đào tạo của Khoa về PTNT và các ngành khác. Hàng năm, Khoa tích cực chuẩn bị nội dung, chương trình cải tiến để đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh cho các bậc đại học cũng như cao học và thể hiện qui mô hoạt động của Khoa.	Khoa PTNT phối hợp với TT,TTTV	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT Kỹ sư phát triển nông thôn đã xác định rõ ràng về kiến thức kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm xây dựng các hướng đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về phát triển nông thôn. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều bên, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV. Chuẩn đào tạo ngành PTNT được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng chuyên ngành cụ thể và từng học phần cụ thể.

Một số hạn chế của CĐR của CTĐT Kỹ sư PTNT được xác định: Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được làm một cách thường xuyên và mức độ phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường, của ĐHH mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; Chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, chưa có các ký kết với cơ sở, chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới; Khoa chưa khai thác các thông tin trên cơ sở thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí: 5/7

TIÊU CHUẨN 2

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT ngành PTNT được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do trường ĐHNL, ĐHH ban hành từ năm 2012, điều chỉnh năm 2017 và cập nhật mới nhất năm 2020 theo các quy định, hướng dẫn của trường, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. CTĐT ngành PTNT được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội về công tác phát triển nông thôn. Bản mô tả CTĐT ngành PTNT cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra và đánh giá học phần [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05].

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT ngành PTNT của Trường ĐHNL, ĐHH đến SV, nhà tuyển dụng lao động, học sinh có nguyện vọng học tại trường và những người quan tâm khác. Xác định được vai trò quan trọng của bản mô tả nên Khoa PTNT đã chú trọng xây dựng tài liệu này với đầy đủ thông tin gồm thông tin chung, thông tin về mục tiêu và CĐR của chương trình, thông tin về nội dung chương trình. Cụ thể như sau:

Ở phần thông tin chung, các thông tin được thể hiện bao gồm: tên của Trường ĐHNL, ĐHH; tên của CTĐT là ngành PTNT được thể hiện bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt; trình độ đào tạo; mã ngành đào tạo; đối tượng tuyển sinh; thời gian đào tạo; loại hình đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa; văn bằng tốt nghiệp.

Ở phần thông tin về mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT thể hiện rõ về cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Bên cạnh đó, CĐR được thể hiện chi tiết về CĐR về kiến thức (gồm kiến thức chung của toàn ĐHH, kiến thức lĩnh vực, kiến thức chung khối ngành và kiến thức nghề nghiệp), CĐR về kỹ năng (gồm

kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm) và CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp.

Đối với phần thông tin về nội dung chương trình như cấu trúc khóa học trong bản mô tả trình bày về ma trận CĐR, kế hoạch giảng dạy, tóm tắt nội dung học phần, các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập (KQHT) của SV.

Đối với tiến trình xây dựng CTĐT, sau khi ĐHH ban hành CTĐT ngành PTNT vào tháng 11 năm 2012 [H1.01.03.01DC] và theo các văn bản hướng dẫn của trường ĐHNL, ĐHH [H2.02.01.02], Khoa PTNT đã thiết kế bản mô tả chương trình đào tạo rất chi tiết và cụ thể [H2.02.01.03]; [H2.02.01.04]; H2.02.01.05]. Tháng 5/2017 Hiệu trưởng trường ĐHNL, ĐHH tiếp tục ra quyết định điều chỉnh và văn bản hướng dẫn cập nhật CTĐT theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước đó đã ban hành các quyết định về việc hướng dẫn cập nhật chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy [H1.01.03.26DC], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. CTĐT Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT đã cấu trúc lại các học phần theo nhóm kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ, bổ sung tín chỉ thực hành thực tập nghề nghiệp cho SV. CTĐT ngành PTNT tiếp tục được điều chỉnh, cập nhật theo đúng quy trình và các quy định của Nhà trường năm 2020 [H2.02.01.05]. Bản mô tả CTĐT ngành PTNT năm 2020 của Khoa PTNT đã nêu ra cụ thể các thông tin về CTĐT (tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo,...), mục tiêu, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo [H2.02.01.05]. Đặc biệt, bản mô tả CTĐT đã trình bày rất chi tiết các CĐR của ngành PTNT, bao gồm CĐR về kiến thức (chuẩn khối kiến thức chung toàn ĐHH; chuẩn khối kiến thức lĩnh vực; chuẩn kiến thức chung khối ngành; chuẩn kiến thức về nghề nghiệp; chuẩn kiến thức bổ trợ); chuẩn về kỹ năng (kỹ năng về nghề nghiệp; kỹ năng mềm) và các năng lực cần thiết đối với người học [H2.02.01.08]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn trình bày chi tiết cấu trúc CTĐT và nội dung chương trình giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT đã được cập nhật [H2.02.01.05], [H2.02.01.08]. Trong bản mô tả này đã được cập nhật một số thông tin mới so với bản mô tả năm 2017 như: Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 tín chỉ (so với 128 của khung 2017), thời gian đào tạo là 4 năm. Ở các CĐR về kiến thức nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp được thể hiện chi tiết dưới dạng các PLOx.x; Cả khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp đều có sự tăng thêm về số

tín chỉ đào tạo; Ma trận CDR phản ánh rõ mức độ đóng góp của từng học phần vào các chuẩn đầu ra theo từng cấp độ [H2.02.01.05].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành PTNT được xây dựng bài bản trên cơ sở bản hướng dẫn của trường ĐHNL, ĐHH, thể hiện đầy đủ thông tin và được cập nhật theo chủ trương và kế hoạch của Nhà trường cũng như theo nhu cầu của thị trường lao động và xã hội. Qua bản mô tả này người học và xã hội có thể nắm bắt được lộ trình dự kiến của toàn bộ khóa học cũng như các yêu cầu đặt ra đối với người học khi theo học ngành PTNT.

3. Tồn tại

CTĐT nhìn chung chưa được cập nhật theo định kỳ, nhất 2 năm một lần . CTĐT chưa đáp ứng được nhu cầu học vượt, học sớm của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện cập nhật bản mô tả CTĐT theo định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần	Khoa PTNT	Từ năm 2021 - theo định kỳ rà soát điều chỉnh CTĐT
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHH và của Trường ĐHNL, ĐHH trong việc xây dựng và cập nhật bản mô tả CTĐT.	Khoa PTNT	Từ năm 2021 - theo định kỳ rà soát điều chỉnh CTĐT

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần là một tài liệu rất quan trọng trong CTĐT nói chung và CTĐT bậc đại học ngành PTNT nói riêng. Trong CTĐT ngành PTNT có đầy đủ các bản đề cương chi tiết học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành của ngành PTNT. Tất cả các bản đề cương chi tiết của các học phần đều được biên soạn theo quy định chung với đầy đủ các thông tin liên quan như: tên Khoa chuyên môn; tên tiếng Việt và tên tiếng Anh của học phần; mã học phần; số tín chỉ; phân bổ thời gian giảng dạy; điều kiện tiên quyết của học phần; mục tiêu của học phần; mô tả vắn tắt nội dung của học phần; hình thức tổ chức giảng dạy, học tập; các phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập; tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo; nội dung chi tiết học phần; thông tin của các GV phụ trách giảng dạy học phần; chữ ký của Hiệu trưởng Trường ĐHNL, ĐHH; chữ ký của trưởng Khoa PTNT và chữ ký của đại diện nhóm GV biên soạn. Với các thông tin chi tiết và đầy đủ này, cùng với việc thể hiện mô tả môn học về các vấn đề như nội dung tóm tắt, kế hoạch giảng dạy, loại học phần tự chọn hay bắt buộc, vai trò trong ma trận kỹ năng của CTĐT,... trong bản mô tả CTĐT đã cho thấy sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần đối với việc đạt được CDR của CTĐT ngành PTNT.

Tiến trình xây dựng đề cương ngành PTNT được thực hiện rất khoa học. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Khoa PTNT đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của trường ĐHNL, ĐHH[H2.02.01.02DC]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu của từng học phần [H2.02.01.02DC], [H2.02.02.02], [H1.01.02.01DC].

Các đề cương học phần đều bao gồm những thông tin sau:

- Thông tin chung (tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, thời gian phân bổ giữa lý thuyết và thực hành, thời gian giảng dạy và điều kiện tiên quyết)
- Mục tiêu của học phần (bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ)
- Mô tả vắn tắt nội dung của học phần
- Hình thức tổ chức giảng dạy, học tập (số tiết lên lớp, thực hành, tự học và kiểm tra)

- Phương pháp, hình thức kiểm tra, thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần
- Tài liệu học tập (gồm các giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo)
- Nội dung chi tiết học phần và hướng dẫn thực hiện nội dung
- Thông tin liên hệ của các giảng viên phụ trách học phần

Đề cương học phần khi xây dựng đều có thông qua và thảo luận chi tiết tại các cuộc họp của bộ môn chuyên môn trước khi được thẩm định bởi Tổ thẩm định đề cương chi tiết học phần và đưa vào chương trình đào tạo chính thức [H2.02.02.04], [H2.02.02.05].

Các đề cương học phần trong bản mô tả CTĐT đa số có thời lượng 2 tín chỉ, nhiều học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành. Tất cả đề cương học phần đều được định kỳ bổ sung, thay thế, điều chỉnh và cập nhật, đặc biệt lần cập nhật thông tin về nội dung các học phần mới nhất của ngành PTNT là năm 2020 [H2.02.02.06], [H2.02.01.09], [H2.02.01.10], [H2.02.01.11], [H2.02.01.12].

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần đều được đội ngũ GV biên soạn cẩn thận, công phu và đúng theo mẫu quy định của nhà trường. Đề cương các học phần được soạn trên cơ sở phát triển năng lực người học theo ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng.

3. Tồn tại

Nhiều học phần có khối lượng kiến thức bị chia nhỏ với dung lượng chủ yếu là 2 tín chỉ gây khó khăn cho người dạy và người học. Nhiều học phần với dung lượng chỉ 2-3 tín chỉ nhưng phân bổ kiến thức còn bao gồm cả lý thuyết lẫn thực hành dẫn đến khó khăn trong việc chia nhóm và lên lịch phần thực hành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị	Thời gian
----	----------	--------------------	--------	-----------

			chủ trì	
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát tổng thể đề cương các học phần để gộp thành nhóm học phần có dung lượng lớn hơn, loại bỏ những nội dung trùng lặp. Tách phần thực hành ở những nhóm học phần cùng chung khối kiến thức và gộp lại để thành những học phần thực hành riêng để thuận lợi trong việc điều hành cũng như phát triển năng lực người học. Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh nội dung đề cương học phần cho khoa học phù hợp hơn, đáp ứng yêu cầu xã hội và sự phát triển của lĩnh vực khoa học liên quan.	Khoa PTNT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định của Bộ GDĐT, ĐHH và của Nhà trường liên quan đến xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần	Khoa PTNT	Theo định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành PTNT mới được cập nhật năm 2017 và 2020 đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản in của bản mô tả chương trình đào tạo được lưu trữ ở Phòng ĐT&CTSV, Khoa PTNT và Trung

tâm thông tin thư viện của trường ĐHNL, ĐHH, sẵn sàng cung cấp và chia sẻ thông tin cho các tổ chức, cá nhân quan tâm [H2.02.03.01], [H2.02.01.03 DC], [H2.02.01.07 DC], [H2.02.02.02 DC], [H2.02.03.05]. Ngoài ra, bản mô tả chương trình đào tạo này còn được công khai trên trang Web của nhà Trường [H2.02.03.06].

Tất cả đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản in của các đề cương chi tiết học phần được lưu trữ ở Phòng ĐT&CTSV, các Bộ môn chuyên môn và Khoa PTNT, TT,TTTV của Trường ĐHNL, ĐHH, sẵn sàng cung cấp và chia sẻ thông tin cho các tổ chức, cá nhân quan tâm [H2.02.03.03] [H2.02.01.03 DC], [H2.02.01.07 DC], [H2.02.02.02 DC], [H2.02.03.05]. Ngoài ra, các đề cương chi tiết học phần còn được công khai trên trang web của nhà Trường [H2.02.03.08]. Nhằm giúp cho SV có kế hoạch học tập phù hợp trên cơ sở nắm bắt được cấu trúc môn học, các hoạt động dạy và học, hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần, tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo của học phần,... nên ngay tại buổi học đầu tiên của học phần, GV giảng dạy đều dành thời gian để giới thiệu đề cương chi tiết của học phần cho SV. Bên cạnh đó, theo quy định của trường ĐHNL thì trong hồ sơ lên lớp của GV luôn phải có đề cương chi tiết của học phần mà GV phụ trách giảng dạy.

Nhà trường và Khoa PTNT đã có các hình thức để giới thiệu, phổ biến và hướng dẫn người học sử dụng các đề cương học phần hợp lý thông qua các bản thông báo đến lớp học [H2.02.03.09], sổ tay SV [H2.02.03.10].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đã được công bố công khai trên nhiều kênh khác nhau. Các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần thuộc ngành PTNT.

3. Tồn tại

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành PTNT chưa được công bố, giới thiệu sâu rộng đến tất cả các đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực này cũng như giới thiệu rộng rãi đến các đối tượng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) để có định hướng rõ ràng và quyết định đăng ký theo học trên toàn quốc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Công bố công khai đề cương của các học phần trên trang Website của Khoa PTNT	Khoa PTNT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công bố công khai bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần thông qua nhiều hình thức khác nhau.	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
		Duy trì và phát triển các kênh và mối liên hệ để tiếp tục giới thiệu chương trình đào tạo ngành PTNT tới các bên liên quan trong xã hội	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT ngành PTNT của trường ĐHNL, ĐHH với nội dung được xây dựng phù hợp với sứ mạng của nhà trường và đáp ứng yêu cầu của xã hội, được công bố rộng rãi trong trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua các kênh khác nhau. Tất cả đề cương chi tiết các học phần được trình bày đầy đủ rõ ràng với các chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được. Qua bản mô tả này người học và xã hội có thể nắm bắt được lộ trình dự kiến của toàn bộ khóa học cũng như các yêu cầu đặt ra đối với người học khi theo học ngành PTNT giúp cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan dễ dàng tiếp cận với bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần thuộc ngành PTNT. Đồng thời bản mô tả CTĐT luôn được được rà soát, điều chỉnh bổ sung nhằm đổi mới, cải tiến chương trình đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển của xã hội.

Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT cũng tồn tại một số hạn chế như chưa thể hiện được tiến trình đào tạo qua từng năm học hay từng học kỳ; chưa đáp ứng được nhu cầu học vượt, học sớm của người học; chưa được cập nhật thường xuyên và lấy ý kiến khảo sát định kỳ của giảng viên và SV; nhiều học phần có khối lượng kiến thức bị chia nhỏ với dung lượng chủ yếu là 2 tín chỉ gây khó khăn cho người dạy và người học;

Để khắc phục những tồn tại trên, từ năm học 2020 - 2021, cùng với tiến trình rà soát, điều chỉnh CTĐT của nhà trường, Khoa PTNT sẽ tiến hành rà soát định kỳ chuẩn đầu ra và các thông tin liên quan để cập nhật đầy đủ vào bản mô tả CTĐT; Tách phần thực hành ở những nhóm học phần cùng chung khối kiến thức và gộp lại để thành những học phần thực hành riêng để thuận lợi trong việc điều hành cũng như phát triển năng lực người học; Tăng cường quảng bá chương trình đào tạo ngành PTNT, giới thiệu, tư vấn tuyển sinh và phát triển mối quan hệ với doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí của tiêu chuẩn 2 cho thấy tiêu chuẩn này có 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 3

CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY VÀ HỌC

Mở đầu:

Chương trình dạy học (CTDH) là yếu tố cốt lõi của mỗi ngành đào tạo ở các trường đại học. Chương trình có cấu trúc và nội dung tốt, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. CTDH ngành PTNT đã được xây dựng dựa trên các quy định chặt chẽ của nhà trường về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của đào tạo kỹ

sur PTNT, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H2.02.01.02DC], [H3.03.01.02].

CTDH ngành PTNT có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. CTDH được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học [H2.02.01.07DC].

CTDH bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp [H2.02.02.06DC]. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR [H3.03.01.08], [H3.03.01.09]. Đồng thời, CTĐT ngành PTNT đã được ra soát định kỳ và đổi mới nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động [H3.03.01.11].

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành PTNT gồm 3 chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. CTDH ngành PTNT mới nhất được cập nhật và điều chỉnh vào năm 2017 và năm 2020 theo quy định của thông tư 07/2017 và NĐ 99 của Bộ GDĐT và theo Quyết định và hướng dẫn của trường ĐHNL, ĐHH [H2.02.01.02DC], [H3.03.01.02], [H2.02.01.06DC], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07]. CTDH ngành PTNT khi thiết kế đã dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp và tham khảo chương trình quốc tế [H3.03.01.10]. Chương trình điều chỉnh đã có nhiều cải tiến theo hướng giảm số tín chỉ thuộc khối giáo dục đại cương, tăng thời lượng thực hành, thực tập để nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Toàn bộ các học phần hiện nay đều được xây dựng dựa trên nhu cầu xã hội, và tính cân đối giữa các khối kiến thức, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ [H2.02.01.07DC], [H3.03.01.8].

Trong chương trình dạy học hiện tại năm 2020, mỗi học phần có vai trò nhất định để đạt được CĐR. Cụ thể, trong khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên

ngành (gọi chung là khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, gồm 96 tín chỉ), có sự cân bằng giữa nhóm kiến thức [H2.02.01.07DC]. Trong đó:

- Khối kiến thức cơ sở ngành: 28/96 tín chỉ.
- Khối kiến thức ngành: 42/96 tín chỉ.
- Khối kiến thức bổ trợ: 8/96 tín chỉ.

Tỷ lệ các khối kiến thức này hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của CĐR về đào tạo kỹ sư PTNT có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực Phát triển nông thôn; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực PTNT để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn [H2.02.01.07DC], [H2.02.02.06DC], [H3.03.01.08].

Mỗi học phần trong từng khối kiến thức đều có đề cương chi tiết thể hiện rõ mục tiêu và nội dung được xây dựng theo hướng cụ thể hóa CĐR của CTĐT nên đảm bảo được sự đóng góp của học phần vào ma trận kỹ năng của CTĐT. Điều này thể hiện ở chỗ mục tiêu của tất cả các học phần đều xác định chi tiết về các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà SV sẽ đạt được sau khi hoàn thành môn học. Nội dung của học phần được xây dựng theo hướng giúp SV tích lũy được các kiến thức và kỹ năng phù hợp của ngành PTNT [H2.02.01.05].

Việc thiết kế CTDH dựa trên CĐR còn được thể hiện thông qua việc xác định phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV trên quan điểm lấy SV làm trung tâm. Cụ thể, các phương pháp giảng dạy trong CTDH được thiết kế đa dạng với nhiều hình thức như giảng dạy lý thuyết trên lớp, thảo luận, hướng dẫn làm bài tập, hướng dẫn thực hành, đưa SV đi học thực tế tại các cơ quan liên quan đến ngành PTNT nhằm giúp cho SV nắm bắt được lý thuyết, vận dụng tốt thông qua thực hành, thực tế đồng thời trau dồi được các kỹ năng phù hợp để giải quyết các công việc của ngành PTNT [H2.02.01.05].

Về phương pháp học tập của SV cũng được thiết kế đa dạng tương ứng với phương pháp giảng dạy của GV như học lý thuyết trên lớp, học thông qua thảo luận nhóm, làm bài tập, thực hành, thực tế, thuyết trình và tự học tập ở nhà. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện tổng hợp bằng đánh giá chuyên cần, đánh giá định kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, việc đánh giá

chuyên cần nhằm đảm bảo số giờ học tập của SV đạt được theo quy định tối thiểu để tích lũy được khối lượng kiến thức của học phần.

Việc đánh giá định kỳ và đánh giá cuối kỳ được thực hiện bằng nhiều hình thức như làm bài thi vấn đáp, thi tự luận, thi trắc nghiệm để xác định được mức độ đạt được CDR của từng môn học nói riêng. Trong suốt quá trình giảng dạy, GV luôn phải mang theo hồ sơ lên lớp của học phần trong đó có tài liệu học tập bắt buộc, đề cương chi tiết và đề cương ôn tập của học phần để đảm bảo việc giảng dạy của GV và việc học tập của SV được thực hiện đúng theo CTDH đã xây dựng [H2.02.01.05]. Với việc thiết kế như vậy cho thấy CTDH đã được xây dựng dựa trên CDR của CTĐT đồng thời đã đóng góp hiệu quả vào việc đạt được các CDR của CTĐT ngành PTNT.

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của người học về ngành học và chương trình đào tạo vào tháng 1/2016 cho thấy, các nhà tuyển dụng, các chuyên gia, các cựu SV và người học đánh giá tốt về chương trình dạy học ngành PTNT [H3.03.01.11], cụ thể:

Bảng 3.1: Đánh giá của các bên liên quan về chương trình đào tạo (n = 25)

Nội dung	Chưa tốt	Khá tốt	Tốt	Rất tốt
Ngành học và chương trình học phù hợp với yêu cầu xã hội	8,00	12,00	64,00	16,00
Cấu trúc CTĐT giúp SV có kiến thức toàn diện và khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu thị trường lao động	12,00	40,00	32,00	16,00
CTĐT có khối lượng vừa phải so với thời lượng quy định	4,00	36,00	56,00	4,00
Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực	8,00	36,00	44,00	12,00

hành hợp lý				
Chương trình thực hành, rèn nghề, thực tập giáo trình phù hợp với lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	-	20,00	60,00	20,00
Địa bàn thực hành, rèn nghề, thực tập giáo trình phù hợp	8,00	20,00	52,00	20,00

Nguồn: Khảo sát năm 2016.

Qua bảng số liệu trên cho thấy, trên 90% các đối tượng được khảo sát có đánh giá về CTĐT ở mức từ khá tốt trở lên. Ở mức tốt và rất tốt, các tiêu chí như “Ngành học và chương trình phù hợp với yêu cầu xã hội” và “Chương trình thực hành, rèn luyện, thực tập giáo trình phù hợp với lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp” có tỷ lệ đánh giá cao nhất (80% cho cả 2 mức). Tuy nhiên, các tiêu chí như “Cấu trúc CTĐT giúp SV có kiến thức toàn diện và khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu thị trường lao động”, “CTĐT có khối lượng vừa phải so với thời lượng quy định” và “Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý” có tỷ lệ đánh giá ở mức khá tốt còn tương đối cao (từ 36-40%). Vấn đề này đã được xem xét và điều chỉnh ở CTĐT mới theo thông tư 07 năm 2017 và 2020 của Khoa.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành PTNT đã được xây dựng theo cấu trúc hợp lý, rõ ràng. Các học phần đều được xây dựng dựa trên nhu cầu của xã hội về năng lực của nguồn nhân lực phục vụ PTNT, với kiến thức đa ngành và liên ngành từ kinh tế đến xã hội, khoa học kỹ thuật và môi trường và các kỹ năng làm việc, nghiên cứu nói chung.

3. Tồn tại

Mặc dù đã tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan, tuy nhiên, các thông tin phản hồi của SV về chất lượng CTDH chưa đầy đủ và liên tục. Thiếu sự phản ánh kịp thời của các đơn vị sử dụng lao động nên CTDH ngành PTNT còn phần nào hạn chế chưa đáp ứng kịp thời các nhu cầu của xã hội.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung hình thức kiểm tra/đánh giá cuối kỳ phù hợp trong các trường hợp đặc biệt như thiên tai, dịch bệnh xảy ra để tạo cơ hội cho SV hoàn thành chương trình học theo đúng thời gian quy định. Tiếp tục điều chỉnh theo hướng tăng thời lượng thực hành, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của người học; đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được các yêu cầu của thị trường lao động	Khoa PTNT	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện tốt việc rà soát, điều chỉnh CDR để xây dựng CTDH phù hợp	Khoa PTNT	Từ năm 2021 theo định kỳ điều chỉnh CTĐT

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.2. *Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.*

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành PTNT được thiết kế cho bậc đại học hệ chính quy. Các học phần được chia thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ bản, cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm cơ sở ngành, chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp). Tất cả các học phần trong CTDH đều

được thiết kế có sự tương thích về nội dung và đều xác định được các mục tiêu cụ thể về kiến thức (bao gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức lĩnh vực, khối kiến thức ngành, khối kiến thức về nghề nghiệp và kiến thức bổ trợ), kỹ năng (bao gồm kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm), mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của SV do vậy đã thể hiện được sự đóng góp cụ thể của từng học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT.

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành PTNT của Khoa PTNT đều có đề cương chi tiết, do các giảng viên trong Khoa biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT và với phương thức đào tạo theo tín chỉ. Mỗi học phần có số đơn vị tín chỉ phù hợp với lượng kiến thức và kỹ năng cần tích lũy theo yêu cầu của CĐR và được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành cân đối, logic và chặt chẽ với nhau [H2.02.02.06DC], [H2.02.01.07dc], [H3.03.02.03].

Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với tổng cộng 39 học phần lý thuyết và 3 học phần thực hành ngoài thực địa (chưa kể thực tập cuối khóa), mỗi học phần đều có vai trò đóng góp khác nhau vào CĐR của chương trình dạy học [H3.03.01.08DC], [H3.03.01.09DC]. Các học phần xã hội và kỹ năng cơ bản nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV; nâng cao hiểu biết của SV về xã hội nông thôn nơi người học trực tiếp làm việc sau khi ra trường. Các học phần khoa học tự nhiên cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành như nguyên lý kinh tế, thống kê kinh tế xã hội và các học phần kỹ thuật như kỹ thuật chăn nuôi, kỹ thuật trồng trọt,... Các học phần cơ sở ngành lại là nền tảng cho các học phần chuyên ngành. Các kỹ năng được trình bày chi tiết [H3.03.02.06]. Bên cạnh đó, theo phương pháp giảng dạy và học tập tích hợp, các học phần thực hành, thực tập được lồng ghép với các học phần lý thuyết giúp người học có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CĐR của mỗi học phần. Hàng năm, Khoa có chuẩn bị các kế hoạch giảng dạy để đảm bảo SV đạt được các kiến thức và kỹ năng trên [H3.03.02.07]. Sự gắn kết giữa CĐR của mỗi học phần với CĐR của ngành được thể hiện rõ thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT [H3.03.01.08DC], [H3.03.01.09DC], [H3.03.02.04], [H3.03.02.08], [H3.03.02.09], [H3.03.02.10], [H3.03.02.11].

2. Điểm mạnh

Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Đặc biệt các học phần đều đảm bảo SV tiếp thu được các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu, thực hành và làm việc trong lĩnh vực PTNT.

3. Tồn tại

Mặc dù đã được điều chỉnh lại cấu trúc nội dung và đề cương các học phần, tuy nhiên nhiều bài giảng của một số học phần chưa được cập nhật theo yêu cầu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Trong thời gian tới khoa sẽ đẩy mạnh việc cập nhật và đánh giá các bài giảng.	Khoa PTNT	Từ năm 2021
		Lấy ý kiến sâu hơn nữa về nội dung, định hướng các học phần được giảng dạy để phù hợp với CDR và yêu cầu của nhà tuyển dụng.	Khoa PTNT	Từ năm 2021, theo định kỳ rà soát điều chỉnh CTĐT
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát CTĐT, cân đối giữa các khối kiến thức chuyên ngành và giáo dục đại cương; khối lượng lý thuyết và thực hành một cách phù hợp.	Khoa PTNT	Từ năm 2021, theo định kỳ rà soát điều chỉnh CTĐT

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.3. *Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.*

1. Mô tả hiện trạng

CTDH của ngành PTNT được thiết kế thể hiện sự logic giữa các học phần và kết nối chặt chẽ giữa các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và các học phần cơ sở ngành được bố trí trong bốn học kỳ đầu tiên. Các học phần chuyên ngành bao gồm các môn học bắt buộc và tự chọn được bố trí trong ba học kỳ tiếp theo. Học kỳ cuối cùng được dành riêng cho thực tập và làm khóa luận hoặc báo cáo tốt nghiệp sau khi SV đã tích lũy được tất cả kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành và kiến thức bổ trợ. Chương trình dạy học có tổng cộng 135 tín chỉ (*chưa tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh*). Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở, cơ sở ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất theo đúng yêu cầu đặt ra đối với đào tạo tín chỉ [H2.02.01.07DC], [H3.03.03.02]. Trong đó:

- Khối kiến giáo dục đại cương: 39/135 tín chỉ.
- Khối kiến thức cơ sở ngành: 28/135 tín chỉ.
- Khối kiến thức ngành: 42/135 tín chỉ.
- Khối kiến thức bổ trợ: 8/135 tín chỉ.
- Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp: 18/135 tín chỉ.

Theo thiết kế chương trình này, phần kiến thức cơ sở ngành có số tín chỉ bắt buộc là 22 tín chỉ, số tín chỉ tự chọn là 6 tín chỉ. Phần kiến thức ngành có số tín chỉ bắt buộc là 32 tín chỉ và số tín chỉ tự chọn là 10 tín chỉ. Tỷ lệ này cho thấy sự cân đối và logic trong thiết kế nhóm học phần bắt buộc và tự chọn. Cấu trúc các khối ngành kiến thức trong CTĐT là hợp lý, đáp ứng triết lý trong đào tạo kỹ sư PTNT, phục vụ nhu cầu xã hội ngày càng cao. Kế hoạch giảng dạy hàng năm được Khoa xây dựng một cách logic và khoa học, đáp ứng cấu trúc chương trình [H3.03.03.01].

Kết quả khảo sát tháng 1/2016 cho thấy, các bên liên quan đánh giá cao về cấu trúc chương trình dạy học ngành PTNT [H3.03.03.03], cụ thể:

Bảng 3.2: Đánh giá của các bên liên quan về khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động của các khối kiến thức của chương trình dạy học (n=25)

Tiêu chí đánh giá	Đáp ứng tốt	Đáp ứng	Chưa đáp ứng
I. Giáo dục đại cương			
Công nghệ và môi trường	48,00	44,00	8,00
Khoa học tự nhiên	36,00	60,00	4,00
Khoa học xã hội và nhân văn	44,00	56,00	-
II. Giáo dục chuyên nghiệp			
Kiến thức cơ sở ngành	48,00	48,00	4,00
Kiến thức ngành	60,00	40,00	-
Kiến thức bổ trợ	20,00	64,00	16,00
Thực tập nghề nghiệp	40,00	56,00	4,00
Khóa luận tốt nghiệp	48,00	52,00	-

Nguồn: Khảo sát năm 2016.

Kết quả bảng 3.2 cho thấy, cấu trúc chương trình với các khối kiến thức đều được các bên liên quan đánh giá từ mức đáp ứng đến đáp ứng tốt, trong đó đặc biệt khối kiến thức ngành, khối kiến thức khoa học xã hội nhân văn và khóa luận tốt nghiệp có 100% ý kiến đánh giá ở các mức này. Tuy nhiên, các khối kiến thức khác vẫn còn một tỷ lệ nhất định các ý kiến đánh giá chưa đáp ứng, đặc biệt khối kiến thức bổ trợ còn đến 16% ý kiến đánh giá chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội. Điều này đã được xem xét và đưa vào chương trình điều chỉnh năm 2017 theo thông tư 07 và năm 2020 theo NĐ99.

Trong chương trình dạy học mới điều chỉnh theo Thông tư 07/2015 của Bộ GD-ĐT, 100% các học phần được điều chỉnh bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/ học kỳ thực hiện) [H2.02.01.07DC], [H3.03.03.05], [H3.03.03.07]. Bên cạnh đó, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật trong thời gian 1 năm tính đến thời điểm đánh giá [H1.01.03.26DC], [H2.02.01.05 DC], [H2.02.01.06 DC]. Năm 2020, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật [H2.02.01.07dc], [H3.03.03.13], [H3.03.03.13], [H3.03.03.13]. CTDH khi điều chỉnh có tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trong nước hoặc quốc tế [H3.03.01.10 DC], [H2.02.02.06dc].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển ngành PTNT trên thế giới và trong khu vực. CTDH đáp ứng được năng lực của SV tốt nghiệp, SV có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như: tư vấn, giảng dạy, nghiên cứu... Cấu trúc chương trình dạy học chú trọng cả bề rộng lẫn chiều sâu. Các cán bộ giảng viên của khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành Phát triển nông thôn: tính ứng dụng. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

3. Tồn tại

CTDH còn tồn tại những hạn chế như: các học phần được giảng dạy ở năm đầu còn quá chung chung, chưa thực sự giúp SV định hướng được những học phần được giảng dạy ở những năm sau. Điều này khiến cho một số SV thấy chán nản, có nguyện vọng chuyển sang học chương trình khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục	Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi	Khoa	Từ 2021 thực

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
	tồn tại	của cựu SV và đơn vị tuyển dụng để cập nhật nhu cầu của thị trường lao động vào nội dung của CTDH.	PTNT	hiện hàng năm gắn với ngày hội việc làm của Khoa
		Tiếp tục rà soát, cân nhắc các khối kiến thức, các học phần... để CTDH được hoàn thiện hơn, cung cấp kiến thức, kỹ năng cho SV phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, để SV tốt nghiệp ngành PTNT có thể đáp ứng tốt yêu cầu của công việc	Khoa PTNT	2021
		Đề xuất nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành, giảm bớt thời lượng cho những học phần khác	Khoa PTNT	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát CTDH và nội dung các học phần để luôn đảm bảo tính logic, cập nhật và tích hợp của CTDH.	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

CTDH của Khoa PTNT được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Thiết kế chương trình đào tạo đã lưu ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong chương trình dạy học, nhằm đảm bảo

cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

Tuy nhiên, cấu trúc chương trình dạy học được thiết kế chưa hoàn toàn hợp lý: các học phần được giảng dạy ở năm đầu còn quá chung chung, chưa thực sự giúp SV định hướng được những học phần được giảng dạy ở những năm sau; thiếu sự phản hồi của SV về chất lượng chương trình, thiếu sự phản ánh kịp thời của các đơn vị sử dụng lao động nên CTDH ngành PTNT còn phần nào hạn chế chưa đáp ứng kịp thời các nhu cầu của xã hội; bài giảng của một số học phần chưa được cập nhật theo yêu cầu.

Để khắc phục những tồn tại trên, từ năm học 2020 – 2021, Khoa PTNT sẽ chủ động rà soát bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo. Nội dung từng môn học cần tiếp tục điều chỉnh theo hướng tăng thời lượng thực hành, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của người học; đẩy mạnh việc cập nhật và đánh giá các bài giảng; tiếp tục rà soát chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Bên cạnh đó, Khoa tích cực đề xuất nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành, giảm bớt thời lượng cho những học phần khác.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí của tiêu chuẩn 3 cho thấy tiêu chuẩn này có 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, khoa chuyên môn đánh giá tiêu chuẩn 3 đạt 5/7 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Mục đích của GDĐH là giáo dục toàn diện cho SV. Chính vì vậy, Khoa PTNT đã xác định việc tổ chức hoạt động dạy và học là một khâu rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ GDĐT, cải tiến chất lượng CTĐT để giúp cho SV nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, lưu giữ kiến thức, gắn kết kiến thức cũ và mới, vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề, diễn đạt kiến thức của mình cho người khác hiểu được. Khoa đã tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học bao gồm: tổ chức và triển khai các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, xây dựng và tiến hành các hoạt động trong việc ứng dụng các phương pháp của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, từ đó áp dụng linh hoạt cho phù hợp với CTĐT của ngành PTNT.

Dạy và học là hai phương diện không thể tách rời nhau, chất lượng dạy học được đánh giá thông qua chất lượng SV. Việc áp dụng phương pháp dạy và học theo hình thức đào tạo tín chỉ của ngành PTNT giúp SV chuyển từ cách học bị động sang cách học chủ động, hỗ trợ SV phát huy tối đa khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời. Khoa PTNT đã xây dựng phương pháp dạy và học phù hợp với ngành PTNT nhằm đạt được CĐR. Mục tiêu giáo dục của ngành được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu đào tạo của CTĐT chung của ngành PTNT. Các GV của Khoa đều được đào tạo và bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Bên cạnh đó, phương pháp đánh giá KQHT của SV được đổi mới giúp SV phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng làm việc nhóm.

Tiêu chí 4.1. Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHNL, ĐHH được Nhà trường tuyên bố rõ ràng trong chiến lược và mục tiêu phát triển của Trường là *“đào tạo nguồn nhân lực Khoa học kỹ thuật về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có phẩm chất, đạo đức, sức khỏe tốt; yêu nghề, năng động, sáng tạo để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế”* [H4.04.01.01]. Mục tiêu giáo dục được Nhà trường trình bày trong sứ mệnh và mục tiêu phát triển của Trường đã giúp cho cán bộ, GV, SV và xã hội biết đến và qua đó khẳng định cũng như nâng cao hơn vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội.

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHNL, ĐHH được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ <https://huaf.edu.vn/su-mang-va-muc-tieu-phat-trien-2/>. Bên cạnh đó, thông qua nhiều kênh khác nhau như qua các văn bản hành chính, báo cáo thường niên, cũng như thông qua việc phổ biến tại các hội nghị học tập Nghị quyết, hội nghị công chức, viên chức và hội nghị tổng kết năm học, Nhà trường đã phổ biến rộng rãi mục tiêu giáo dục tới toàn thể cán bộ, GV, SV và những người quan tâm [H4.04.01.01]. Trong bản mô tả hiện trạng CTĐT ngành PTNT, đề cương chi tiết của từng học phần cũng đã nêu rõ mục tiêu và sự đóng góp của học phần đó vào mục tiêu CĐR của ngành. Vì vậy, tất cả cán bộ, GV và SV của Nhà trường đều hiểu rõ và cùng thực hiện để đạt được mục tiêu giáo dục Nhà trường cũng đã công bố rộng rãi mục tiêu giáo dục đến các thể hệ cựu SV, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp bằng nhiều cách khác nhau như: tổ chức các buổi Hội nghị gặp mặt giữa Nhà trường với cựu SV và các nhà tuyển dụng, tổ chức sự kiện Ngày hội việc làm hàng năm,...

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHNL, ĐHH đã được Khoa PTNT sử dụng để làm căn cứ cho việc xây dựng mục tiêu giáo dục của ngành PTNT. Theo đó, mục tiêu giáo dục của ngành PTNT là: *”Đào tạo người Kỹ sư Phát triển nông thôn có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ nhân dân tốt. Có thái độ, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ trong lĩnh vực phát triển nông thôn. Có khả năng làm việc, năng lực tự chủ tốt tại các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty, doanh nghiệp, tập đoàn, các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo và các cơ quan có liên quan đến Phát triển nông thôn . Có sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*. [H4.04.01.02]. Với mục tiêu giáo dục đó, bản *Mô tả hiện trạng CTĐT* và đề cương các học phần của ngành PTNT đều nêu rõ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập,... để đạt được chuẩn đầu ra, bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội [H4.04.01.03, H4.04.01.05].

Để đưa ra được mục tiêu giáo dục phù hợp, Khoa PTNT đã tổ chức lấy ý kiến của một số bên liên quan bao gồm cán bộ GV, SV thông qua khảo sát về CTĐT. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các bên liên quan đều cho rằng mục tiêu giáo dục của ngành PTNT được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo SV có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề [H4.04.01.06]. Khoa đã công bố công khai mục tiêu giáo dục của ngành PTNT trên Website của Khoa PTNT tại <https://ptnt.huaf.edu.vn/> để GV, SV, nhà tuyển dụng, cựu SV dễ dàng tiếp cận.

Với việc công bố công khai bằng nhiều hình thức như trên đồng thời thông qua các cuộc họp Khoa, tổ chức tổng kết năm học, tổ chức gặp mặt cựu SV nhân kỷ niệm ngày truyền thống và tổ chức ngày hội việc làm hàng năm, Khoa PTNT đã phổ biến đầy đủ và rõ ràng mục tiêu giáo dục của ngành PTNT đến các bên liên quan. Từ đó đã giúp các cho SV, GV, các nhà tuyển dụng nói riêng và toàn xã hội nắm bắt được đầy đủ và chính xác về mục tiêu giáo dục của ngành PTNT.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNL, ĐHH đã có có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục của Nhà trường nói chung và của CTĐT ngành PTNT nói riêng. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành PTNT đã được phổ biến rộng rãi đến CB, GV và người học cũng như những người quan tâm bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng và cựu SV đối với mục tiêu giáo dục ngành PTNT chủ yếu được thực hiện thông qua các buổi gặp mặt mạng lưới cựu SV của Khoa, chưa thực hiện được việc lấy ý kiến mở rộng đối với các nhà tuyển dụng không phải là cựu SV/học viên của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và các bên liên quan để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.	Khoa PTNT, trường ĐHNL.	Hàng năm, từ 2021
2	Phát huy	Thường xuyên cập nhập và phổ biến	Trường	Hàng

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
	điểm mạnh	rộng rãi hơn nữa đến các bên liên quan về triết lý giáo dục, mục tiêu và CTĐT.	ĐHNL	năm, từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của thầy và trò ngành PTNT được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CDR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Hoạt động dạy và học được xây dựng giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập [H4.04.02.01],[H4.04.02 .05].

Trường ĐHNL, ĐHH cho phép hàng năm, các CTĐT có thể được điều chỉnh về nội dung hoặc tên môn học trong phạm vi 20% tổng số tín chỉ. Dựa trên qui định này, Khoa PTNT thường xuyên có những điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.02.06]. Bên cạnh đó, các GV sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với diện tích lớp học và đối tượng người học. Nếu lớp đông SV (> 50 SV), GV sử dụng phương pháp thuyết trình và làm việc nhóm, nếu lớp ít SV (< 25 SV) GV có thể điều chỉnh phương pháp dạy và học, tăng giờ thảo luận và các buổi seminar. Các hình thức thi và kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học bao gồm thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm [H4.04.02.05]. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [H4.04.02.09]- [H4.04.02.11].

Chương trình học tập linh hoạt giúp người học lựa chọn các môn học phù hợp với mong muốn và nguyện vọng nghề nghiệp sau này của SV [H4.04.02.11]. Sau khi học các kiến thức nền tảng, SV ngành PTNT được chọn 1 trong 2 hướng chuyên ngành, đó là hướng chuyên ngành PTNT, hướng chuyên ngành Lập và Quản lý dự án [H4.04.02.06] [H4.04.02.08]. SV có thể chủ động

lựa chọn lộ trình học tập nhanh hay chậm tùy theo nhu cầu và khả năng của từng SV [H4.04.02.06] [H4.04.02.07]. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp đạt CDR về kỹ năng và thái độ như NCKH, thực tập thực tế, và hoạt động cộng đồng [H4.04.02.08] - [H4.04.02.22].

Hoạt động NCKH: SV được khuyến khích tham gia NCKH từ năm thứ nhất, có nhiều SV năm thứ nhất đã đạt giải cấp Khoa, cấp Trường [H4.04.02.23]. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp Khoa và được phân công hướng dẫn bởi một nhà khoa học [H4.04.02.24]. Bên cạnh môn Phương pháp NCKH dành cho SV toàn trường trong năm học đầu tiên, giúp SV có kiến thức, kỹ năng NCKH ngay từ những năm đầu. Các đề tài NCKH thường được thực hiện bởi một nhóm các em SV cùng lớp hoặc khác lớp nhằm giúp các em nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tự quản lý nghiên cứu từ trong trường Đại học.

Hoạt động Thực tập thực tế: Đây là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 3 học phần: Tiếp cận nghề (năm 1), Thao tác nghề (năm 2) và Thực hành nghề (năm 3). Ở cả 2 hướng chuyên ngành, SV đều có những học phần báo cáo chuyên đề và thực tập tốt nghiệp nhằm giúp cho SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ sở thực tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu của 2 hướng chuyên ngành, ví dụ như: trường học, viện nghiên cứu, trung tâm tham vấn, các công ty, doanh nghiệp [H4.04.02.25]. Việc thực tập thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương học phần và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn [H4.04.02.25].

Các hoạt động ngoại khóa: Để có được thái độ đúng đắn với con người những nhóm xã hội yếu thế, SV được khuyến khích tham gia các hoạt động cộng đồng [H4.04.02.26].

Các phương pháp, hình thức giảng dạy, tài liệu, bài giảng của GV đều được SV đánh giá qua hệ thống online vào cuối mỗi học kỳ. Các kết quả đánh giá sẽ được thu thập và gửi trực tiếp đến tài khoản quản lý giáo dục của GV phụ trách môn học và Khoa quản lý. Từ đó, GV có thể tiếp nhận các ý kiến phản hồi của SV để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi học phần nói riêng và của toàn ngành PTNT nói chung [H4.04.02.16]- [H4.04.02.20].

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, Khoa PTNT tạo điều kiện để các GV tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, cử GV tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn qua các khóa ĐTSĐH [H4.04.02.13]. GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn SV chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết. Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy, người dạy đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho SV [H4.04.02.16].

Trường ĐHNL, Khoa PTNT xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, giúp SV đạt được CĐR. Nhà trường đã tổ chức dự giờ mẫu đối với GV có kinh nghiệm và dự giờ đối với GV trẻ, thành lập tổ thanh tra triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.02.16]. Nhà trường đã tổ chức những Hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy: Hội thảo khoa học về “*Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học*” năm 2015, với sự tham gia của lãnh đạo các Bộ môn, Khoa, các GS, GVCC, PGS trong toàn Trường [H4.04.02.16], [H4.04.02.20]. Hội thảo khoa học về “Chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực hiện các học phần thực tập nghề nghiệp” ngày 13/5/2016 [H4.04.02.05]. Việc đổi mới phương pháp dạy và học được Nhà trường chủ trương và triển khai về các Khoa, các ngành. Trên cơ sở đó, Khoa, Ngành đã thảo luận và đưa ra phương pháp dạy học phù hợp nhất nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.16]. [H4.04.02.20].

Khoa, Bộ môn và các GV có chiến lược dạy học phù hợp, trong đó thể hiện rõ các hoạt động dạy học để đạt được CĐR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Đội ngũ GV Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp SV lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất.

Từ năm 2017, ngành PTNT chú trọng tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV đặc biệt là SV năm đầu để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường Đại học. Những năm qua, các hoạt động dạy và học của ngành PTNT đã được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Hoạt động dạy và học được xây dựng giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động

trong học tập [H4.04.02.01, H4.04.02.02, H4.04.02.06]

Để thực hiện được mục tiêu giáo dục đề ra, Khoa đã xây dựng chiến lược giảng dạy với quan điểm GV là người luôn luôn giữ vai trò hướng dẫn chính trong quá trình đào tạo và người học phải là trung tâm của quá trình đào tạo, nghĩa là người học phải tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện dưới sự hướng dẫn của GV. Để thực hiện tốt vai trò này đội ngũ GV của Khoa đã được bồi dưỡng, đào tạo kiến thức và năng lực sư phạm, có phương pháp giảng dạy và khả năng truyền đạt thích ứng với từng đối tượng người học [H4.04.02.03] [H4.04.02.04], [H4.04.02.05]. Một trong những phẩm chất quan trọng của người dạy là khả năng tổ chức các hoạt động dạy và học với tinh thần sáng tạo và sự đam mê nghề nghiệp. Chính lòng yêu nghề tạo động lực để người GV hoàn thành được sứ mạng của mình. Đồng thời, những phương pháp giảng dạy được sử dụng tại Khoa phải là những phương pháp tối ưu nhằm vào người học và phải phù hợp với CĐR, trong đó GV cung cấp kiến thức, đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn thực hiện, giám sát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giảng dạy và học tập [H4.04.02.01, H4.04.02.02, H4.04.02.06, H4.04.02.09 - H4.04.02.21].

Về phía chiến lược học tập của người học, chính sự tích cực, chủ động tạo ra tâm lý phấn khởi trong học tập, từ đó người học có thể củng cố kiến thức đã tích lũy được và nhanh chóng tiếp thu kiến thức mới. Đồng thời, Khoa sẽ tạo điều kiện tối đa để SV có thể phát triển các khả năng tiềm ẩn, rèn luyện kỹ năng chuyên ngành và các kỹ năng mềm, hình thành thái độ đúng đắn cho việc tự học và học tập suốt đời. Nhìn chung, quan điểm trong chiến lược dạy và học của ngành Phát triển Nông thôn thuộc Khoa PTNT là gắn kết và tận dụng mọi điều kiện về vật chất, con người có thể để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra cho người học [H4.04.02.09].

Để giúp người học liên hệ giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, chương trình đào tạo của ngành Phát triển Nông thôn có sự cân đối giữa các học phần lý thuyết và thực hành, thực tập với phương pháp giảng dạy các học phần được thiết kế đa dạng ở giảng đường, phòng thí nghiệm, kết hợp thực tập thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước, công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực KN & PTNT. Đề cương chi tiết được công khai trên Website của Khoa PTNT [H4.04.02.04], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07], [H4.04.02.09]. GV có phương pháp dạy học đa dạng, tạo môi trường học thuật thuận lợi, khơi dậy niềm đam mê nghề nghiệp, phát huy tinh thần sáng tạo của SV thông qua các hình thức tổ chức dạy học trên lớp như tự học và thảo luận nhóm, hướng dẫn SV chủ động

đưa ra quan điểm và tự làm bài tập nhóm [H4.04.02.06]. Bên cạnh đó, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường và Khoa tiến hành song song nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, tổ chức đối thoại với SV nhằm lắng nghe các ý kiến về hoạt động dạy, học trong chương trình đào tạo và tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến, sử dụng công nghệ hiện đại nhằm tăng tính hiệu quả và linh hoạt của CTĐT ngành PTNT như zoom meeting trong Gmail hoặc Zalo để lập các nhóm, tạo lớp học online đảm bảo trong thời gian dịch Covid 19, SV không bị gián đoạn học tập. [H4.04.02.08], [H4.04.02.22], [[H4.04.02.26].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của CTĐT ngành PTNT đã được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Bên cạnh đó, các hoạt động dạy và học đã được thiết kế đa dạng và linh hoạt nên đã đáp ứng được các yêu cầu thực tiễn của quá trình dạy và học trong các bối cảnh khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Một số SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất chưa thật sự chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, cũng như chưa thích nghi với phương pháp tự học và tự nghiên cứu ở bậc đại học.

Việc tổ chức dạy học trực tuyến qua mạng còn gặp khó khăn do một số SV không có phương tiện để phục vụ học tập như máy tính hoặc điện thoại thông minh. Bên cạnh đó, đường truyền internet ở một số khu vực nơi SV sinh sống còn yếu đã làm ảnh hưởng tới việc học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Kết hợp với việc định hướng nghề nghiệp đầu năm học để hướng dẫn phương pháp học tập cho SV đặc biệt là SV năm 1 để SV nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường Đại học.	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm học 2021-2020
		SV khắc phục khó khăn do không có đầy đủ phương tiện học tập bằng cách cùng học với SV khác	SV	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Cử các cán bộ, GV, đặc biệt là CBGV trẻ tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm và nghiên cứu chuyên sâu hơn về đổi mới phương pháp dạy - học giúp SV lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất.	Khoa PTNT	Theo kế hoạch tổ chức của ĐHH và Nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

Nhà trường đã quán triệt và triển khai đồng bộ đổi mới các hoạt động dạy và học, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin, đặc biệt là khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng liên hệ kiến thức mới với kiến thức cũ, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Vấn đề đào tạo luôn là vấn đề được quan tâm nhất trong các cuộc họp của Hội đồng Khoa học đào tạo cấp trường, cấp Khoa,

nhiều ý kiến đóng góp trong việc thực hiện công tác giảng dạy theo hệ thống tín chỉ được đưa ra [H4.04.03.01], [H4.04.03.07]. Nhà trường cùng với các Khoa và bộ môn liên tục triển khai các giải pháp giảng dạy nhằm cung cấp kiến thức, cũng như các kỹ năng giúp người học chủ động học tập và rèn luyện không chỉ trong trường mà cả khi đã ra trường. Cụ thể, sau nhiều lần chỉnh sửa chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần, khối lượng các tiết thảo luận, thực hành ngày càng tăng lên, nhiều nội dung cơ bản trong đổi mới phương pháp dạy và học đã được thực hiện, chất lượng đội ngũ giảng viên được nâng cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo [H4.04.03.02],[H4.04.03.11], [H4.04.03.13],[H4.04.03.21]. Tổ chức tập huấn cho GV và cố vấn học tập để tiến hành PPDH môn học/học phần phù hợp với CĐR của CTĐT ngành PTNT [H4.04.03.22].

Đề cương chi tiết các học phần của ngành đều được thiết kế theo hướng kết hợp kiến thức lý thuyết với thực hành, thảo luận, viết chuyên đề để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình trong những tiết thảo luận hoặc seminar. Bên cạnh đó, chương trình còn xen kẽ những học phần tiếp cận nghề, thực tế nghề và thao tác nghề ở từng năm học để SV có thể hiểu rõ thực tế nghề nghiệp của ngành sau khi ra trường, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác. Điều này đã khơi dậy niềm đam mê để người học có cái nhìn rõ nét về nghề nghiệp của mình sau khi ra trường, yêu cầu về các kỹ năng đối với nghề nghiệp, kích thích sự học hỏi, rèn luyện kỹ năng để nâng cao khả năng học tập và hoàn thiện bản thân, đáp ứng tốt nhu cầu thực tiễn sau khi ra trường. Bên cạnh đó, rất nhiều SV của ngành sau khi ra trường có mong muốn nâng cao thêm kiến thức và trình độ nên đã tiếp tục tham gia chương trình đào tạo sau đại học [H4.04.03.03].

Bên cạnh việc hoàn thiện công tác giảng dạy, Nhà trường và Khoa còn bố trí mỗi lớp chuyên ngành một cố vấn học tập (CVHT) làm nhiệm vụ hỗ trợ SV trong học tập, rèn luyện và cuộc sống [H4.04.03.08]. Trong toàn khóa học, SV của ngành được tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, tư vấn cho SV tham gia các hoạt động học thuật, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ, giúp SV chủ động trong quá trình học tập. Hàng năm, các CVHT sẽ có hoạt động tiếp xúc với lớp thông qua các buổi sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng, triển khai các chương trình hoạt động của Khoa, Nhà trường và các đoàn thể trong trường, đồng thời ghi nhận các ý kiến và phản ánh kịp thời tới các Bộ môn chuyên môn, Khoa và Nhà trường [H4.04.03.08].

Ngoài những hoạt động dạy học, Khoa và Nhà trường còn tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật với sự tham gia trình bày của các nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo ở trong nước và quốc tế giúp cho GV và SV có cơ hội học tập, giao lưu và trao đổi kinh nghiệm giữa SV và cựu SV. Các thông tin được công bố rộng rãi. [H4.04.03.12],[H4.04.03.08],[H4.04.03.18]

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập là công cụ quan trọng xác định kỹ năng, năng lực nhận thức của người học, giúp GV phân hóa được trình độ của SV, trên cơ sở đó điều chỉnh và hoàn thiện quá trình dạy học, giúp các CVHT định hướng, hướng dẫn cho SV có kế hoạch học tập phù hợp để nhằm đảm bảo khối lượng kiến thức học tập và rèn luyện đúng chương trình đào tạo đã đặt ra. Tuy nhiên do số lượng SV trong một số lớp khá đông nên việc GV bồi dưỡng thêm cho những SV yếu còn bị hạn chế. Cách thức kiểm tra đánh giá đã được cải tiến cho phù hợp với CĐR, không chỉ dựa vào kết quả bài thi kết thúc học phần mà còn kết hợp với điểm đánh giá quá trình học tập và được thể hiện trong đề cương chi tiết của mỗi học phần [H4.04.03.13], [H4.04.03.14].

Các hoạt động học tập chính khóa giúp người học trang bị kiến thức chuyên môn, ngoài ra hiện nay câu lạc bộ Nhiệt huyết rừng xanh cùng với các câu lạc bộ khác trong toàn trường (Đội Công tác xã hội; Đội Tình nguyện xanh; CLB Tiếng Anh...) ngoài những hoạt động, nhiệm vụ chính của mỗi CLB, các CLB vẫn luôn duy trì các hoạt động ngoại khóa, kết hợp và cùng tổ chức các cuộc thi tìm hiểu kiến thức nghề nghiệp, các kỹ năng giao tiếp, tiếng Anh, kỹ năng thuyết trình... cho tất cả SV trong trường. Đây là môi trường tốt để SV tiếp tục rèn luyện, trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào thực tiễn, phát huy tinh thần học tập, sáng tạo cũng như các kỹ năng xã hội [H4.04.03.04], [H4.04.03.12][H4.04.03.17].

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành PTNT đã thể hiện rõ các hoạt động giảng dạy/học tập phù hợp để thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp. Các hoạt động dạy và học được thiết kế trong CTĐT đã chú trọng đến việc nâng cao khả năng tự học suốt đời cho SV.

3. Điểm tồn tại

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế; một số GV còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho SV tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của SV.

Mặc dù Khoa và Nhà trường có tổ chức nhiều các buổi sinh hoạt học thuật cho SV (hội thảo, seminar...) nhưng vẫn chưa có các văn bản cụ thể minh chứng cho điều này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học	Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC , Khoa PTNT	Hàng năm, từ 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đa dạng các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV	Khoa PTNT	Hàng năm, từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 4

Với mục đích giáo dục đại học là nhằm giúp người học phát triển tri thức ngày càng cao trong học tập, mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến công khai, Khoa PTNT, ngành PTNT đã đưa ra được phương pháp dạy và học đúng đắn, phù hợp để đạt được CDR, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Hầu hết các tiêu chí trong tiêu chuẩn đều đạt được. Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục được thực hiện chưa hiệu quả. Nhà trường cần xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống, đây chính là cơ sở quan trọng cho việc triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của cựu người học và nhà tuyển dụng trong những năm tiếp theo.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, ngành PTNT đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong GDĐH. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Nhà trường và Khoa chuyên môn các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ của người học. Việc đánh giá KQHT của người học ngành PTNT được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CĐR của ngành, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như kiến thức chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay SV lúc mới nhập học [H2.02.03.06DC]. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá (KT-ĐG) sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Công tác đánh giá KQHT của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu về CĐR. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá KQHT được thể hiện thông qua Quy chế đào tạo đại học của trường ĐHNL, ĐHH. SV được biết các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương từng môn học và được thay đổi cho phù hợp với thực tế. [H5.05.01.13], [H1.01.01.05DC]. Mỗi học phần trong chương trình PTNT đáp ứng một tiêu chí hoặc nhiều tiêu chí của chuẩn đầu ra của ngành đã được công bố. Khoa và bộ môn thực hiện kế hoạch giảng dạy để đảm bảo SV đạt được khung năng lực của đầu ra ngành PTNT đã công bố [H1.01.02.03DC].

Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: Việc tuyển SV mới; kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; kiểm tra cuối khóa/thi tốt nghiệp

Ngay sau khi nhập học, SV được nhà trường bố trí thi xếp loại trình độ ngoại ngữ theo khung tham chiếu Châu Âu; việc phân loại trình độ ngoại ngữ được thực hiện theo tinh thần tự nguyện của người học [H5.05.01.06], [H5.05.01.07] [H5.05.01.08], [H5.05.01.09]. Việc thi xếp trình độ ngoại ngữ cho SV sẽ giúp cho công tác phân loại, tổ chức đào tạo đáp ứng theo các chuẩn đầu ra đã được tuyên bố.

Đề cương các môn học trong chương trình đào tạo đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của môn học, GV xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận đối với đánh giá cuối kỳ [H1.01.02.03DC],[H5.05.01.04],[H5.05.01.05]. Tất cả đề thi của Khoa PTNT đều được trưởng bộ môn phê duyệt, bộ môn xem xét từng câu hỏi sử dụng trong đề có khả năng đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học. [H5.05.01.10], [H1.01.01.16DC]

Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, ngoài các điều kiện cần và đủ theo yêu cầu của trường ĐHNL, –ĐHH, các SV cần đạt điểm trung bình chung học tập trên 2,5/4,0. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung chương trình đào tạo và có tính thực tiễn cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV. Đối với đánh giá tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa lý luận, thực tiễn, hệ thống khái niệm và phương pháp nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận [H5.05.01.12].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá KQHT của người học bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tất cả các đề thi của các môn học đều được các Bộ môn xem xét từng câu hỏi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học.

Đối với các học phần thực hành tại các cơ sở thực tập có thêm sự phối hợp đánh giá người học từ các đơn vị nhà nước có liên quan ở các huyện, xã nơi các em SV đến học tập, thực hành nghề nghiệp. Quá trình đánh giá SV về kết quả thực tập, thực hành cũng dựa trên các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề tại cơ sở, kỹ năng nghiên cứu....

3. Tồn tại

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của chuẩn đầu ra đối với các học phần chuyên ngành, nhưng với các môn học chung toàn trường như các môn thuộc khối kiến thức chung việc đánh giá phần nhiều dừng ở nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích.

Chuẩn đầu ra về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm thường xuyên, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào theo chuẩn đầu ra	Khoa PTNT	Theo từng năm học, từ 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập, và điều này được thông báo cho SV ngay từ khi bắt đầu học phần	- Khoa PTNT - Giáo viên giảng dạy	Sau khi kết thúc học phần, từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Trong hoạt động đào tạo chung, Nhà trường đã ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động thanh tra đào tạo, coi thi, chấm thi kết thúc học phần, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp. Các quy định về đánh giá KQHT c của người học của Khoa PTNT được xác định rõ ràng theo quy chế đào tạo của trường ĐHNL, ĐHH và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ của trường ĐHNL, ĐHH [H5.05.01.13DC], [H1.01.01.05DC], [H1.01.01.16DC].

Nhà trường phân cấp việc nhập điểm rèn luyện và điểm thi kết thúc học phần cho Trợ lý giáo vụ của các khoa, các khoa tự phân công cán bộ GV giúp Trợ lý giáo vụ khoa hoàn thành việc nhập điểm học phần nhằm giảm tối đa các sai sót khi nhập điểm cho SV. Trợ lý giáo vụ các khoa nhắc GV nộp điều kiện dự thi sau khi đã thông báo cho SV biết công khai trước ngày thi cũng như nộp điểm chấm bài thi trong vòng một tuần từ khi kết thúc học phần đó [H5.05.02.12], [H5.05.02.13]. Song song với việc đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá, 100% SV của Khoa được thông báo kết quả học tập trên phần mềm quản lý giáo dục [H5.05.02.10] và thông báo công khai tại văn phòng khoa theo đúng quy định của Bộ GDĐT [H5.05.02.15], [H5.05.02.16], SV có thắc mắc về kết quả bài thi có thể gửi yêu cầu trực tiếp lên bộ phận Khảo thí để phúc khảo bài thi [H5.05.02.17], [H5.05.02.18]. Thời gian tiến hành phúc khảo được thông báo trực tiếp trên website, các diễn đàn cho SV nắm rõ thông tin. Kết quả phúc khảo sẽ được thông báo trực tiếp cho SV hoặc qua email, hoặc phần mềm quản lý giáo dục [H5.05.02.19]. Các kết quả về phúc khảo đều được công bố hằng năm. Bên cạnh đó, phòng đào tạo cũng tiến hành mở rộng thông báo bằng giấy báo kết quả học tập cho gia đình người học [H5.05.02.20].

Việc đảm bảo tính khách quan và tạo sự công bằng cho người học trong việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần đóng vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo và CDR. Để thực hiện nghiêm túc, đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập của SV, đề cương chi tiết của tất cả các học phần của từng CTĐT đã thể hiện vai trò của từng nội dung kiểm tra, đánh giá (10% chuyên cần, 20% kiểm tra và 70% điểm thi kết thúc học phần). Điểm đánh giá học phần được tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. [H5.05.01.04DC], [H1.01.01.04DC], [H1.01.01.05DC]. Điểm cuối kì được cập nhật trên trang web khoa và trang quản lý giáo dục của Nhà trường.

Phòng Khảo thí công khai quy trình và thủ tục phúc khảo cho SV . [H5.05.02.10], [H5.05.01.14]. Khoa vẫn tiếp tục điều chỉnh chương trình hiện có để đáp ứng yêu cầu của thế giới việc làm về năng lực SV ra trường trong đó chú trọng đến kiến thức bổ trợ, kỹ năng mềm, các môn tiếp cận nghề, thao tác nghề và thực tế nghề để đảm bảo khung năng lực CDR. Bên cạnh đó, Khoa đã ban hành Quy định về đánh giá các học phần tiếp cận nghề, thao tác nghề và thực tế nghề nghiệp [H1.01.03.22DC]; các quy định về thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp và áp dụng nhiều hình thức thi, kiểm tra đa dạng: Thi tại phòng máy, thực hành, trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận [H4.04.01.02 DC]; [H5.05.01.12 DC]. Qua đó đánh giá một cách đa dạng mức độ tích lũy kiến thức của từng SV, góp phần vào việc đưa ra các cảnh báo học tập đối với SV [H5.05.02.14]. Việc kiểm tra, đánh giá và thi cử đã bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình ở mức độ khá toàn diện. Để được làm khóa luận tốt nghiệp, SV phải đạt điểm trung bình chung học tập trên 2,5/4,0. Những SV không làm khóa luận tốt nghiệp phải hoàn thành bài báo cáo tốt nghiệp và các học phần thay thế.

Việc đánh giá được thực hiện nghiêm túc hằng năm, SV muốn xem điểm thi kết thúc học phần nào thì phải đăng nhập phần mềm, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV sau đó mới xem được điểm thi kết thúc học phần. Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV cũng được từ cấp bộ môn, cấp khoa, công đoàn, ban thanh tra đào tạo [H4.04.02.20 DC], [H4.04.02.21DC]. Thường trực Ban Thanh tra đào tạo được quyền kiểm tra đột xuất về việc ra đề thi, bảo mật đề thi, ghép phách, nộp kết quả thi và nhập điểm của giảng viên, cán bộ coi thi và các bộ phận liên quan đến kỳ thi, xử lý tất cả các khiếu nại liên quan đến thi kết thúc học phần cũng như giải quyết kịp thời các khiếu nại, thắc mắc về kết quả thi của SV [H4.04.02.21 DC].

Đối với khóa luận tốt nghiệp (KLTN), Khoa PTNT công khai thông tin về quy định về bảo vệ KLTN, hội đồng chấm, danh sách GV hướng dẫn, GV phản biện, mẫu trình bày khóa luận đến SV [H5.05.02.06]. Điểm khóa luận được công khai ngay sau khi Hội đồng thống nhất ý kiến, trong ngày SV bảo vệ KLTN.

Nhìn chung, đánh giá kết quả học tập của người học của khoa PTNT thực hiện đúng theo quy định giáo dục và đào tạo. Kết quả học tập được công khai, minh bạch, cơ chế phản hồi của SV rõ ràng đối với người học.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu học phần đề cương các học phần (phát cho SV hoặc đăng tải trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường), Sổ tay SV [H2.02.02.06DC] và Quy chế đào tạo đại học [H5.05.01.10] [H1.01.01.16DC]. Toàn bộ GV của Khoa PTNT đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kỳ thi cuối kỳ được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy.

Bộ phận trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo của Trường, các đội ngũ cố vấn học tập trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập nên kết quả học tập được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể.

3. Tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương môn học, được GV phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên trang web của Nhà Trường, tuy nhiên lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường khuyến khích SV sử dụng website của trường về quản lý giáo dục.	Khoa PTNT	Trước các kỳ học trong năm, từ 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Cung cấp quy định đánh giá kết quả học tập của các học phần trong chương trình trước khi lên lớp các học phần	Khoa PTNT, GV giảng dạy học phần	Trước các kỳ học trong năm và bắt đầu học phần, từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Việc kiểm tra đánh giá được thực hiện đối với từng học phần của CTĐT ngành PTNT. Các hình thức kiểm tra sự tham gia thời lượng học tập, kiểm tra giữa kỳ ở các học phần, kiểm tra đánh giá cuối học phần. Các hình thức kiểm tra, đánh giá cuối học phần bao gồm: thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp. Hình thức thi của từng học phần được bộ môn tham khảo ý kiến của các GV giảng dạy và được thống nhất ghi trong đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.04DC], [H1.01.01.05DC]. Việc thiết kế đề thi của các học phần trong ngành được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi do Nhà trường ban hành. Đề thi sử dụng trong kỳ thi được lấy ngẫu nhiên từ Ngân hàng đề thi, thời gian làm mỗi bài thi viết dao động từ 60 phút đến 90 phút, đề thi phải có ít nhất 2 câu hỏi thi, đề thi phải có đáp án và thang điểm chi tiết. Ngân hàng câu hỏi thi đảm bảo bao hàm hết những kiến thức môn học và số lượng câu hỏi đảm bảo ít nhất 10 câu hỏi cho 1 TC. Nội dung câu hỏi thi được soạn thảo dựa theo thang Bloom để đánh giá một cách toàn diện việc tiếp thu kiến thức của SV. Mỗi môn học đều có ngân hàng câu hỏi và đáp án tương ứng với số điểm chi tiết và hướng dẫn chấm cụ thể. Ngân hàng câu hỏi thi, đáp án tương ứng được hai GV soạn thảo và được bộ môn phê duyệt trước khi nộp ngân hàng câu hỏi thi cho Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC, riêng đáp án được lưu tại bộ môn để phục vụ cho công tác chấm thi. Vào cuối mỗi kì, đề thi được Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC sử dụng phần mềm trích xuất câu hỏi thi, làm đề thi một cách ngẫu nhiên cho kì thi kết thúc học phần [H5.05.03.01].

Đối với những học phần có số lượng SV, số nhóm lớn, Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC sẽ sắp xếp và bố trí thi cùng ngày, cùng giờ thi để sử dụng chung một đề thi nhằm mục đích đánh giá chất lượng SV. Bài thi kết thúc học phần được trợ lý giáo vụ khoa và các thành viên hỗ trợ rọc phách, cắt phách một cách độc lập trước khi giao bài cho GV phụ trách môn học chấm thi. Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy trong công tác chấm thi, mỗi bài thi đều được 2 giáo viên chấm thi, dựa vào đáp án sẵn có để đảm bảo độ tin cậy và công bằng cho SV. Kết quả thi sẽ được thông báo cho SV trong vòng 1 tuần [H5.05.03.01]. Phương pháp đánh giá KQHT đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng cho người học. Sau khi kết thúc môn học Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC kết hợp với Trung tâm thông tin thư viện của Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi về học phần của người học đối với GV. Kết quả khảo sát sẽ được thông báo cho GV để có những thay đổi phù hợp với học. Định kỳ, phòng KT, BĐCLGD, TT&PC tổ chức công tác kiểm lưu trữ kết quả bài thi, kết quả thi, kết quả chấm điểm để kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót nếu có, đảm

bảo độ tin cậy cao về kết quả học tập của người học là đúng và chính xác [H1.01.03.07 DC].

Với khóa luận và báo cáo chuyên đề tốt nghiệp, khoa có yêu cầu cụ thể về quy cách làm khóa luận và báo cáo chuyên đề tốt nghiệp cho các SV cuối khóa [H4.04.01.04 DC]. Chấm khóa luận và báo cáo chuyên đề tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ, kỹ năng cũng như kết quả công việc. Các tiêu chí đánh giá này đảm bảo được độ tin cậy, khách quan và tính chính xác [H5.05.03.01], [H5.05.03.04], [H5.05.03.05], [H5.05.03.06]. Điểm của khóa luận tốt nghiệp là kết quả trung bình từ hội đồng đánh giá (gồm có ba thành viên) [H10.10.03.09 DC], trong đó có 1 phản biện [H10.10.03.08 DC]. Nếu như có sự chênh lệch về điểm số từ giáo viên hướng dẫn và GV phản biện lên đến 2,0 điểm thì hội đồng đánh giá khóa luận của Khoa sẽ xem xét lại cách chấm điểm để đảm bảo tính chính xác và công bằng cho SV, trước khi SV trình bày kết quả nghiên cứu trước hội đồng đánh giá. Các khóa luận / báo cáo tốt nghiệp được lưu trữ 2 năm ở Khoa phục vụ cho SV tham khảo và hậu kiểm.

Mỗi học kỳ các CVHT tổ chức sinh hoạt lớp đồng thời lắng nghe ý kiến phản hồi của người học về việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện. Nhìn chung đều nhận được những phản hồi tốt [H5.05.03.02], [H5.05.03.01] [H1.01.03.07 DC]. Thông qua khảo sát người học về phương pháp kiểm tra đánh giá, đại đa số SV được hỏi đánh giá tốt về phương pháp đánh giá kết quả học tập.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các chuyên ngành trong Khoa PTNT.

3. Tồn tại

Mặc dầu có nhiều hình thức tổ chức đánh giá KQHT ở từng học phần. Tuy nhiên, đối với các học phần thi tự luận mức độ khó dễ của đề thi vẫn rất khó để lượng hoá. Do việc ra đề thi được thực hiện lựa chọn từ ngân hàng đề thi nên khối lượng kiến thức phân bố vẫn chưa bao quát hết khối lượng kiến thức của học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
----	----------	--------------------	----------------	-----------

1	Khắc phục điểm tồn tại	Các bộ môn và Khoa triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc điều chỉnh ngân hàng đề thi.	Bộ môn quản lý chuyên môn, Khoa PTNT	Tiến hành hàng năm, từ 2021
		Đối với một số học phần chuyên ngành đang áp dụng hình thức thi tự luận, cần nghiên cứu và điều chỉnh hình thức thi phù hợp hơn.	Bộ môn quản lý chuyên môn Khoa PTNT	Điều chỉnh hàng năm, từ 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo	Bộ môn quản lý chuyên môn Khoa PTNT	Tiến hành hàng năm, từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Việc quản lý kết quả học tập của người học được Nhà trường quy định cụ thể bằng văn bản theo đúng quy chế của Bộ GDĐT. Trong đó quy định cụ thể sau mười ngày kể từ khi thi kết thúc học phần, bộ môn phải hoàn thành việc chấm bài và công bố kết quả cho SV [H5.05.03.01 DC]. Đối với điểm quá trình, GV giảng dạy học phần công bố cho SV ngay khi kết thúc học phần. Đối với điểm thi kết thúc học phần được công bố trên thông tin trang Website của Nhà trường thông qua tài khoản điện tử để người học có phản hồi và kịp thời cải thiện việc học tập [H5.05.04.02]. Việc công bố kết quả đánh giá phản hồi kịp thời cho người học đã giúp người học chủ động đăng ký lịch học lại/học cải thiện/học vượt vào học kỳ thứ 3 hoặc vào học kỳ kế tiếp và khiếu nại về kết quả học tập nếu cảm thấy còn chưa thỏa đáng [H5.05.04.03]. Kết quả học tập của người học được trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo và Khoa chuyên ngành và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, được sao lưu định kỳ vào hệ thống và hệ thống máy chủ. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ

đào tạo đã giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. [H5.05.03.01DC]

Thông qua các cuộc đối thoại giữa SV và lãnh đạo Khoa hàng năm cho thấy 100% người học hài lòng về cách thức và thời gian phản hồi kết quả học tập. Không có SV nào không hài lòng hoặc có ý kiến về cách thức và thời gian phản hồi kết quả học tập. 100% kết quả thi các học phần của SV được lưu giữ dưới dạng văn bản [H5.05.03.01DC] và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường [H5.05.04.05]. Để làm được điều đó, Trường và Khoa đã thiết lập hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của người học một cách rõ ràng, chính xác và đầy đủ theo từng cá nhân, từng lớp học, từng học kỳ, để không xảy ra tình trạng thất lạc điểm của người học.

Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng học kỳ nhằm giúp SV có kết quả học tập kém biết được và có phương án học tập thích hợp để không bị buộc thôi học nếu kết quả học tập ở ba kỳ liên tiếp kém và có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.04.06].

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường được thiết kế bài bản và khoa học giúp Nhà trường, Khoa PTNT quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác với độ tin cậy cao; hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.02].

Quy định về đánh giá điểm bộ phận, chấm thi kết thúc học phần và thông báo kết quả cho người học được thực hiện theo quy định của Quyết định số 1179/ ĐHNL năm 2016 và 1019/ ĐHNL năm 2017. Trợ lý giáo vụ Khoa có trách nhiệm nhập điểm đánh giá bộ phận, điểm thi kết thúc học phần vào hệ thống quản lý đào tạo, in sao biên bản lưu trữ tại Khoa, Bộ môn và nộp bảng điểm gốc về Phòng ĐT&CTSV [H5.05.03.01DC], [H1.01.03.02DC].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; đồng thời tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ nên đã hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định,

sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra. Danh sách các SV các hệ đào tạo từ đại học đến sau đại học được cấp bằng tốt nghiệp đều được thông báo và công bố rõ ràng trên website của trường.

3. Tồn tại

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo	Phòng TCHC&CSVC phối hợp với Khoa PTNT	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác CVHT của Khoa	Khoa PTNT	Theo năm học, từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.5. *Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập*

1. Mô tả

Kết quả học tập của người học được thông báo công khai và rõ ràng. Khoa tạo điều kiện tốt nhất để SV dễ dàng theo dõi KQHT của mình, đơn giản và thuận lợi trong việc tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT khi cần thiết. Quy trình và thời gian xử lý khiếu nại về KQHT của người đi học của Khoa được thực hiện theo đúng quy định về thủ tục khiếu nại kết quả đánh giá người học của Nhà trường. [H5.05.05.03].

Đối với điểm quá trình học tập, người học khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên phần mềm Quản lý giáo dục không

chính xác thì người học làm đơn gửi Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC đề nghị xem xét lại [H5.05.05.06], [H5.05.05.06]. Trưởng bộ môn phối hợp với GV phụ trách học phần để giải quyết cho SV theo quy định. Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi và ý kiến của Trưởng khoa. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót. Kết quả học tập của người học được phòng ĐT & CTSV thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang Quản lý giáo dục của Trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.08]. Ngoài ra, để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của người học thì Nhà trường đã có hòm thư để người học có thể gửi trực tiếp những ý kiến của người học vào đó.

Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC là đơn vị của Nhà trường có nhiệm vụ giám sát việc giải quyết khiếu nại. [H5.05.05.03], [H5.05.01.07DC]. Kết quả báo cáo tổng kết công tác SV hàng năm của Khoa và các buổi đối thoại với SV cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại KQHT của người học đơn giản, thuận tiện, SV đã được tiếp cận với các quy định này [H2.02.03.06dc], tuy nhiên vẫn còn chưa thực sự dễ dàng.

2. Điểm mạnh

Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/ học phần [H5.05.05.03], [H5.05.05.04]. Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học được giải quyết kịp thời, thỏa đáng [H5.05.05.05], [H5.05.05.03]. Khoa PTNT và các bộ môn trong Khoa đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về KQHT.

3. Tồn tại

Vẫn còn một tỷ lệ nhỏ người học cho rằng họ chưa thực sự được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại KQHT. Người học chưa thực sự mạnh dạn trong việc khiếu nại KQHT khi cảm thấy kết quả thi không đúng với thực lực, còn e ngại và không hy vọng kết quả thi sẽ được cải thiện hơn sau khi khiếu nại. [H5.05.05.04], [H5.05.05.05].

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc	Công bố số lượng khiếu	Phòng	Cuối mỗi học kỳ

	phục điểm tồn tại	nại kết quả học tập của người học. Công bố công khai kết quả giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học.	KT,ĐBCLGD, TT&PC phối hợp với Khoa PTNT.	hoặc hàng năm, từ 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các hình thức phổ biến thông tin về kế hoạch khảo sát đến người học về đánh giá kết quả giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học.	Phòng KT,ĐBCLGD, TT&PC; Phối hợp với Phòng ĐT&CTSV, Các Khoa, Cố vấn học tập, GV giảng dạy.	Hàng năm, từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận Tiêu chuẩn 5

Trường ĐHNL, ĐHH đã có các văn bản thể hiện rõ ràng các quy định về việc đánh giá KQHT của người học nói chung và SV ngành PTNT nói riêng. Các quy định này đã được công bố công khai đến SV và các bên liên quan. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của SV rất đa dạng, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng để đảm bảo độ tin cậy và tính công bằng trong quá trình đánh giá. Nhà trường và Khoa đã phản hồi KQHT của SV một cách kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau. Do vậy, đã tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực hiện các hoạt động liên quan đến việc cải thiện và nâng cao KQHT cũng như đã giúp SV tiếp cận dễ dàng với quy trình về khiếu nại kết quả học tập. Tuy nhiên, việc đánh giá KQHT của SV ngành PTNT cũng tồn tại một số hạn chế như một số ngân hàng đề thi được xây dựng theo mức đánh giá chủ yếu dừng ở mức độ nhớ, hiểu, vận dụng và phân tích; Nhà trường và Khoa chưa tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi của SV đã tốt nghiệp về các phương pháp đánh giá KQHT; Trong đề cương chi tiết của các học phần chưa có phương pháp thi, đánh giá cuối kỳ trong trường hợp SV không thể học tập trung tại trường trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của chuẩn đầu ra đối với các học phần chuyên ngành, nhưng với các

môn học chung toàn trường như các môn thuộc khối kiến thức chung việc đánh giá phần nhiều dừng ở nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích.

Việc tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT của người học chưa được thuận lợi, người học chưa thực sự mạnh dạn trong việc khiếu nại KQHT.

Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí của tiêu chuẩn 5 cho thấy, tiêu chuẩn này có 5 tiêu chí đạt mức 5/7. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí Khoa chuyên môn đánh giá tiêu chuẩn 5 đạt 5/5 tiêu chí.

TIÊU CHUẨN 6

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Trường ĐHNL, ĐHH có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn cho Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần một lực lượng GV có đủ năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho cán bộ GV là nhiệm vụ trọng tâm.

Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định về công tác tuyển dụng viên chức, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý theo đúng quy trình, rõ ràng minh bạch. Cán bộ GV và nhân viên của Trường nói chung và các ngành đào tạo của Khoa nói riêng được tạo mọi điều kiện thuận lợi để được đi học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Ngành PTNT có đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ GV và nhân viên có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt và được đảm bảo quyền lợi theo đúng quy định.

Tiêu chí 6.1. *Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm*

việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNL, ĐHH nói chung và Khoa PTNT nói riêng luôn coi trọng việc quy hoạch đội ngũ GV nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch đội ngũ GV của khoa được thực hiện theo đúng các quy định của Trường và của ĐHH.

Trong giai đoạn 2016 - 2020 đội ngũ nhân lực của khoa PTNT có một vài biến động. Khoa đã tuyển thêm 02 GV (trong đó có 1 Thạc sĩ và 01 Kỹ sư) để đáp ứng cho quá trình đào tạo và NCKH của khoa [H6.06.01.11]. Cũng trong giai đoạn này đã có 01 GV kiêm thư ký khoa nghỉ hưu [H6.06.01.10] và Nhà trường đã điều chuyển 01 trợ lý giáo vụ, thư ký khoa khác từ phòng ĐT & CTSV về công tác tại Khoa vào cuối năm 2020 [H6.06.01.09].

Dựa trên chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa PTNT đã xây dựng định hướng phát triển đội ngũ GV của ngành PTNT đến năm 2025. Theo đó, Khoa sẽ ổn định đội ngũ GV của ngành PTNT với khoảng 29 người. Đến năm 2021, tỷ lệ GV giảng dạy CTĐT ngành PTNT có trình độ ThS là 100%; đến năm 2025 tỉ lệ GV có trình độ TS là 44,8% so với tổng số CB, GV của Khoa, trong đó có 13,8% Tiến sĩ được bổ nhiệm chức danh PGS [H6.06.01.05].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Ban chủ nhiệm Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm. Căn cứ để Ban chủ nhiệm Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên vị trí việc làm và khối lượng công việc đang thực hiện của GV và số lượng cán bộ sắp nghỉ hưu hoặc đã nghỉ hưu [H6.01.06.06]. Toàn bộ hoạt động tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên đều được thực hiện theo quy trình giải quyết công việc, quy trình tuyển dụng của Nhà trường và công khai trên trang website của Khoa, của Nhà trường.

Nhà trường luôn coi trọng việc xác định quy mô và quy hoạch đội ngũ giảng viên nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để đảm bảo quy mô, chất lượng và quy hoạch của đội ngũ GV thì nhà trường đã có chính sách thu hút những người có trình độ TS, học hàm học vị cao, ưu tiên, tạo điều kiện cho các GV có trình độ cao GS, PGS ký tiếp hợp đồng lao động theo đúng quy định của luật Lao động [H6.06.01.01],

[H6.06.01.02] [H6.06.01.03], [H6.06.01.07].

Việc quan tâm, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với GV thường xuyên được thực hiện [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.06]. Việc bổ nhiệm được thực hiện thường xuyên, đúng quy trình với các trường hợp GV hết thời gian tập sự, có chứng chỉ GVC, PGS, GS, GVCC. Khoa và bộ môn thường xuyên cập nhật và quy hoạch đội ngũ nhân lực chuyên môn để đảm nhận các học phần trong chương trình đào tạo của ngành PTNT.

Đề tạo sự chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ, chuẩn bị từ xa và tạo nguồn cán bộ dồi dào đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển nhà trường thì hàng năm trường và khoa đều thực hiện công tác quy hoạch cán bộ [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Nhà trường có các chính sách về thi đua, khen thưởng cho các GV, NCV đạt được các danh hiệu theo quy hoạch trước thời hạn như nâng lương trước thời hạn cho GV, NCV bảo vệ luận án TS trước 35 tuổi [H6.06.01.08].

Định kỳ, nhà trường khảo sát lấy ý kiến người học đánh giá hoạt động giảng dạy của GV để đánh giá chất lượng của GV kết quả cho thấy đội ngũ GV là đáp ứng với nhu cầu đào tạo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo của trường cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một số GV thực hiện việc học tập, nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc TS chậm hơn so với thời gian đã xác định trong bản quy hoạch cán bộ chuyên môn của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát quy hoạch chuyên môn để đảm bảo toàn bộ các GV thực hiện đúng quy hoạch chuyên môn đã xác định	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát quy hoạch chuyên môn để đảm bảo toàn bộ các GV thực hiện đúng quy hoạch chuyên môn đã xác định	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Mỗi CV chủ động và thực hiện tốt quy hoạch chuyên môn đã xác định nhằm đáp ứng tốt nhất cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của ngành PTNT	GV của Khoa	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 6/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, nhà trường hàng năm công bố tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát [H6.06.02.02]. Số lượng GV của Khoa PTNT được công bố trong đề án vị trí việc làm là 29 người [H6.06.01.06DC], trong đó 01 cán bộ được điều chuyển về khoa thay cho GV kiêm thư ký khoa đã nghỉ hưu vào cuối năm 2020 [H6.06.01.09DC], [H6.06.01.10DC] và 01 GV được tuyển dụng vào năm 2017 [H6.06.01.11DC] là chưa đưa vào quy hoạch. Hiện nay khoa có 03 PGS, 07 TS, 09 Nghiên cứu sinh, 10 Ths. Trong đó số lượng GV quy đổi giảng dạy ngành PTNT hiện nay là 29 người. Số lượng SV chính quy của ngành PTNT năm học 2020 - 2021 là 167 SV (PTNT Khoá 51: 105 SV; PTNT khoá 52: 32 SV; PTNT khoá 53: 20 SV; PTNT khoá 54: 10 SV). Tính đến thời điểm này, tỷ lệ SV/GV chính quy quy đổi của ngành PTNT là 5,96 người học/GV, thấp hơn so với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT.

Bảng 6.1. Thống kê đội ngũ giảng viên của CTĐT ngành PTNT tính đến tháng 6 năm 2021

STT	Nội dung	Số lượng (người)
1	Tổng số GV	29
1.1	Phân theo trình độ	
1.1.1	PGS	03
1.1.2	TS	07
1.1.3	ThS	19
1.2	Phân theo giới tính	
1.2.1	Nam	16
1.2.2	Nữ	13
1.3	Số lượng GV đang đi học	09
1.3.1	Số lượng GV học nghiên cứu sinh ở nước ngoài	05
1.3.2	Số lượng GV học nghiên cứu sinh trong nước	04

Trong những năm qua, khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV Trường ĐHNL được thực hiện theo quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHNL, ĐHH năm 2020 [H6.06.02.01] và quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.03]. Theo đó, GV phải thực hiện định mức giờ giảng là 270 tiết/năm, riêng GV tập sự có định mức giờ giảng là 135 tiết/năm; định mức giờ NCKH là 100 tiết/năm đối với GV, 120 tiết/năm đối với GV chính và 140 tiết/năm đối với GV cao cấp; định mức giờ chuẩn khác là 90 tiết/năm đối với GV tập sự, 70 tiết/năm đối với GV, 50 tiết/năm đối với GV chính và 30 tiết/năm đối với GV

cao cấp. Đối với NCV phải đảm nhận định mức giờ chuẩn giảng dạy là 60 tiết/năm, định mức giờ NCKH là 30 tiết/năm và định mức giờ chuẩn khác là 30 tiết/năm [H6.06.02.01], [H6.06.02.05].

Định kỳ theo kỳ học và mỗi năm học việc thực hiện khối lượng giảng dạy và NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ khác được các đơn vị trong trường thực hiện thông qua đánh giá kết quả hoạt động để xếp loại thi đua [H6.06.02.04]. Kết quả tổng hợp cho thấy, đội ngũ GV, NCV của ngành PTNT đều hoàn thành và vượt khối lượng công việc theo định mức. Trong đó, có nhiều GV đã vượt giờ chuẩn giảng dạy, vượt giờ NCKH và vượt giờ chuẩn khác so với định mức quy định [H6.06.02.04]. Việc tổng hợp khối lượng công việc này nhằm phục vụ cho phân loại CB, viên chức và bình xét thi đua của năm học. Bên cạnh đó, là để giúp cho Khoa và Nhà trường giám sát được khối lượng công việc mà GV ngành PTNT thực hiện trong năm học, trên cơ sở đó có những điều chỉnh hợp lý trong phân công công việc nhằm đảm bảo cho mỗi GV đều thực hiện khối lượng công việc theo quy định.

Công tác quản lý GV ngoài Khoa trực tiếp quản lý thì còn có các đơn vị Phòng KT,ĐBCLGD, TT&PC, Phòng ĐT&CTSV , Phòng TCHC&CSVC , Phòng KH,HTQT, TTTV cùng tham gia vào việc giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động khác của nhà trường, Khoa, ngành ngày càng được nâng cao hơn.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng và được giám sát bởi Bộ môn, Khoa, các đơn vị chức năng trong nhà trường góp phần để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Do nhu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, số GV hàng năm đi học nước ngoài cao nên một số thời điểm còn khó khăn trong công tác điều hành, giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
----	----------	--------------------	----------------	-----------

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Các NCS thực hiện tốt kế hoạch học tập nhằm tránh phải kéo dài thời gian học tập.	Các NCS	Thực hiện hàng năm, từ năm 2021
		Các GV cần bố trí hợp lý thời gian để đảm bảo thực hiện đủ khối lượng giờ chuẩn khoa học theo quy định	Các GV của Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì tỷ lệ SV/GV đúng quy định của Bộ GDĐT	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm, từ năm 2021
		Các Bộ môn tiếp tục thực hiện tốt phân công công việc để đảm bảo tất cả GV đều hoàn thành đủ khối lượng công việc theo quy định.	Các Bộ môn thuộc Khoa	Thực hiện hàng năm, từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng đội ngũ GV có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy đại học. Chính vì vậy để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ thì Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình về công tác tuyển dụng [H6.06.03.01], [H6.06.03.02].

Các cá nhân khi đăng ký dự tuyển vào làm GV của trường ĐHNL phải đảm bảo các quy định chung quy định tại điều 22 của Luật Viên chức năm 2019

[H6.06.03.04] và điều 4 của nghị định 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức đó là có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển (quốc tịch, sức khỏe, lí lịch...) và các tiêu chuẩn cụ thể khác do nhà trường quy định [H6.06.03.05]. Các quy định khác này được xác định dựa trên những đề xuất các vị trí có nhu cầu tuyển dụng của Khoa PTNT tương ứng với những tiêu chuẩn cụ thể như tốt nghiệp thạc sỹ, hoặc Đại học từ loại xuất sắc trở lên thuộc lĩnh vực đào tạo về KN& PTNT và ưu tiên những trường hợp có trình độ Ths, TS. Các ứng cử viên phải đảm bảo có kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng; Các quy định pháp luật về viên chức, đạo đức nhà giáo; Lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐHNL, ĐHH; Quy định quyền và nhiệm vụ của cán bộ, viên chức, cán bộ quản lý Trường ĐHNL. Với viên chức làm GV thì phải có trình độ ngoại ngữ, có trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 đơn vị học trình của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong số 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng [H6.06.03.02]. Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn GV nói trên đều được nhà trường công bố công khai bằng công văn, trên website và các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại Phòng tổ chức hành chính [H6.06.03.01].

Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên website của trường và niêm yết tại Phòng Tổ chức hành chính [H6.06.01.11DC]. Khi đã trúng tuyển, ứng viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của trường, người tập sự sẽ được tổ chức hội đồng thông qua tập sự, nếu đạt yêu cầu sẽ chính thức bổ nhiệm vào ngạch [H6.06.03.03], [H06.06.03.07]. Căn cứ vào các tiêu chí về tuyển dụng đã được xác định, Khoa PTNT đã tuyển dụng mới 02 GV (01 Ths và 01 KS) trong giai đoạn 2016 - 2020 [H6.06.03.01], [H6.06.01.11DC].

Công tác quy hoạch nhằm tạo nguồn đội ngũ cán bộ quản lý được trường thực hiện định kỳ theo đúng yêu cầu của ĐHH. Việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả cán bộ viên chức, đảm bảo quy hoạch những người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm đến năm 2020 [H6.06.03.08], [H6.06.03.09].

Việc bổ nhiệm các chức vụ quản lý của trường được tiến hành đúng theo đề án vị trí việc làm QĐ số 341/ĐHNL-TCHC [H6.06.01.06 DC], theo kế hoạch chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc trường ĐHNL [H6.06.03.08]. Công tác bổ nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị [H6.06.03.07].

2. Điểm mạnh

Việc thi tuyển viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và cụ thể. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Kế hoạch tuyển dụng đội ngũ GV của Khoa trong những năm trước đây chưa thật sự được rà soát kỹ, chưa có sự định hướng phát triển kế thừa nên còn xảy ra tình trạng thiếu hụt GV khi các cán bộ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ. Việc tuyển dụng và sắp xếp đội ngũ GV chưa có sự hài hòa giữa các Bộ môn trong Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát sắp xếp lại đội ngũ GV đúng chuyên môn cho cân đối giữa các bộ môn trong Khoa Rà soát và xây dựng định hướng dài hạn trong tuyển dụng đội ngũ GV và NCV	Trường ĐHNL và Khoa PTNT	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tuyển dụng và bổ nhiệm GV, NCV cần được tiếp tục thực hiện theo đúng quy định và phổ biến công	Trường ĐHNL và Khoa	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		khai cho những đối tượng có nhu cầu thi tuyển vào làm công tác giảng dạy tại Khoa	PTNT	

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, mặc dù nhà trường đã có chức danh nghiên cứu viên (NCV). Tuy nhiên, Khoa PTNT không có NCV. Do đặc thù ngành đào tạo giảng viên trong Khoa đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy kể cả thực hành và NCKH, chuyển giao công nghệ. Đó cũng là hai nhiệm vụ chính của GV Khoa cũng như GV Trường ĐHNL [H6.06.04.01]. Năng lực của người GV được tiếp cận theo 2 khía cạnh là năng lực giảng dạy, năng lực sư phạm và năng lực NCKH.

- Về năng lực sư phạm, giảng dạy bao gồm các khía cạnh: Năng lực chuẩn bị; Năng lực sử dụng ngôn ngữ; Năng lực sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học; Năng lực hoạt động xã hội trong và ngoài trường; Năng lực đánh giá; Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục; Năng lực tổ chức.

- Về năng lực NCKH, bao gồm các khía cạnh: Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề; Năng lực quan sát; Năng lực sáng tạo; Năng lực đọc và tìm kiếm thông tin; Năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu; Năng lực viết báo cáo Khoa học; Năng lực bảo vệ đề tài dự án. Để nâng cao những năng lực này, Khoa đã triển khai việc thực hiện các đề tài NCKH đến từng GV trong đó có sự ưu tiên cho các GV trẻ. Với cách quản trị công việc này, trong những năm qua hầu hết GV của Khoa đều đảm hoàn thành giờ chuẩn NCKH và giờ chuẩn khác, đồng thời số lượng các bài báo được xuất bản và số lượng công trình NCKH được thực hiện bởi đội ngũ GV của Khoa tăng lên theo từng năm [H6.06.04.07].

Đối với trường ĐHNL nói chung, Khoa PTNT và các GV giảng dạy của Ngành PTNT nói riêng thì năng lực chuẩn bị được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy chi tiết, năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học, năng lực đánh giá được ưu tiên hơn các năng lực còn lại. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục và năng lực tổ chức là 2 yếu tố không thể thiếu được đối với GV làm công tác CVHT và tư vấn học tập.

Thực hiện quy định của Bộ GDĐT về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, trường ĐHNL thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm..

Thông qua các lớp học này, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng sư phạm, NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của GV ngày càng có hiệu quả.

Song song với việc xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ GV của Bộ môn, Khoa, nhà trường thể hiện thông qua việc bộ môn, Khoa, nhà trường thường xuyên thảo luận, bàn về vấn đề giúp đỡ những giảng viên trẻ, có năng lực chưa cao [H6.06.01.02 DC], đặc biệt là những GV, NCV trong quá trình tập sự.

Các GV và NCV chỉ được Nhà trường ra quyết định thông qua tập sự sau khi đã đáp ứng được các quy định về chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và được hội đồng KH&ĐT của Khoa PTNT đánh giá là đã hoàn thành việc tập sự giảng dạy [H6.06.04.06], [H6.06.04.08], [H6.06.04.09]. Việc thực hiện các quy định này đã giúp Trường ĐHNL, ĐHH nói chung và Khoa PTNT nói riêng đảm bảo được toàn bộ đội ngũ GV và NCV của khoa đáp ứng được các yêu cầu về năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giảng dạy,... theo quy định để phục vụ tốt cho việc đào tạo và nghiên cứu của ngành PTNT.

Đánh giá GV được nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định về đánh giá cán bộ, GV của Trường ĐHNL, ĐHH một cách công bằng và khách quan [H6.06.04.01]. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác cá nhân về giảng dạy, sáng kiến, bồi dưỡng rèn luyện để Bộ môn đánh giá theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó kết quả đánh giá này được đánh giá tiếp bởi Khoa và nhà trường [H6.06.04.01]. Theo kết quả đánh giá, phân loại viên chức của Trường ĐHNL, ĐHH thì hầu hết các GV của Khoa đều đạt ở mức hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ [H6.06.02.04DC], chỉ có một số

ít trường hợp GV đang đi học nước ngoài chỉ đạt mức hoàn thành nhiệm vụ theo quy định [H6.06.04.01]. Ngoại trừ những GV đang học tập ở nước ngoài, 100% GV hoàn thành 100% định mức giờ giảng và giờ NCKH, có nhiều GV có số giờ giảng dạy và NCKH vượt định mức [H6.06.04.05].

Ngoài ra, việc đánh giá năng lực đội ngũ GV của Khoa còn được thực hiện thông qua sự phản hồi của SV bằng phiếu khảo sát học phần do Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC thực hiện định kỳ vào cuối mỗi kỳ học. Kết quả khảo sát này được phòng chuyển trực tiếp cho mỗi GV thông qua phần mềm Quản lý giáo dục để giúp cho GV nắm bắt được các đánh giá của SV. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá này cũng được chuyển về cho Ban chủ nhiệm Khoa để nắm bắt thông tin từ đó có các hoạt động cụ thể như tăng cường dự giờ, tổ chức các buổi giảng mẫu của các GV có kinh nghiệm,...để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ GV trong các trường hợp cần thiết.

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV ngành PTNT được xác định rõ ràng và được đánh giá bởi chính cá nhân GV cũng như đánh giá từ phía nhà trường, Khoa, SV đúng quy định.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV tham gia đánh giá GV còn ít, chưa có nhiều nhận xét cụ thể và công tác bình xét thi đua đánh giá GV còn mang tính hình thức.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc khảo sát ý kiến đánh giá của SV đối với các GV phụ trách giảng dạy phần thực hành của các học phần.	Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
		Thực hiện việc khảo sát ý kiến đánh giá của SV đối với tất cả các học phần được thực hiện trong học kỳ.	Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
2	Phát huy	Tiếp tục thực hiện tốt quy hoạch	Khoa PTNT	Thực hiện

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
	điểm mạnh	chuyên môn và các hoạt động dự giờ, seminar, cử cán bộ tham gia các hội thảo khoa học,... để nâng cao năng lực cho đội ngũ GV.		hàng năm từ năm 2021
		Tiếp tục thực hiện tốt việc đánh giá phân loại cán bộ viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng để đảm bảo đánh giá đúng năng lực của đội ngũ GV.	Khoa PTNT, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 6/7

Tiêu chí 6.5. *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.*

1. Mô tả hiện trạng

Hầu hết các GV được tuyển dụng vào trường nói chung và Khoa PTNT, ngành PTNT nói riêng đều là những người có trình độ do đó nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn là hoàn toàn chính đáng. Điều này phù hợp với quy định của Nhà nước về việc phải có trình độ Ths trở lên khi giảng dạy đại học và phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm. Ngành bố trí 100% GV có trình độ Ths trở lên đảm nhận giảng dạy lý thuyết. Tính đến nay toàn bộ GV của ngành PTNT đã có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định [H6.06.05.03]

Hiện tại nhà trường đã có hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV một cách thường xuyên và chủ trương xây dựng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ là chủ trương xuyên suốt, trọng tâm của nhà trường cũng như Khoa PTNT, ngành PTNT trong các năm học cũng như các nhiệm kỳ công tác. Nhằm từng bước xây dựng đội ngũ GV đủ về số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao theo quy định của luật GDĐH và điều lệ trường đại học nên Trường ĐHNL đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV.

Nhà trường có hệ thống văn bản khuyến khích GV đi học tập, nâng cao trình độ, có đề án xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế [H6.06.05.01], có chính sách ưu đãi về tài chính, có ưu đãi về giờ giảng. Các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 80% khối lượng công việc và được hỗ trợ 100% học phí tối đa bằng mức cùng bậc học của trường [H6.06.05.02].

Ngoài ra, để đáp ứng được yêu cầu phát triển trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.05.01].

Khoa thường xuyên khuyến khích, động viên GV đi học Ths NCS ở nước ngoài. Có nhiều GV của nhà trường sau khi hoàn thành việc học tập đã được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý như trưởng phó các bộ môn. Ngoài ra, theo quy định của nhà trường, những GV được cử đi học tập và hoàn thành nhiệm vụ của mình đúng thời hạn thì được hưởng chế độ khen thưởng bằng tiền mặt (Ths bảo vệ đúng hạn được thưởng từ 1.000.000 đến 3.000.000 đồng; TS bảo vệ đúng hạn được thưởng 15.000.000 đồng). Với những người có trình độ TS được xét nâng lương trước thời hạn [H6.06.05.02].

Bên cạnh việc tạo điều kiện cho các GV và NCV tham gia theo học chương trình cao học và NCS, hàng năm Nhà trường Khoa còn tạo điều kiện thuận lợi để các GV được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn để phát triển chuyên môn như học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng nghiệp vụ GV chính, tham gia các hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế...Đối với GV mới được tuyển dụng, Khoa hỗ trợ kinh phí 100% cho 1 chuyến đi học tập và đào tạo ngắn hạn ở các trường đại học uy tín trong nước có chuyên môn đúng với chuyên môn của GV. Việc hỗ trợ này đã tạo điều kiện rất tốt cho GV thu thập được các tài liệu và trau dồi chuyên môn liên quan đến học phần được phân công giảng dạy. Ngoài ra, đối với các GV trong toàn Khoa đều được tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đi tham dự các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo ở trong nước. [H6.06.05.04], [H6.06.05.05].

Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV ngành PTNT được đánh giá là xác định rõ ràng và đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

2. Điểm mạnh

Khoa PTNT đã xây dựng được bản quy hoạch cán bộ chuyên môn 2016-2020 dựa trên yêu cầu đảm bảo và phát triển CTĐT của ngành PTNT cũng như nhu cầu thực tế về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV. Khoa và Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ GV, NCV của ngành PTNT tham gia các khóa học tập, đào tạo, hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về việc ràng buộc nghĩa vụ của đội ngũ GV, NCV đối với Nhà trường và Khoa chưa đủ mạnh, nên đã có một số GV sau khi hoàn thành CTĐT nâng cao trình độ chuyên môn đã chuyển sang đơn vị khác công tác.

4. Kế hoạch hành động

Thực hiện kế hoạch và tạo điều kiện để các giảng viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Cần có chế tài mạnh hơn quy định nghĩa vụ về thời gian làm việc và kinh phí phải đền bù cho Nhà trường đối với GV, NCV nếu chuyển công tác sau khi được Nhà trường cho đi học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.	Phòng TCHC&CSVC	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể và tạo điều kiện để các GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
		Tăng cường chế độ hỗ trợ cho GV tham gia học tập để nâng cao chuyên môn.	Phòng KHTC	Từ năm 2022

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Định mức công việc phải thực hiện của đội ngũ GV, NCV của Khoa PTNT được xác định dựa trên quy định về chế độ làm việc đối với GV và NCV do Trường ĐHNL, ĐHH ban hành. Dựa trên quy định này, hàng năm vào đầu năm học, Phòng TCHC&CSVCS đều tiến hành tính toán cụ thể về khối lượng giờ chuẩn giảng dạy, giờ NCKH và giờ chuẩn khác mà mỗi GV và NCV phải thực hiện theo nghĩa vụ tương ứng với vị trí công việc đang đảm nhận sau đó gửi cho Khoa để thông báo cho từng GV, NCV. GV Khoa PTNT được giao khối lượng công việc theo năm học với định mức giờ chuẩn giảng dạy là 270 tiết/ năm; giờ chuẩn NCKH là 100 tiết/ năm; giờ chuẩn quản lý là 70 tiết/ năm [H6.06.06.01], [H6.06.06.07].

Đầu mỗi năm học, trưởng các bộ môn trong Khoa dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao để cân đối, phân công khối lượng giảng dạy cho từng GV theo quy định về tổ chức đào tạo [H6.06.04.02DC]. Bên cạnh đó, theo quy định của Nhà trường, mỗi GV, NCV cần tham gia các hoạt động NCKH như viết bài báo khoa học, hướng dẫn NCKH SV, tham gia các cuộc hội thảo, seminar, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về giảng dạy và NCKH sẽ là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành công việc cũng như xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn.

Từ khi thành lập đến nay, Khoa đã đạt được một số thành tích đáng ghi nhận. Trong đó, trong nhiều năm liền Khoa đã nhận được một số bằng khen có giá trị cụ thể như: Bằng khen của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt Nam, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục....[H6.06.06.05]

Tính đến thời điểm hiện nay, Ban chủ nhiệm Khoa PTNT, các Trưởng bộ môn và Ban chấp hành công đoàn Khoa chưa nhận được bất kỳ ý kiến phản hồi nào của CBVC&LĐ về việc không đồng ý với kết quả đánh giá phân loại cán bộ viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng của Khoa và Nhà trường. Điều này cho thấy, toàn thể CBVC&LĐ của Khoa đều đã hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường cũng như

các cấp có thẩm quyền đối với hiệu quả công việc của từng GV và NCV trong năm học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại, khen thưởng cho GV. Điều này giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH đồng thời giúp việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Trong những năm qua, các GV, của ngành PTNT, Khoa PTNT mới chỉ tham gia thực hiện các đề tài khoa học cấp trường, cấp ĐHH, cấp Bộ mà vẫn chưa có nhiều đề tài cấp Nhà nước được triển khai.

4. Kế hoạch hành động

Khuyến khích GV tìm kiếm ý tưởng, tham gia vào các đề tài cấp Nhà nước.

Tăng cường việc kiểm tra, đôn đốc, cải tiến phương pháp quản trị theo kết quả công việc của GV

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng tỷ lệ đối với các danh hiệu thi đua, khen thưởng để tạo động lực tốt cho GV, NCV hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao	Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV cũng như việc đánh giá, phân loại, bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm để tạo động lực cho đội ngũ GV, NCV hoàn thành tốt công việc được giao.	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sách để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, NCKH là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm cơ bản của mỗi GV trong Khoa. Hằng năm, các GV của Khoa đều tích cực và chủ động tham gia vào các hoạt động NCKH trong đó tập trung vào các hoạt động chính như sau:

- Đề xuất tham gia tuyển chọn, triển khai các đề tài NCKH các cấp;
- Ứng dụng và chuyển giao kết quả NCKH cho các địa phương;
- Tổ chức các hoạt động NCKH cho SV, học viên và nghiên cứu sinh;
- Xuất bản các bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế;
- Tổ chức các hoạt động hợp tác về NCKH trong và ngoài nước;
- Các hoạt động NCKH khác.

Cũng theo quy định của Nhà trường về hoạt động NCKH, các GV, NCV sẽ được đề xuất khen thưởng tại các cấp nếu có những thành tích nổi bật trong hoạt động NCKH. Ngược lại, đối với những GV, NCV không hoàn thành nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực NCKH sẽ bị xử phạt theo quy định [H6.06.07.01]

Việc đăng ký đề tài NCKH các cấp được thực hiện theo đúng trình tự: Hằng năm phòng KH, HTQT, TTTV sẽ ra thông báo về việc tuyển chọn các đề tài NCKH đến toàn bộ GV, NCV của Khoa để đăng ký tham gia đề tài. Tiếp theo, Khoa sẽ chọn lọc các đề tài NCKH được thực hiện trên cơ sở cân đối số lượng và chất lượng của đề tài để đề xuất cho phòng KH, HTQT, TTTV [H6.06.07.02], [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Ngoài ra, các GV chủ động tìm kiếm các đề tài hợp tác với vên ngoài: đề tài cấp tỉnh, đề tài/dự án HTQT. Kết quả Khoa có 2 NNC mạnh cấp ĐHH, 1 NNC mạnh cấp trường, và nhiều đề tài dự án tư vấn khác.

Hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát thông qua Bộ môn và Khoa. Bên cạnh đó, phòng KH, HTQT, TTTV cũng tiến hành giám sát các hoạt động NCKH. Đối với các đề tài NCKH các cấp, chủ nhiệm đề tài phải có trách nhiệm hoàn thành các văn bản thuyết minh, báo cáo tiến độ, báo cáo tổng kết trong quá trình thực hiện đề tài.

Hội nghị Khoa học công nghệ của Trường, Khoa được tổ chức định kỳ nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động KHCN, thông báo các kết quả NCKH, triển khai tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, giới thiệu và trao đổi về khả năng hợp tác, liên kết nghiên cứu khoa học với các tổ chức khác ở trong và ngoài nước [H6.06.07.01]

Hoạt động NCKH của GV được giám sát thông qua các Bộ môn và Khoa. Bên cạnh đó, Phòng KH, HTQT, TTTV của Nhà trường cũng tiến hành giám sát các hoạt động NCKH của GV thông qua các hoạt động như kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài, tính toán giờ chuẩn NCKH đã thực hiện trong năm, tổ chức nghiệm thu đề tài NCKH, gửi phản biện các bài báo gửi đăng trên tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp của Trường ĐHNL, ĐHH,... Ngoài ra, tùy theo cấp thực hiện mà các đề tài NCKH sẽ được đánh giá, nghiệm thu bởi Hội đồng KH&ĐT của Khoa, của Nhà trường và của ĐHH.

Nhằm nâng cao kết quả NCKH của GV Khoa PTNT đã thực hiện việc giám sát và đối sánh về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH. Điều này được thể hiện rõ trong báo cáo đánh giá tổng kết hoạt động NCKH giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2021-2025 của Khoa. Kết quả giám sát cho thấy, toàn bộ GV của Khoa đều tham gia thực hiện các đề tài, dự án từ cấp cơ sở đến cấp Bộ. Các hoạt động khoa học công nghệ do đội ngũ GV thực hiện tập trung vào các vấn đề chính của ngành PTNT như biến đổi khí hậu, khuyến nông, kinh doanh và dịch vụ nông thôn, sinh kế...[H6.06.07.04], [H6.06.07.05]

Việc giám sát hoạt động NCKH đã giúp cho đội ngũ GV của Khoa PTNT có kế hoạch cụ thể để đảm bảo thực hiện được định mức giờ chuẩn về NCKH cũng như chất lượng NCKH theo quy định. Việc hoàn thành khối lượng giờ NCKH là một trong những căn cứ quan trọng để cho hầu hết các GV của Khoa đều được Nhà trường đánh giá ở mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ và đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến của năm học. [H6.06.06.07]

2. Điểm mạnh

Hầu hết các GV của Khoa hoàn thành và vượt định mức về giờ NCKH. Hằng năm, một số công trình NCKH của GV trong Khoa đã đạt được một số giải thưởng ở các cấp như Đại học Huế, cấp Bộ... Kết quả đánh giá về khối lượng và chất lượng hoạt động NCKH là cơ sở để đánh giá, phân loại GV. Những năm gần đây một số giảng viên có khả năng xuất bản quốc tế tốt, đã tăng số bài báo quốc tế của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế còn chưa phản ánh được quy mô và tiềm năng của Khoa. Nhiều GV chưa có bài đăng ở các tạp chí quốc tế.

Một số giảng viên trẻ còn thiếu giờ NCKH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để tham gia đấu thầu các dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh.	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2022
		Phân bổ thêm kinh phí thực hiện cho các đề tài NCKH cấp Trường	Phòng KHTC	Thực hiện hàng năm từ năm 2022
		Phân bổ chỉ tiêu về bài báo quốc tế cho các GV, NCV có trình độ Tiến sĩ trở lên. Ưu tiên kinh phí cho các đề tài NCKH cấp cơ sở để khuyến khích GVNCV tăng cường xuất bản bài báo quốc tế.	Phòng KH, HTQT, TTTV	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tất cả các GV NCV đều tham gia hoạt động NCKH để hoàn thành đủ và vượt định mức giờ NCKH theo quy định.	Các GVNCV	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT đã có chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm cụ thể về công tác tuyển dụng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ, thực hiện việc bổ nhiệm cán bộ quản lý phù hợp và đáp ứng mục tiêu, chức năng nhiệm vụ của Khoa và Nhà trường; cán bộ quản lý, GV và nhân viên luôn đảm bảo các quyền dân chủ; nhà trường có chính sách hỗ trợ tăng cường về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, nhân viên, kỹ thuật viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho GV nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất; đội ngũ cán bộ quản lý và GV đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Mặc dù đội ngũ cán bộ giảng dạy Khoa đa phần là cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu tuy nhiên còn thiếu kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và NCKH. Do đó trong thời gian tới Khoa cần tiếp tục đẩy mạnh, khuyến khích các giảng viên trẻ ra thực tế sản xuất và tăng cường năng lực về chuyên môn giúp cho giảng dạy, NCKH gắn với thực tế xã hội.

TIÊU CHUẨN 7

ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Chất lượng đào tạo phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, đội ngũ GV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ, người học khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Đội ngũ cán bộ này là những người làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và hỗ trợ người học. Nhà trường và Khoa chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển hệ thống cán bộ hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để làm tốt công tác quy hoạch này thì hàng năm nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng theo đề án vị trí việc làm [H6.06.01.06DC] và chiến lược phát triển nhà trường [H6.06.01.02DC] để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ để phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của nhà trường.

Cán bộ hỗ trợ cho Khoa PTNT có chức năng nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa: quản lý điểm thi; xét học bổng, xét ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, cấp giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV ; xét học bổng, đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV. Số lượng cán bộ hỗ trợ cho Khoa được tuyển dụng căn cứ vào quy hoạch cán bộ hỗ trợ của Khoa [H6.06.01.05 DC]; Thông tin về tuyển dụng cán bộ hỗ trợ Khoa được công khai trên website của nhà trường sau khi có kết quả tuyển dụng.

Hiện nay Khoa có một trợ lý giáo vụ, thư ký khoa đảm đương được khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ đắc lực cho Khoa giải quyết các vấn đề cho GV và người học. Đối với đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện,

phòng Thực hành Truyền thông phát triển, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho GV và người học CTĐT ngành PTNT theo quy hoạch chung của trường. [H6.06.01.06 DC]

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa PTNT, các GV giảng dạy CTĐT ngành PTNT và người học còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Trung tâm thông tin- thư viện, nhân viên hỗ trợ của Phòng ĐT&CTSV và đội ngũ nhân viên kỹ thuật tại các đơn vị phục vụ: Phòng đào tạo, Trung tâm Thông tin thư viện.

Đội ngũ nhân viên thư viện của trường đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Số lượng thư viện viên của Trường là 15 người. Với bộ phận sách ngoại văn là nơi phục vụ chủ yếu cho nhu cầu đọc của GV và SV chương trình tiên tiến, nhân viên chuyên trách tại bộ phận này đều thông thạo ngoại ngữ và tin học.

Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin của Nhà trường hiện nay đủ lớn và mạnh đảm bảo sự hoạt động tốt của các thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất phục vụ chung trong nhà trường, Khoa và Bộ môn.

Ngoài ra đội ngũ CVHT của Khoa phụ trách các lớp chuyên ngành thuộc ngành PTNT phần lớn là các GV có năng lực chuyên môn vững và khả năng tư vấn tốt, hỗ trợ kịp thời cho người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa đã thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên tương đối tốt đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến đánh giá về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên đối với hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng mới chỉ được thực hiện đối với SV thông qua các buổi đối thoại với lãnh đạo khoa và Nhà trường mà chưa được thực hiện đối với GV và cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
----	----------	--------------------	----------------	-----------

1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến đánh giá về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên đối với hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Thực hiện việc lấy ý kiến từ các GV và cán bộ quản lý của Nhà trường để làm cơ sở cho việc điều chỉnh và bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường ĐHNL, ĐHH.	Phòng TCHC&CSVC	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên để đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường và của Khoa.	Phòng TCHC&CSVC Khoa PTNT	Hàng năm, từ 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNL, ĐHH luôn chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng cán bộ, toàn thể nhân viên, ban hành những quy định và chế độ làm việc của đội ngũ giảng viên để có sự quản lý tốt nhất [H7.07.02.01]. Không ngừng bồi dưỡng và nâng cao chất lượng trong đào tạo để đội ngũ GV ngày càng có chuyên môn cao [H7.07.02.02]. Vì thế, công tác tuyển dụng nhân sự luôn được nhà trường quan tâm đặt lên hàng đầu và chất lượng đầu vào của đội ngũ ngày một tốt hơn. Khoa PTNT luôn quan tâm đến việc tuyển dụng và bố trí nhân sự sao cho phù hợp với yêu cầu công việc tại đơn vị. Theo đó, ứng viên tuyển dụng vào vị trí chuyên viên của Nhà trường và vị trí Trợ lý giáo vụ kiêm Thư ký của Khoa phải đáp ứng được các quy định chung như: phải đủ 18 tuổi trở lên đến 40 tuổi; có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; có lý lịch rõ ràng; có đủ sức khỏe để thực hiện công việc [H7.07.02.08]. Cuối năm 2020 khoa đã tiếp nhận 01 trợ lý GV, thư ký được điều chuyển từ phòng Đào tạo và CTSV, đảm bảo các tiêu chí nói trên [H6.06.01.09DC].

Do đặc thù về đào tạo và NCKH Khoa PTNT đề xuất tuyển dụng GV theo từng năm được đào tạo bài bản để hỗ trợ các hoạt động đào tạo trong công tác giảng dạy và NCKH của Khoa [H7.07.02.04]. Vị trí, số lượng cần tuyển dụng cán bộ, nhân viên của Khoa, Trường dựa trên các tiêu chí về trình độ, năng lực, kinh nghiệm.... được thông báo công khai trên các phương tiện truyền thông, báo chí, website [H7.07.02.07]. Trên cơ sở nhu cầu tuyển dụng đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu cho việc hỗ trợ các công việc liên quan đến đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Trường ĐHNL, ĐHH đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên theo từng năm [H7.07.02.08]. Khi cán bộ được tuyển dụng thì Nhà trường sẽ công khai quyết định công nhận kết quả tuyển dụng viên chức để đảm bảo quy trình tuyển dụng được minh bạch [H7.07.02.09]; [H7.07.02.10].

Định kỳ 5 năm 1 lần, đội ngũ cán bộ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước và yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý sẽ được bổ nhiệm để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo quản lý được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện qua thực tiễn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường [H7.07.02.11]; [H7.07.02.12]; [H7.07.02.13]. Quy trình bổ nhiệm được thực

hiện theo đúng quy chế bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường ĐHNL, ĐHH [H7.07.02.05]; [H7.07.02.06].

Với các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và công bố công khai nên đến nay Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT không nhận được đơn khiếu nại nào của cán bộ viên chức và lao động trong và ngoài Nhà trường về vấn đề này.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNL, ĐHH đã có các văn bản quy định rõ ràng về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên để bổ nhiệm và điều chuyển nhằm đáp ứng tốt cho việc hỗ trợ các công việc liên quan đến đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, quyết định tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển của Nhà trường được công bố công khai đến toàn thể cán bộ, viên chức và lao động của Nhà trường cũng như đến toàn xã hội thông qua nhiều văn bản hành chính và website.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển của Trường ĐHNL, ĐHH chưa được thực hiện qua trang Facebook của Nhà trường, nơi có rất nhiều người truy cập và theo dõi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Công bố công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ GV để bổ nhiệm và điều chuyển trên trang Facebook của Nhà trường.	Trung tâm thông tin thư viện	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	PhòngTCHC&CSVC phối hợp với các đơn vị chuyên môn tiếp tục thực hiện công khai việc tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định.	Phòng TCHC&C VSC	Thực hiện tại thời điểm Trường có nhu cầu tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển

Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 7.3. *Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá*

1. Mô tả hiện trạng

Trong các cuộc họp hội nghị Cán bộ viên chức, Đảng uỷ, Công đoàn cấp Khoa, Nhà trường đều xác định công tác xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ cán bộ viên chức luôn được quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Nhà trường [H7.07.03.03]. Để làm tốt được việc đó, Nhà trường không ngừng sửa đổi, bổ sung quy định chế độ làm việc để phù hợp với công tác của GV và cán bộ [H07.07.02.01DC]. Hàng năm, để nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH, làm việc của cán bộ nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mạnh mẽ, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Từ cấp bộ môn, hội đồng thi đua cấp Khoa và lên hội đồng thi đua cấp trường đánh giá, phân loại CBVC&LĐ trong toàn trường để có sự phân loại phù hợp trao tặng các danh hiệu thi đua [H07.07.03.01]; [H7.07.03.06]. [H07.07.03.04].

Theo đó, việc đánh giá nhân viên là Trợ lý giáo vụ kiêm Thư ký Khoa PTNT được thực hiện theo các bước bao gồm: 1) Trợ lý giáo vụ kiêm Thư ký khoa viết báo cáo tự đánh giá về kết quả thực hiện công việc trong năm học; 2) Trợ lý giáo vụ kiêm Thư ký khoa trình bày báo cáo tự đánh giá về kết quả thực hiện công việc tại cuộc họp Bộ môn nơi đang sinh hoạt chuyên môn để mọi người đóng góp ý kiến; 3) Trưởng khoa tiến hành đánh giá, phân loại nhân viên trên cơ sở kết quả bỏ phiếu của các thành viên trong Khoa; 4) Khoa chuyển kết quả đánh giá lên cho Hội đồng đánh giá của Nhà trường tiếp tục đánh giá và quyết định [H7.07.03.01]; [H7.07.03.06]; [H7.07.03.09]; [H7.07.03.10].

Kết quả đánh giá của Khoa và Nhà trường cho thấy đội ngũ nhân viên của Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT, trong đó có Trợ lý giáo vụ kiêm Thư ký của Khoa luôn đạt mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H7.07.03.06]. Điều này chứng tỏ đội ngũ nhân viên của Nhà trường có năng lực phù hợp nên

đã hoàn thành tốt các công việc được giao theo vị trí được phân công đảm nhận.

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa luôn quan tâm đến việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ bằng việc cho phép cán bộ đi học tập, trao đổi nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo ngoài trường nhưng phải tuân thủ những quy định của Nhà trường [H7.07.03.02].

Hằng năm, ban thanh tra đào tạo được thành lập nhằm làm tốt công tác kiểm tra chấm bài và lưu trữ bài thi của các Khoa để đánh giá chất lượng khảo thí và rút kinh nghiệm cho các năm sau [H7.07.03.05]. Nhà trường và Khoa còn tiến hành đối thoại trực tiếp giữa SV với Hiệu trưởng; giữa SV với lãnh đạo Khoa PTNT [H7.07.03.08]. Sau khi kết thúc học kỳ, Nhà trường và Khoa tiến hành tổ chức hội nghị báo cáo tổng kết năm học và xây dựng nhiệm vụ cho năm học mới đảm bảo quá trình giảng dạy trong năm học được hoàn thành tốt [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có tiêu chí cụ thể đánh giá khối lượng công việc đã thực hiện của đội ngũ nhân viên giống như đối với giảng viên và nghiên cứu viên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xác lập tiêu chí đánh giá cụ thể về khối lượng công việc mà đội ngũ nhân viên đã thực hiện để làm căn cứ xác định chính xác các danh hiệu thi đua khen thưởng.	Phòng TCHC&CSVC	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện đánh giá chính xác năng lực của đội ngũ nhân viên theo quy định.	Phòng TCHC&CSVC Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm, từ 2021

Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 7.4. *Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên, là điều kiện quyết định để nhà trường có thể đứng vững và thắng lợi trong môi trường cạnh tranh. Xác định được tầm quan trọng của vấn đề này nên Nhà trường và Khoa rất quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, do đó Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHNL, ĐHH giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030 để quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV [H7.07.04.06]. Vì vậy công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ hỗ trợ cần phải thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch. Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở và lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của công nhân viên chức hàng năm và các chính sách của nhà trường về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ [H7.07.04.02].

Nhà trường và Khoa PTNT khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước hàng năm với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản quy định [H7.07.04.01]. Hàng năm, cán bộ của Khoa đã được đội ngũ cán bộ hỗ trợ chuyên môn của Nhà trường hỗ trợ về sử dụng phần mềm như phần mềm kỹ thuật số/quay phim, chụp ảnh, quản lý tài liệu và tập huấn về việc sử dụng phòng họp trực tuyến trên nền tảng google meet hoặc zoom phục vụ cho công tác giảng dạy và tổ chức họp khi tình hình dịch covid-19 ngày một căng thẳng [H7.07.04.03].

Để giúp cho đội ngũ nhân viên đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công việc, Nhà trường và Khoa luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt cho các nhân viên được đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ dựa trên yêu cầu về vị trí việc làm và đề xuất của cá nhân người nhân viên [H7.07.04.04]. Trên nhu cơ sở nhu cầu đã được xác định này, Nhà trường và Khoa đã tạo điều kiện thuận lợi về thời gian cũng như hỗ trợ kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHNL, ĐHH

để giúp cho đội ngũ nhân viên hoàn thành được các khóa học bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.05].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT đã xác định được nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Nhà trường và Khoa đã triển khai các hoạt động cụ thể để đáp ứng nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm làm việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ của toàn trường chưa được thực hiện nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức nhiều hơn các buổi chia sẻ kinh nghiệm làm việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ của toàn trường để nâng cao hiệu quả phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH	Phòng TCHC&CSVC	Định kỳ tổ chức 1 năm 1 lần từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác định nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ nhân viên.	Phòng TCHC&CSVC	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7 điểm

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường và Khoa PTNT thôn luôn đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ cán bộ theo quy định về chế độ làm việc đối với GV [H7.07.02.01DC]. Để đánh giá các khối lượng công việc thực hiện từng bộ môn, từng nhiệm vụ của giáo viên, Khoa đã soạn thảo quy định trong quản lý và

hoạt động của Khoa đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của toàn thể cán bộ và giảng viên trong Khoa [H7.07.05.01]. Các công việc hàng năm được đánh giá theo công tác thi đua khen thưởng hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng các đơn vị và bộ phận thanh tra theo các văn bản quy định của Nhà trường, Khoa [H7.07.03.01DC]; [H7.07.03.04DC].

Trong các báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hàng năm của Nhà trường đã thể hiện việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên từ đó động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong nhà trường nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7.07.05.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập ban thanh tra hàng năm để theo dõi và giám sát các tiến độ làm việc của đội ngũ nhân viên [H7.07.05.03]. Khoa còn tích cực tiếp thu ý kiến của cán bộ, nhân viên về công tác khen thưởng, nâng lương trước thời hạn để hoạt động này thực sự trở thành hoạt động có ý nghĩa trong phân loại và đánh giá cán bộ hỗ trợ, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc của mình. Đội ngũ cán bộ Khoa luôn cố gắng phấn đấu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Khoa và Nhà trường giao phó, vì thế kết quả thực hiện công việc hàng năm đều đạt xếp loại hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7.07.03.06DC]. Đầu mỗi năm học, Khoa tiến hành tổ chức hội nghị tổng kết năm học nhằm rút kinh nghiệm những công việc còn tồn tại và phương hướng khắc phục cho học kỳ sau [H7.07.03.07DC].

Về các hoạt động phục vụ cộng đồng, hàng năm, Liên chi Đoàn Khoa xin ý kiến và được sự đồng ý của ban chủ nhiệm Khoa và hỗ trợ từ Đoàn trường đã tổ chức các chiến dịch tình nguyện hè nhằm tạo môi trường hoạt động lành mạnh cho SV, được tổ chức triển khai và tổng kết trong kế hoạch tổng kết năm học và đối thoại SV với trưởng khoa [H7.07.03.08DC]. Các hoạt động còn mang ý nghĩa nâng cao tình đoàn kết giữa đơn vị địa phương và Khoa. Các hoạt động như: “Ngày chủ nhật xanh”; hỗ trợ phát quang cảnh quan khuôn viên cho xã, bắt điện đường...tại các huyện vùng núi như A Lưới, Nam Đông [H7.07.05.04].

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong nhà trường và Khoa.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ rất khó khăn để phấn đấu đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chí trong quy định của công tác thi đua khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường nên xây dựng các tiêu chí cụ thể để xác định khối lượng công việc đã thực hiện của đội ngũ nhân viên để làm căn cứ cho việc bình xét chính xác các danh hiệu thi đua cấp cao đối với đội ngũ nhân viên.	Phòng TCHC&CS VC	Năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ 2021

Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa đều đảm bảo về chất lượng lẫn số lượng, được tuyển dụng đúng yêu cầu và quy trình Nhà trường, được công bố công khai trên các kênh thông tin đại chúng.

Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện và khuyến khích các cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng cán bộ được nâng cao, phục vụ tốt cho công tác đào tạo và NCKH của Khoa và nhà trường.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, có 3 tiêu chí đạt 5/7 điểm (TC 7.2, 7.3, 7.5) và tiêu chí đạt 6/7 điểm (7.4)

TIÊU CHUẨN 8

NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Khoa PTNT xác định người học là trung tâm của quá trình đào tạo, chất lượng người học quyết định sự phát triển trong lĩnh vực đào tạo và NCKH của ngành PTNT thuộc Khoa. Do vậy, người học khi trúng tuyển vào ngành PTNT được tham gia vào tất cả các khâu trong việc thực hiện tiến trình học tập phù hợp với năng lực tài chính và quỹ thời gian của mình. Nhà trường và Khoa đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để người học có thể học tập, rèn luyện sức khỏe tốt, cũng như rèn luyện các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm,... thông qua việc tổ chức các chương trình, hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ SV, tổ chức các giải thi đấu thể thao, các cuộc thi văn nghệ,

các buổi giao lưu với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm cho SV,... Nhà trường và Khoa luôn xác định việc hỗ trợ người học ngành PTNT là một trong những hoạt động quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH cũng như khẳng định uy tín của Nhà trường và Khoa.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Là đơn vị thuộc sự quản lý trực tiếp của ĐHH, Trường ĐHNL luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và ĐHH [H8.08.01.01, H8.08.01.02]. Từ năm 2014 trở về trước, cũng như các trường đại học trong cả nước, Nhà trường thực hiện tuyển sinh hệ chính quy với các đối tượng là những người đã hoàn thành chương trình học phổ thông, có điểm thi tuyển cao hơn điểm sàn quy định [H8.08.01.04]. Năm 2015, 2016, 2017, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học, Nhà trường đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy. Theo đúng tinh thần của đề án, hàng năm các thông tin về tuyển sinh trường gồm: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh các ngành trong đó có ngành PTNT được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của Khoa, Trường, trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm [H8.08.01.03].

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của tất cả các ngành, trong đó có ngành PTNT đều được Phòng ĐT&CTSV tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [H8.08.01.03, H8.08.01.05].

Công tác tuyển sinh được ưu tiên chú trọng từ khâu lập kế hoạch đến triển khai thực hiện từ cấp Bộ môn. Quảng bá tuyển sinh được triển khai đến tận các trường cấp III và trên trang Website của Khoa và nhà trường. Khoa đã thành lập Ban tư vấn tuyển sinh để tư vấn và hỗ trợ cho SV đúng nhu cầu, nguyện vọng và sở trường của mình [H8.08.01.06],[H8.08.01.11].

Bảng 8.1. Thống kê số liệu SV nhập học ngành PTNT

Năm học	Số lượng nhập học (người)	Điểm trung bình của SV được tuyển (điểm)
2015 - 2016	148	17.93

2016 - 2017	58	16.5
2017 - 2018	91	16.39
2018 - 2019	79	13.87
2019 - 2020	61	15.14

Nguồn: Phòng ĐT&CTSV

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành PTNT được xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GDĐT. Các thông tin về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức tuyển sinh và tổ hợp các môn xét tuyển của ngành PTNT được cập nhật và được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa mới chỉ thực hiện một số chính sách ưu đãi dành cho thủ khoa trường và thủ khoa ngành mà chưa có chính sách ưu đãi áp dụng chung cho người học khi đăng ký theo học vào ngành PTNT

4. Kế hoạch hành động

Các chính sách và những thay đổi liên quan đến chính sách tuyển sinh của ngành PTNT luôn được cập nhật, công khai và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Khoa và nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh rộng rãi hơn nữa, đồng thời lấy ý kiến phản hồi của người học về chính sách tuyển sinh của Nhà trường

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu thực hiện chính sách ưu đãi dành cho tất cả người học khi đăng ký theo học vào ngành PTNT như giảm một phần học phí, tặng miễn phí tài liệu học tập toàn khóa học,... để thu hút người học.	Người học khi đăng ký theo học vào ngành PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2022

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		Tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh để người học tiếp cận được nhiều hơn thông tin về chính sách tuyển sinh và thông tin về ngành PTNT	Người học khi đăng ký theo học vào ngành PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác định rõ ràng và cập nhật những thay đổi liên quan đến chính sách tuyển sinh ngành PTNT đồng thời tiến hành công khai chính sách tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau	Phòng ĐT&CTSV, Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7 điểm

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Việc tuyển chọn người học vào ngành PTNT được thực hiện theo các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn rõ ràng. Cụ thể, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy ngành PTNT được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT và thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hệ chính quy. Các tiêu chí và phương pháp này được thể hiện rõ ràng trong đề án tuyển sinh của ĐHH và của Trường [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Trên cơ sở các văn bản về quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ GDĐT, dữ liệu thống kê kết quả tuyển sinh hàng năm, ý kiến góp ý của các GV và vị trí việc làm của nguồn nhân lực ngành PTNT trên thị trường lao động, hàng năm Trường ĐHNL, ĐHH nói chung và Khoa PTNT nói riêng đều tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật, bổ sung các tiêu chí đánh giá cũng như phương pháp tuyển chọn người học ngành PTNT. Điều này được thể hiện rõ trong sự thay đổi về số lượng chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức

tuyển sinh, tổ hợp các môn xét tuyển trong đề án tuyển sinh và cơ sở dữ liệu thống kê về kết quả tuyển sinh hàng năm. Cụ thể, trước năm 2017, Trường chỉ sử dụng 01 phương pháp tuyển sinh duy nhất là dựa vào kết quả của kỳ thi trung học phổ thông quốc gia để tuyển sinh cho ngành PTNT với hai tổ hợp các môn thi thuộc khối A00 và B00. Đến năm 2017, bên cạnh việc tuyển sinh cho ngành PTNT bằng kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia thì Trường đã bổ sung thêm hình thức tuyển sinh mới là xét tuyển bằng học bạ của thí sinh. Nhà trường đã sử dụng tổ hợp các thi thuộc bốn khối gồm A00, D01, C04 và C00 để thực hiện xét tuyển cho cả hai hình thức này. Tiếp đến vào năm 2020, Trường đã sử dụng 4 tổ hợp gồm A00, B00, C00 và C04 để xét tuyển vào ngành PTNT bằng phương thức xét tuyển học bạ và 4 tổ hợp gồm A00, B00, C01 và C04 để xét tuyển bằng kết quả thi phổ thông trung học [H1.01.03.26DC].

Như vậy có thể thấy, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành PTNT đã được xác định rõ ràng và được rà soát, cập nhật hàng năm. Điều này đã làm cho kết quả tuyển sinh của ngành PTNT luôn đạt kết quả khá cao và ổn định so với các ngành đào tạo khác của Trường. Trong hai năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017, ngành PTNT có số lượng người học rất cao. Bắt đầu từ năm 2017, mặc dù tiêu chí tuyển sinh của ngành PTNT rất rõ ràng và tuân thủ theo các hướng dẫn của Bộ GDĐT đồng thời Trường đã bổ sung thêm phương pháp tuyển sinh bằng cách xét học bạ. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân như sự thay đổi nhận thức của xã hội đối với việc học đại học, thí sinh được đăng ký nhiều nguyện vọng để xét tuyển vào các trường đại học,... nên đã làm cho số lượng tuyển sinh của ngành PTNT đã giảm so với các năm học trước đó (Bảng 8.2).

Bảng 8.2. Thống kê số lượng người học ngành PTNT giai đoạn 2015 - 2020

Đơn vị tính: Người

Số lượng người học	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Hệ chính quy	553	625	540	495	343
Hệ không chính quy	72	70	0	0	0
Tổng số	553	625	540	495	343

(Nguồn: Phòng ĐT&CTSV 2021)

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNL, ĐHH có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành PTNT rõ ràng. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn này được xác định theo đúng quy định hiện hành của Bộ GDĐT và được rà soát, đánh giá hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình rà soát, đánh giá về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh nói chung và tuyển sinh ngành PTNT nói riêng, Trường ĐHNL, ĐHH chưa thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của SV đang theo học về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành PTNT

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2018 - 2019 trở đi, Nhà trường cần thực hiện việc rà soát, đánh giá các đề thi/quy trình/phương pháp thi tuyển/phương pháp xét tuyển. Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học.

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV đang theo học về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành PTNT.	Phòng ĐT&CTSV	Năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành PTNT theo các quy định hiện hành của Bộ GDĐT.	Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm, từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

CTĐT ngành PTNT năm 2017 gồm 128 tín chỉ, được thiết kế cho 4 năm với 8 kỳ học. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành PTNT không vượt 20 tín chỉ. Khối lượng học tập này được thiết kế cho SV có lực học trung bình hoàn thành được chương trình học đúng theo thời gian thiết kế của chương trình [H8.08.03.05]. Tùy theo năng lực và kế hoạch học tập của mình, SV được phép đăng ký học ít hơn hoặc nhiều hơn so với khối lượng học tập được thiết kế của mỗi kỳ học nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ và nhiều hơn 25 tín chỉ. Tùy thuộc vào số lượng tín chỉ đăng ký học của từng học kỳ mà SV ngành PTNT có thể hoàn thành chương trình học trong thời gian từ 3 đến 8 năm. KQHT cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo thang điểm chữ với các mức là A, B, C, D, F. Theo đó, học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết của học phần đạt từ điểm D trở lên [H8.08.03.01]-[H8.08.03.05].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của người học ngành PTNT, Nhà trường và Khoa PTNT thường xuyên theo dõi và giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện cũng như kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Việc giám sát này được thực hiện thông qua hệ thống giám sát của Trường và của Khoa. Trong đó, hệ thống giám sát của Trường được thực hiện thông qua phần mềm Quản lý giáo dục dưới sự giám sát của Phòng ĐT&CTSV, Đoàn Thanh niên và Hội SV. Hệ thống giám sát của Khoa được thực hiện thông qua Trợ lý giáo vụ, ban Cố vấn học tập và Liên chi đoàn Khoa [H8.08.03.10], [H8.08.03.19].

KQHT và rèn luyện của người học được Nhà trường cập nhật và thể hiện chi tiết, đầy đủ trong tài khoản của SV trên phần mềm Quản lý giáo dục. Cố vấn học tập bằng tài khoản cá nhân trên phần mềm dễ dàng truy cập và nắm bắt chi tiết về kết quả cũng sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV để có các biện pháp nhắc nhở và hỗ trợ phù hợp nhằm giúp SV tiến bộ trong học tập như tư vấn số tín chỉ đăng ký phù hợp với lực học, tư vấn về phương pháp học tập, tìm kiếm tài liệu,...

Hàng tháng, các lớp SV đều tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ. Trong các buổi sinh hoạt này, Cố vấn học tập tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của SV, đồng thời qua đó động viên, nhắc nhở SV chú ý trong học tập và rèn luyện. Trên cơ sở KQHT của người học, Phòng ĐT&CTSV đã tiến hành lập danh sách cảnh báo học vụ theo từng kỳ học và thông báo cho người học biết tình trạng học tập để từ đó có các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện KQHT. Ngoài ra, hàng năm Khoa

PTNT đều thực hiện tổng kết năm học để đánh giá chung về các kết quả hoạt động, trong đó đánh giá về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện cũng như KQHT của người học toàn Khoa trong năm học [H8.08.03.10], [H8.08.03.19].

Kết quả của hệ thống giám sát, quản lý và đánh giá SV cho thấy Khoa và Nhà trường đã xác định được số lượng SV ngành PTNT bỏ học, thôi học, tốt nghiệp trễ hạn của từng năm học (Bảng 8.3). Tuy nhiên, tỷ lệ SV tốt nghiệp so với tuyển vào của các năm chưa cao do SV vì một lý do như hoàn cảnh gia đình khó khăn, không đam mê nghề nghiệp, muốn học ngành khác,... nên đã nghỉ học hoặc chưa hoàn thành các yêu cầu CĐR như: Ngoại ngữ, chứng chỉ quốc phòng, giáo dục thể chất nên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Để khắc phục vấn đề này, bên cạnh việc nâng cao hiệu quả hoạt động của ban Cố vấn học tập thì các GV trong các giờ giảng dạy trên lớp đã thường xuyên động viên, nhắc nhở SV chú ý học tập để cải thiện KQHT cũng như hoàn thành được kế hoạch học tập của bản thân. Bên cạnh đó, để dễ dàng nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và thực sự sâu sát tình hình học tập, sinh hoạt, rèn luyện của SV, hàng tuần, Ban chủ nhiệm Khoa đã bố trí một buổi tiếp SV tại văn phòng Khoa (nếu SV có nhu cầu) nhằm lắng nghe, động viên và hỗ trợ SV giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc gặp phải trong học tập đời sống.

Bảng 8.3. Thống kê SV thôi học, bỏ học và tốt nghiệp trễ hạn của ngành PTNT

Đơn vị tính: SV

Năm học	Số lượng SV bỏ học, thôi học	Số lượng SV tốt nghiệp trễ hạn
2015 - 2016	13	0
2016 - 2017	36	40
2017 - 2018	28	12
2018 - 2019	31	0
2019 - 2020	26	0

Nguồn: Phòng ĐT&CTSV, 2021

2. Điểm mạnh

Việc sử dụng phần mềm Quản lý giáo dục đã giúp cho Nhà trường, Khoa và CVHT thực hiện dễ dàng, nhanh chóng và hiệu quả việc giám sát sự tiến bộ về học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV ngành PTNT.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm Quản lý giáo dục mới chỉ có chức năng thực hiện cảnh báo học tập theo học kỳ mà chưa có chức năng cảnh báo tình trạng nghỉ học của SV theo hàng tháng. Số liệu SV nghỉ học chưa được cập nhật kịp thời vào phần mềm Quản lý giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu, bổ sung chức năng thực hiện cảnh báo tình trạng nghỉ học của SV theo hàng tháng nhằm giúp SV tránh được tâm lý chủ quan, lơ là trong việc tham gia học tập trên lớp từ đó góp phần tạo ra sự tiến bộ trong học tập.	Trung tâm TTTV	2021
		Cập nhật kịp thời số liệu SV bỏ học trên phần mềm PTNT để quản lý chính xác số lượng SV đang theo học	Phòng ĐT&CTSV	Thực hiện ngay khi Khoa báo danh sách SV nghỉ học
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục vận hành tốt phần mềm Quản lý giáo dục để theo dõi sự tiến bộ về học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học ngành PTNT.	Trung tâm TTTV	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
		Tiếp tục phát huy hiệu quả giám sát của hệ thống cố vấn học tập, Phòng	Phòng	Thực hiện hàng

		ĐT&CTSV đối với sự tiến bộ về học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học ngành PTNT.	ĐT&CTSV Ban CVHT của Khoa	năm từ năm 2021
--	--	---	---------------------------------	--------------------

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Trong thời gian qua, nhằm nâng cao KQHT và nâng cao khả năng xin được việc làm sau khi tốt nghiệp cho SV ngành PTNT, Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT đã thực hiện nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Cụ thể, trên cơ sở đề xuất của Ban chủ nhiệm Khoa, Hiệu trưởng Nhà trường đã ra quyết định thành lập Ban CVHT của Khoa với thành phần gồm Phó trưởng khoa phụ trách ĐT&CTSV làm Trưởng ban, thường trực ban CVHT là Trợ lý giáo vụ và các ủy viên là các GV giảng dạy CTĐT ngành PTNT đảm nhận vai trò là CVHT cho từng lớp SV [H4.04.03.07DC] [H4.04.03.09DC].

Trên cơ sở quy định về công tác CVHT do Trường ban hành, Ban CVHT của Khoa đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ cho SV về các vấn đề liên quan đến học tập, NCKH, định hướng nghề nghiệp như: tư vấn cho SV phương pháp học ở bậc đại học, phương pháp tự học và kỹ năng NCKH; kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, tài liệu học tập; hướng dẫn cho SV hiểu biết về CTĐT của toàn khóa học, cách lựa chọn các học phần đăng ký của từng học kỳ; hướng dẫn SV về quy trình thủ tục, đăng ký học phần hoặc hủy đăng ký học phần, xây dựng kế hoạch học tập cá nhân cho từng học kỳ; trợ giúp SV trong việc lựa chọn nơi thực tập, lựa chọn đề tài tiểu luận, tốt nghiệp, đề tài NCKH phù hợp với năng lực, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của SV,... [H8.08.04.01]. Việc thành lập và đưa vào hoạt động của Ban CVHT đã giúp SV rất nhiều trong việc xác định kế hoạch và phương pháp học tập phù hợp từ đó giúp SV nâng cao khả năng học tập và rèn luyện để đạt được kết quả tốt.

Bên cạnh hoạt động của Ban CVHT, các phòng ban chức năng, các tổ

chức đoàn thể trong Trường và Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động để tư vấn, hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác cho người học như: tổ chức các hoạt động NCKH cho SV; tổ chức các buổi tập huấn cho SV về kỹ năng viết lý lịch khoa học và phỏng vấn xin việc, vay vốn tín dụng, tổ chức thi ý tưởng khởi nghiệp,... [H8.08.04.04]. Bên cạnh đó, vào cuối tháng 4 hoặc đầu tháng 5 hàng năm, Trường ĐHNL, ĐHH đều tổ chức ngày hội việc làm với sự tham gia của rất nhiều doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng từ khắp nơi trên cả nước để hỗ trợ cho SV tìm kiếm việc làm ngay khi đang còn theo học. Ngoài ra, hàng năm Khoa PTNT cũng đều tổ chức các buổi định hướng nghề nghiệp cho SV với sự tham gia của đại diện lãnh đạo các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực PTNT đồng thời tổ chức các buổi tuyển dụng trực tiếp giữa các cơ quan doanh nghiệp với SV của Khoa. Các hoạt động này đã làm tăng khả năng có việc làm của SV ngành PTNT ngay khi đang còn theo học ở Trường [H8.08.04.03], [H8.08.04.04], [H8.08.04.05].

Để giúp SV, đặc biệt là SV mới nhập học có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Nhà trường và Khoa đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học [H8.08.04.07]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa còn thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, trao giải thưởng đối với người học có thành tích cao trong học tập và rèn luyện theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa KQHT và rèn luyện [H5.05.04.05DC].

Trong quá trình học tập tại Trường, trên cơ sở kế hoạch học tập của năm học, Khoa PTNT đã liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực PTNT để tổ chức cho SV ngành PTNT đi học tập thực tế thông qua các đợt tiếp cận nghề, thao tác nghề, thực tế nghề, thực tập tốt nghiệp để nâng cao tay nghề và kiến thức chuyên môn. Thời gian đi thực tập tiếp cận nghề, thao tác nghề, thực tế nghề, thực tập tốt nghiệp được phân bổ phù hợp trong chương trình học dưới sự hướng dẫn trực tiếp của GV nhằm giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. Các GV tham gia hướng dẫn SV thực tập là những cán bộ GV có chuyên môn sâu, có nhiều kinh nghiệm thực hành, quản lý SV và mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ sở/đơn vị tiếp nhận SV đến thực tập. Bên cạnh đó, trong các đợt thực tập, SV luôn được đại diện của các cơ sở/đơn vị tiếp nhận giới thiệu về cơ cấu tổ chức, hoạt động và vị trí việc làm mà SV ngành PTNT có thể tham gia thi tuyển. Các hoạt động này đã góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thực tế của SV từ đó nâng cao KQHT và khả năng tìm kiếm việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.06],[H8.08.04.19]

Để nâng cao hơn kết quả các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học, hàng năm Khoa PTNT đã tổ chức các buổi đối thoại giữa SV với lãnh đạo Khoa nhằm thu thập ý kiến của SV. Kết quả tổng hợp ý kiến của SV tại các buổi đối thoại cho thấy, một số SV mong muốn việc hỗ trợ, tư vấn của một số cán bộ thuộc bộ phận công tác SV trực thuộc Phòng ĐT&CTSV được thực hiện nhiệt tình hơn. Bên cạnh đó, SV mong muốn Trung tâm thư viện của Trường được bổ sung nhiều tài liệu hơn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tham khảo của SV trong quá trình học tập và NCKH.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT đã thực hiện nhiều hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động thi đua và hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức các hoạt động tiếp cận nghề, thao tác nghề, thực tế nghề để cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm cho người học ngành PTNT hầu hết chỉ được tổ chức ở các tỉnh miền Trung từ Nghệ An đến Quảng Ngãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng địa bàn tổ chức các hoạt động tiếp cận nghề, thao tác nghề, thực tế nghề để nâng cao hơn nữa khả năng có việc làm cho người học ngành PTNT.	Khoa PTNT	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức ngày hội việc làm và các buổi định hướng nghề nghiệp cho SV.	Phòng ĐT&CTSV, Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2022
		Tiếp tục phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt	Đoàn thanh niên- Hội SV	Thực hiện hàng năm từ

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		động tư vấn học tập, các hoạt động thi đua và các hoạt động hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học của người học	của Trường ĐHNL, Khoa PTNT	năm 2021

5. Tự đánh giá:

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của Trường ĐHNL, ĐHH nói chung và của Khoa PTNT nói riêng đã tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Hiện nay, khuôn viên của Trường được chia thành các khu chức năng rõ rệt gồm khu Nhà hành chính, khu Giảng đường, khu Thể thao, khu vực làm việc cho các Khoa chuyên môn, quảng trường SV với biểu tượng của Nhà Trường,... Không gian của Trường rất thoáng đãng, sạch, đẹp với nhiều cây xanh, vườn hoa, ghế đá,... được bố trí hợp lý. Khu tập luyện thể thao của Trường có thể tổ chức nhiều hoạt động thể thao đa dạng do khu vực này có sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông, nhà tập luyện bóng bàn, khu tập xà đơn, xà kép [H8.08.05.01], [H8.08.05.06].

Nhà trường đã ban hành các nội quy, quy định đối với SV khi đến Trường cũng như khi thực hiện các hoạt động học tập tại giảng đường, tại các phòng thí nghiệm,... Điều này đã tạo môi trường thuận lợi và thoải mái cho người học khi thực hiện các hoạt động học tập, NCKH và rèn luyện tại Trường [H8.08.05.03]

Nhằm tạo môi trường thuận lợi cho SV tham gia hoạt động và rèn luyện, Nhà trường và Khoa PTNT đã thành lập các CLB, Đội, nhóm như: CLB tiếng Anh, Đội tuyên truyền ca khúc cách mạng, ... [H8.08.05.03]. Việc tham gia các CLB, Đội, nhóm này giúp cho SV được thể hiện bản thân, trau dồi được các kỹ năng mềm, có tâm lý vui tươi phấn khởi, rèn luyện sức khỏe,... nên đã tạo điều kiện tốt về thể chất và tinh thần nhờ đó góp phần hỗ trợ nâng cao KQHT của

SV.

Nhằm đảm bảo chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho người học, Nhà trường đã bố trí phòng Y tế ngay gần khu giảng đường, với đầy đủ các loại thuốc rất thuận lợi cho SV và cán bộ GV khi có nhu cầu. Tổ Y tế kết hợp với phòng DT&CTSV triển khai công tác tư vấn và hướng dẫn cho SV đăng ký, nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể theo đúng quy định [H8.08.05.04]. Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường luôn thực hiện hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học để đảm bảo sức khỏe cho SV tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện tại Trường [H8.08.05.05].

Bên cạnh đội ngũ cố vấn học tập, Trường ĐHNL, ĐHH còn có Phòng DT&CTSV có chức năng hỗ trợ tư vấn cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp. Nhà trường đã thành lập Trung tâm dịch vụ hợp tác doanh nghiệp và SV được bố trí ngay trong khuôn viên của Nhà trường và có chức năng đáp ứng các nhu cầu khác của SV để tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho hoạt động học tập, NCKH và các hoạt động cụ thể khác của người học. Ngoài ra, để đảm bảo môi trường học tập an toàn và thoải mái cho SV, Nhà trường rất quan tâm thực hiện công tác đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ trong toàn bộ khuôn viên của Trường. Cụ thể, tại các dãy giảng đường, khuôn viên của các Khoa, khuôn viên của dãy nhà hành chính và TT,TTTV đều được Nhà trường bố trí các bình chữa cháy theo quy định [H8.08.05.06].

Trong thời gian xảy ra dịch bệnh Covid-19, Nhà trường cũng bố trí đầy đủ cơ sở vật chất và thực hiện các biện pháp cụ thể để phòng chống dịch bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế như: tiến hành đo thân nhiệt của SV, trang bị dung dịch sát khuẩn ở toàn bộ các dãy giảng đường và trong khuôn viên Trường, thường xuyên thông báo các quy định phòng chống dịch bệnh của Bộ Y tế, của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, của ĐHH và của Nhà trường đến SV. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự an toàn cho SV trước sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Trường ĐHNL, ĐHH đã tổ chức cho SV học online qua mạng trong học kỳ II năm học 2019-2020 [H8.08.05.07], [H8.08.05.08].

Tất cả những hoạt động này đã tạo ra môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái cho cá nhân người học. Tuy nhiên, theo kết quả tổng hợp ý kiến của SV trong các buổi đối thoại với lãnh đạo Khoa PTNT cho thấy, Nhà trường cần tiếp tục chỉnh trang và nâng cấp các giảng đường (như bố trí thêm hệ thống quạt, sửa chữa các máy chiếu đã bị hỏng,...) để phục vụ việc học tập của SV tốt hơn. Bên cạnh đó,

trước mặt khuôn viên Khoa PTNT có 01 sân bóng chuyền nhưng do ảnh hưởng của việc mở đường trước giảng đường E nên hiện nay sân bóng này bị mất một phần diện tích nên không được đưa vào sử dụng. Do đó, theo ý kiến của SV thì Nhà trường nên có kế hoạch sửa chữa để đưa sân bóng này vào hoạt động sớm nhằm phục vụ cho SV luyện tập thể thao sau các tiết học ở giảng đường [H8.08.04.21DC]- [H8.08.05.12]

Nhà trường và Khoa PTNT thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường thu hút những SV yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia. Cụ thể, Liên chi Đoàn Khoa với mục đích tạo ra môi trường tốt cho SV ngành PTNT tham gia các hoạt động phong trào và là diễn đàn để SV cùng nhau chia sẻ những kiến thức chuyên ngành. Bên cạnh đó, Khoa cũng thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV thông qua việc tổ chức các nhóm NCKH cấp Trường [H8.08.05.12]

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNL, ĐHH có cảnh quan sạch, đẹp, thoáng đãng với nhiều không gian xanh và các khu chức năng được bố trí khoa học và hợp lý. Nhà trường đã tạo được môi trường tâm lý xã hội, môi trường làm việc thân thiện nên đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi và sự thoải mái cho tất cả người học trong việc học tập và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có bộ phận chuyên trách thực hiện việc tư vấn tâm lý cho SV. Cơ sở vật chất của Trường chưa tạo ra môi trường thật sự phù hợp đối với SV bị khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Bố trí bộ phận tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho người học.	Phòng TCHC&CSVC	Năm 2022
		Quan tâm bố trí các cơ sở vật chất phù hợp cho việc hoạt động, học tập và nghiên cứu của SV bị khuyết tật.	Phòng TCHC&CSVC	Năm 2022

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện duy trì môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tốt để tạo sự thuận lợi và thoải mái nhất cho người học.	Phòng TCHC&CSVC, Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:5/7

Kết luận tiêu chuẩn 8

Là đơn vị thuộc sự quản lý trực tiếp của ĐHH, Trường ĐHNL luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh của Bộ GDĐT và ĐHH. Chính sách tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của ngành PTNT thuộc Khoa PTNT nói riêng luôn được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật kịp thời. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành PTNT được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT. Trong hoạt động đào tạo, Khoa và Nhà trường luôn có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Nhà trường và Khoa có nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện KQHT và tăng khả năng có việc làm của người học. Khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường đã tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học trong hoạt động đào tạo và NCKH. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh nổi bật như trên, vẫn có một số vấn đề tồn tại liên quan đến người học ngành PTNT. Cụ thể, Nhà trường chưa có bộ phận tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học và chưa có hệ thống cơ sở vật chất phù hợp cho hoạt động học tập và nghiên cứu của người khuyết tật.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Phát triển Nông thôn đã đạt được yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 3 tiêu chí đạt 6/7 điểm và 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 9

CƠ SỞ VẬT CHẤT TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Khoa PTNT, Trường ĐHNL, ĐHH là một trong những Khoa đầu ngành trong đào tạo, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực KN & phát triển nông nghiệp, nông thôn tại miền Trung và Tây Nguyên. Do đó, để phục vụ học tập và nghiên cứu, Khoa đã từng bước đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị thực hành (TH), cơ sở vật chất (CSVC) đảm bảo đủ năng lực cho công tác đào tạo, NCKH. Bên cạnh sự đầu tư từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa cũng luôn chủ động xây dựng dự án để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH. Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị TH và CSVC của Khoa cũng đã từng bước đi vào nề nếp, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, hình thành cảnh quan xanh-sạch-đẹp trong khuôn viên của Khoa.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của Khoa đã được chú ý phát triển, trang bị hiện đại và đồng bộ. Ngoài cơ sở phòng ốc nơi làm việc của Khoa và các bộ môn, Khoa có phòng “Truyền thông và phát triển”, được trang bị các máy móc hiện đại phục vụ cho công tác truyền thông, quảng bá, in sao tài liệu và đầy đủ các phương tiện như máy quay camera, máy in, máy tính, máy chiếu để phục vụ truyền thông giảng dạy và thực hành. Đặc biệt, Khoa có tủ sách chuyên ngành với nhiều sách chuyên khảo được sưu tập từ nước ngoài và đầy đủ các tài liệu bài giảng để phục vụ tốt cho việc tự học và nghiên cứu của SV, học viên cao học trong Khoa và những ai quan tâm trong lĩnh vực phát triển nông thôn.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa PTNT là một trong bảy Khoa của Trường ĐHNL, ĐHH. Vị trí của Khoa nằm trong khuôn viên của Trường ĐHNL, ĐHH ở địa chỉ số 102, đường Phùng Hưng, phường Đông Ba, thành phố Huế. Khoa được xây dựng căn cứ vào Quy hoạch chi tiết cơ sở chính của Trường đến năm 2020 [H9.09.01.01]. Cơ sở hạ tầng của Khoa nằm trong khu vực quy hoạch di tích Cố đô Huế nên các công

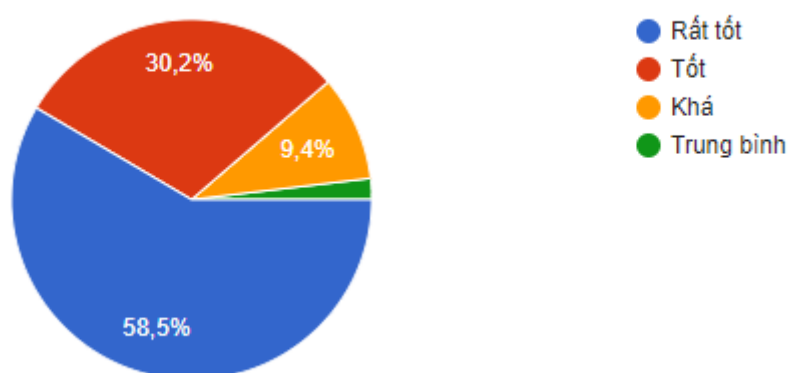
trình ở đây chỉ được phép xây 2 tầng, chiều cao không vượt quá 11,5 mét. Năm 2014 cơ sở chính của Trường đã được UBND thành phố Huế cấp Chứng chỉ quy hoạch.

Các bộ môn của Khoa được phân từ 1 phòng làm việc, 02 phòng dành cho Ban chủ nhiệm Khoa, 01 phòng dành cho văn phòng, 01 phòng dành cho phòng Thư viện – Truyền thông phát triển và 01 phòng phục vụ hội nghị, hội thảo [H8.08.05.02DC]. Các phòng này có diện tích khoảng 20m^2 (bình quân $3\text{m}^2/1$ giảng viên), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in,... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của nhà trường để đáp ứng CSVC tốt nhất cho giảng viên, CBVC&LĐ có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình [H9.09.01.06], [H9.09.01.07], [H9.09.01.08].

Trong 10 năm qua, Khoa đã được nhà trường đầu tư xây dựng đủ diện tích lớp học đáp ứng quy mô đào tạo. Hiện nay, Trường có 67 phòng học với tổng diện tích sàn là 7840 m^2 (Tỷ lệ $1,12\text{m}^2/\text{SV}$ chính quy), phân bố ở các khu giảng đường A, B, C, D, E, G và giảng đường T [H9.09.01.06], [H9.09.01.07], [H9.09.01.08]. Diện tích này đã đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của nhà trường. Hệ thống giảng đường, phòng học của nhà trường có nhiều loại phòng học với 12-15 chỗ ngồi, 25 chỗ ngồi, 50-75 chỗ ngồi và 100 chỗ ngồi. Các phòng học ở tất cả giảng đường đều đáp ứng TCVN 3981:1985 về tiêu chí diện tích chỗ ngồi học tập của SV tương ứng với từng loại phòng học [H9.09.01.06]. 100% các phòng học đều sử dụng phấn không bụi, được trang bị hệ thống máy chiếu (projector), các phòng học lớn đã được lắp thiết bị âm thanh, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống chiếu sáng và rèm che nắng góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo. Phòng học được khai thác 2 ca/ngày, trong đó SV chính quy sử dụng 2 ca/ngày với 06 ngày trong tuần; học viên cao học sử dụng 02 ca/ngày vào các ngày thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật. Ca tối được sử dụng chủ yếu cho hoạt động của các CLB, Đội nhóm SV. Các giảng đường đều có bản nội quy sử dụng để nhắc nhở người học giữ gìn tài sản và tiết kiệm điện, nước [H8.08.05.03DC]. Số lượng phòng học của trường đã đủ để đáp ứng theo yêu cầu của từng ngành đào tạo (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập, thực hành, thảo luận,...). Một số phòng học không phù hợp với công năng, hoạt động đã được trường thay đổi mục đích sử dụng để khai thác có hiệu quả nguồn CSVC này [H9.09.01.10].

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, thí nghiệm thực hành đều được phân phối hợp lý và có sơ đồ rõ ràng cho từng bộ môn chuyên môn [H9.09.01.03], [H9.09.01.10].

Kết quả khảo sát người học và các bên liên quan về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành PTNT do Khoa PTNT thực hiện vào năm 2021 cho thấy có 88,7% số người được khảo sát đã đánh giá ở mức rất tốt và tốt, 9,4% đánh giá ở mức khá [H9.09.01.14DC], [H9.09.01.15DC].



Hình 9.1. Kết quả đánh giá của người học ngành PTNT đối với hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành PTNT

2. Điểm mạnh

Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính hiện có (luôn được cải tạo sửa chữa) đã đáp ứng tốt, có hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH và sinh hoạt chuyên môn của Khoa.

Việc bố trí phòng học được thực hiện bằng phần mềm quản lý đào tạo cùng với nỗ lực bộ phận điều độ thuộc Ban Quản lý giảng đường đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như phụ đạo, học nhóm, tự học,...

3. Điểm tồn tại

Hệ thống phòng làm việc của GV còn nhỏ, thiếu phòng hội thảo Khoa học. Thiếu các trang thiết bị phục vụ Hội thảo, giảng dạy trực tuyến.

Hệ thống quạt, rèm che mát tại một số phòng giảng đường G chưa đáp ứng tốt cho SV khi học tại đây vào những ngày hè nóng bức. Một số máy chiếu tại các giảng đường hay bị lỗi, không sử dụng được.

Một số thiết bị của phòng thực hành qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp, hư hỏng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư nâng cấp thiết bị truyền thông, máy tính tại các phòng thực hành của Khoa để đảm bảo tốt hơn việc thực hành của SV.	Phòng TCHC&CSVC	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
		Định kỳ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm có các giải pháp tổ chức sử dụng hiệu quả.	Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC	Thực hiện hàng năm từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc trang bị và nâng cấp cơ sở vật chất cho hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng để phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành PTNT.	Phòng TCHC&CSVC	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, Khoa và Nhà trường đã rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển thư viện nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

Từ khi nhận tòa nhà làm việc vào năm 2015, Khoa đã dành một phòng làm Thư viện của Khoa nhằm phục vụ nhu cầu đọc tài liệu tham khảo cũng như tài liệu phục vụ cho quá trình làm báo cáo, khóa luận của SV, đặc biệt là SV trong Khoa. Thư viện của Khoa nằm tại tầng hai thuộc tòa nhà hành chính của Khoa PTNT. Thư viện được trang bị nhiều loại sách cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng của CBGV và SV. Hiện nay Thư viện của Khoa có đầy đủ các giáo trình, bài giảng của các học phần do Khoa đảm nhiệm, các khóa luận tốt nghiệp của SV trong 10 khóa gần nhất (2006 – 2020), luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Phát triển nông thôn. Ngoài ra, thư viện Khoa còn có một số báo, tạp chí Khoa học giúp SV tham khảo trong học tập và nghiên cứu [H9.09.02.02]. Để phục vụ bạn đọc sử dụng tài liệu có hiệu quả, Thư viện đã đề ra quy định về việc mượn và trả sách, báo, tạp chí và ban hành nội quy thư viện [H9.09.02.12], [H9.09.02.14].

Ngoài thư viện Khoa, SV còn được sử dụng, tìm đọc tài liệu trong thư viện của Trường (TTTT-TV) với 5.475 đầu sách, trong đó có 5.175 đầu sách tiếng Việt, 300 đầu sách tiếng Anh. Sách giáo trình có 3.674 đầu sách phục vụ trực tiếp các chuyên ngành đào tạo, 1.801 đầu sách các môn cơ bản và sách tham khảo [H9.09.02.06]. Bên cạnh đó, thư viện còn có cả những tài liệu để nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về lịch sử, văn hóa và giải trí của bạn đọc [H9.09.02.07]. Ngoài Thư viện trường, SV còn được sử dụng nguồn tài liệu của Trung tâm Học liệu Đại học Huế (Điều 4, Sổ tay SV 2015). Trung tâm Học liệu Đại học Huế được kết nối đến các đơn vị trong và ngoài nước như: Đại học Kinh tế Huế, Đại học Khoa học Huế, Trung tâm Học liệu Đà Nẵng, Trung tâm Thông tin Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Quốc hội Mỹ, Thư viện Quốc gia Australia,... thông qua bộ cơ sở dữ liệu ProQuest [H9.09.02.10]. ProQuest là một Bộ Cơ sở dữ liệu trực tuyến với 11 CSDL bao gồm hầu hết các lĩnh vực. ProQuest cho phép truy cập tới hơn 11.250 tạp chí (8.400 tạp chí toàn văn), 479 báo cáo toàn văn và cả các tài liệu không phải là xuất bản phẩm định kỳ như luận văn, các báo cáo của Ox Research và EIU về 252 quốc gia và khu vực, hồ sơ doanh nghiệp, báo cáo công nghiệp,... Nguồn tài liệu dồi dào và đa dạng nhiều lĩnh vực trên có thể được tìm kiếm trực tuyến tại trang chủ Trung tâm thông tin - Thư viện catalog [H9.09.02.11]. Hơn thế nữa GV và SV trong Trường có thể tìm đọc các bài báo do nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thực hiện được đăng tải ở các trang web của tạp chí ĐHH (<http://jos.hueuni.edu.vn/>), tạp chí Khoa học công nghệ nông nghiệp Trường ĐHNL (<http://tapchi.huaf.edu.vn/index.php/id20194/index>).

Để phục vụ bạn đọc sử dụng tài liệu có hiệu quả, Trung tâm TTTV đã ban hành đầy đủ nội quy Thư viện [H9.09.02.12], quy định làm thẻ Thư viện [H9.09.02.13], quy định mượn, trả sách của Thư viện [H9.09.02.14]. Việc hướng dẫn sử dụng Thư viện điện tử và tra cứu các tài liệu điện tử được thực hiện tại trang mạng nội bộ của Trường. Phần mềm quản lý thư viện điện tử ILib version 6.5 (ILib65) gồm các phân hệ như: Biên tập, Bổ sung, Lưu thông, Kho,... đã được đưa vào sử dụng và đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý thư viện [H9.09.02.15]. Việc thống kê báo cáo hàng năm được thực hiện trên Phần mềm ILib65 bằng chức năng Báo cáo trong phân hệ Lưu thông. Bên cạnh đó, Trung tâm Thông tin - Thư viện luôn chủ động thống kê lượng độc giả mượn trả sách bằng phần mềm để nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng sách, tài liệu hiện có. Theo số liệu thống kê, số lượt cán bộ viên chức và SV đến tham khảo và khai thác thông tin ở trung tâm TTTV bình quân hàng năm là khoảng 2000 lượt [H9.09.02.16], tổng lượt sử dụng phòng tư liệu Khoa hàng năm đạt xấp xỉ 1500 lượt [H9.09.02.24DC].

Cùng với sự phát triển của ngành PTNT, các tài liệu, tạp chí liên quan đến công tác đào tạo, học tập, NCKH của ngành luôn được đầu tư mua mới và bổ sung [H9.09.02.17], [H9.09.02.18], [H9.09.02.19], [H9.09.02.20]. Điều này đã đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí,... của Thư viện luôn luôn được đổi mới để đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV.

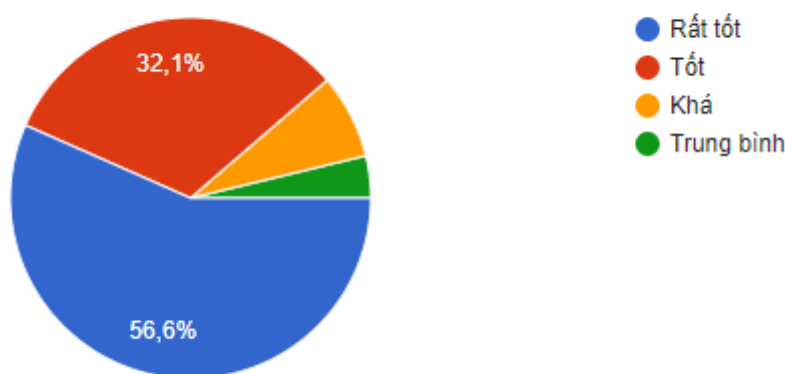
Để thực hiện công tác quản lý Thư viện thì cơ cấu tổ chức của Trung tâm TTTV gồm 10 cán bộ viên chức với 2 tổ trực thuộc là tổ công nghệ thông tin và tổ thư viện [H7.07.01.01DC].

Cùng với sự phát triển của ngành, PTNT, các tài liệu, tạp chí luôn luôn được đầu tư mua mới, bổ sung. Trong từng giai đoạn, Nhà trường, Khoa xây dựng kế hoạch đầu tư mua với, dự toán kinh phí và cụ thể hóa danh mục tài liệu cho từng môn học, từng chuyên ngành đào tạo của ngành được đầu tư mua mới, bổ sung hàng năm [H9.09.02.08]. Điều này đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí,... của thư viện luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của giảng viên và SV.

Trên trang Web của Khoa, hằng năm điều cập nhật thông tin về bài giảng, giáo trình và các công trình NCKH của đội ngũ GV trong Khoa nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện cho các bạn SV tìm hiểu và tra cứu tài liệu [<http://ptnt.huaf.edu.vn>].

Tại văn phòng thư ký Khoa lưu giữ khung CTĐT bao gồm đề cương chi tiết các học phần trong công tác đào tạo ngành PTNT.

Để nâng cao chất lượng phục vụ, Phòng KH,HTQT&TTTTV đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học, GV và các bên có liên quan về thư viện và các nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.18]. Tại Khoa PTNT, việc khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và người học về mức độ đáp ứng của thư viện và các nguồn học liệu dành cho ngành PTNT được thực hiện thông qua điều tra trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy đã có 56,6% ý kiến đánh giá ở mức rất tốt, 32,1% đánh giá tốt về chất lượng phục vụ của thư viện để đáp ứng cho việc đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành PTNT [H9.09.01.14DC], [H9.09.01.15DC].



Hình 9.2. *Đánh giá, phản hồi của giảng viên và SV ngành PTNT về chất lượng phục vụ của thư viện*

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có thư viện với nguồn tài liệu dồi dào, phong phú để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành PTNT. Hàng năm, thư viện được bổ sung thêm các tài liệu mới do vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV ngành PTNT dễ dàng tiếp cận và sử dụng để phục vụ cho hoạt động đào tạo, học tập và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ bạn đọc về Thư viện chưa được tiến hành đều đặn. Chưa có khảo sát riêng ý kiến phản hồi riêng của GV và SV về mức độ đáp ứng của thư viện.

Nguồn tài liệu điện tử tiếng Việt còn ít, nhất là tài liệu xuất bản 5 năm trở lại.

Công tác liên kết mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan thông tin – Thư viện, các tổ chức quốc tế, các NXB chưa được phát triển mạnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên thực hiện khảo sát ý kiến bạn đọc về công tác thư viện và nguồn học liệu nhằm hỗ trợ tốt hơn các hoạt động đào tạo và NCKH.	Phòng KH,HTQT,TTTV	Từ năm 2021
		Bổ sung nguồn nguồn học liệu dạng bản số để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và SV trong việc tìm kiếm và tham khảo tài liệu.	Khoa PTNT, Phòng KH,HTQT,TTTV	Từ năm 2021
		Cấp quyền truy cập tạp chí chuyên ngành quốc tế nhằm thu thập tài liệu tham khảo cho học tập và nghiên cứu.	Phòng KH,HTQT,TTTV	Năm 2022
2	Phát huy thế mạnh	Tiếp tục cập nhật thường xuyên nguồn tài liệu cho thư viện để hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	Phòng KH,HTQT,TTTV, Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa PTNT luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị truyền thông, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV trong công tác NCKH, CGCN và kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng cho SV khi ra trường, Khoa đáp ứng yêu cầu của các đơn vị sử dụng.

Ngoài các lớp học lý thuyết tại giảng đường, việc học các môn thực hành thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành của Khoa Lâm nghiệp, Khoa Thủy sản, Khoa Cơ khí và Công nghệ, Khoa TNĐ&MTNN, Khoa Nông học, Khoa Chăn nuôi Thú y... Bên cạnh đó, Khoa PTNT trang bị một phòng thực hành truyền thông phát triển trong khuôn viên của Khoa. Phòng thực hành truyền thông phát triển được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, đa dạng với các trang thiết bị được khai thác một cách hiệu quả, phân theo từng học phần và có lịch đăng ký một cách rõ ràng cụ thể [H9.09.03.01], [H9.09.03.02].

Hệ thống máy móc được chú trọng đầu tư nhằm đảm bảo yêu cầu dạy và học cho các học phần của ngành và được phân bổ quản lý một cách phù hợp. Bộ môn PTNT chịu trách nhiệm hướng dẫn quản lý trang thiết bị thực hành quan trắc khí hậu, môi trường phục vụ cho các học phần Khí tượng học, Thích ứng biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên thiên nhiên... và một số môn học của các ngành khác trong trường với các loại máy như máy định vị GPS, máy đo độ pH, máy đo chất lượng nước, ẩm kế, vũ lượng kế,... Bộ môn Khuyến nông quản lý các loại máy ảnh, quay phim, flycam, máy in ảnh.... nhằm phục vụ cho các học phần Truyền thông phát triển, Tổ chức sự kiện truyền thông nông thôn, Thực hành nghề, thao tác nghề, Phương pháp Khuyến nông, Quy hoạch Phát triển nông thôn.... Hàng năm có khoảng từ 200 - 300 lượt SV sử dụng thiết bị thực hành tại phòng và 10 lượt sử dụng thiết bị theo nhóm tại hiện trường [H9.09.02.24DC].

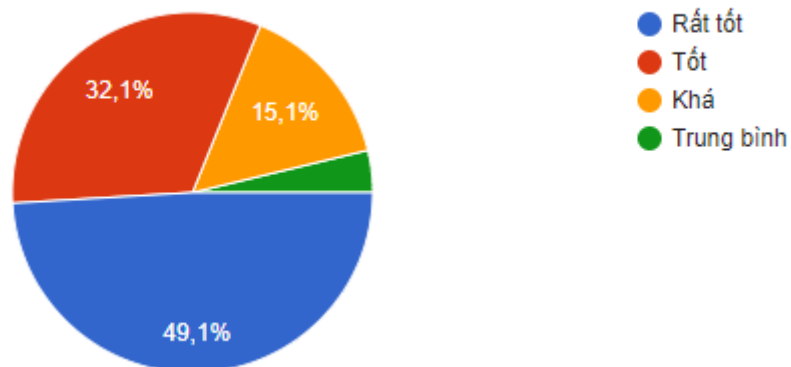
Bảng 9.1 Tổng hợp lượt sử dụng các phòng thực hành – tư liệu

STT	Năm	Phòng Truyền thông – Phát triển	Phòng Tư liệu
1	2021	302	1.650
2	2020	184	1.400
3	2019	204	1.550
4	2018	196	1.520
5	2017	170	920

Bảng 9.2 Lượt đăng ký sử dụng thiết bị thực hành ngoài thực địa

TT	Năm	Lượt	Thiết bị
	2021	10	Máy ảnh, máy quay, flycam, Máy định vị, quan trắc chỉ tiêu môi trường.
	2020	8	
	2019	8	
	2018	8	
	2017	6	

Hàng năm Khoa, các bộ môn luôn khảo sát ý kiến phản hồi của người cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng TN, phòng thực hành và các trang thiết bị. Tỷ lệ GV và SV trên 81% đều đánh giá đáp ứng tốt và rất tốt [H9.09.01.14DC], [H9.09.01.15DC].



Hình 9.3. Kết quả khảo sát cán bộ, GV và SV ngành PTNT về chất lượng phục vụ của các phòng thực hành, thí nghiệm trực thuộc Khoa PTNT

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị TN, Khoa đã thông qua quy định về quản lý khai thác sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo, NCKH và CGCN. Các trang thiết bị luôn được thống kê, báo cáo hàng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Các danh mục trang thiết bị tại phòng TN, phòng thực hành cũng được kiểm kê cụ thể và sửa chữa kịp thời phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H9.09.01.13].

2. Điểm mạnh

Phòng truyền thông phát triển là phòng thực hành duy nhất của Khoa và đã được trang bị phù hợp và thường xuyên bổ sung, nâng cấp các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng nhu cầu thực hành, phục vụ đào tạo, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Khoa không có Phòng thí nghiệm về kỹ thuật nông lâm nghiệp, các học phần liên quan đến kỹ thuật được thực hành ở các Khoa, vẫn còn có các thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời. Phòng truyền thông- phát triển gồm cả thư viện, phòng đọc chưa được bố trí hợp lý để SV thực hành, cơ sở vật chất còn lộn xộn, chưa có kế hoạch hoạt động cụ thể.

Công tác chăm sóc bảo dưỡng trang thiết bị của phòng truyền thông- phát triển ở khoa chưa đi vào nề nếp; chưa lập kế hoạch chăm sóc bảo dưỡng một cách cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát ý kiến GV và SV về chất lượng các trang thiết bị PTN, thực hành ở các khoa.	Phòng TCHC & CSVC phối hợp với các Khoa	Từ năm 2021
		Thay thế các thiết bị thí nghiệm, thực hành đã cũ.	Phòng TCHC & CSVC	Từ năm 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện kế hoạch chăm sóc bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị.	Các khoa phối hợp phòng TCHC & CSVC để triển khai hằng năm.	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Ứng dụng công nghệ thông tin là một trong các yếu tố quan trọng để đem lại hiệu quả trong công tác đào tạo. Qua quá trình phát triển, đến nay Khoa đã có nhiều thiết bị tin học nhằm hỗ trợ hoạt động dạy - học, NCKH [H9.09.01.07].

Hiện nay, Mỗi bộ môn trực thuộc khoa đều được trang bị máy tính để bàn, máy in để phục vụ công tác quản lý [H9.09.01.07].

Tất cả máy tính đều được kết nối mạng thông qua hệ thống mạng internet bằng cáp quang đến tất cả các phòng làm việc và thực hành của khoa với tổng tốc độ của 03 đường truyền là 130Mbps phục vụ 24/24, đảm bảo cho công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lý Bộ phận chuyên trách về quản trị mạng trực thuộc Trung tâm Thông tin-Thư viện có nhiệm vụ đảm bảo hoạt động ổn định hệ thống mạng của Trường [H9.09.04.01].

Khoa đã tin học hóa công tác quản lý thông qua việc sử dụng các phần mềm Hệ thống Tích hợp Thông tin Quản lý Đào tạo (gọi tắt phần mềm Quản lý giáo dục) <http://qlgd.huaf.edu.vn> được cung cấp bởi Trung tâm công nghệ phần mềm – Trường Đại học Cần Thơ với 18 phân hệ: Quản lý Chương trình đào tạo, Quản lý Kế hoạch học tập, Quản lý SV, Quản lý phòng học, Quản lý thời khóa biểu, Đăng ký học phần, Học phí, Quản lý điểm, Học bổng, Quản lý hồ sơ cán bộ, Quản lý nghiên cứu khoa học,... [H9.09.04.03] và các phần mềm online khác phục vụ công tác quản lý điều hành của Trường: phần mềm Tra cứu văn bản <http://vanban.huaf.edu.vn>, phần mềm Thư viện điện tử. Trang thông tin điện tử chính <http://ptnt.huaf.edu.vn/> đã có trên 1.500.000 lượt truy cập. Ngoài ra Khoa còn có các trang thông tin điện tử liên kết với các trang điện tử như: <http://tuyensinh.huaf.edu.vn> (Tuyển sinh), <http://vieclam.huaf.edu.vn> (Việc làm cho SV), <http://cuusinhvien.huaf.edu.vn> (Cựu SV), <http://huaf.edu.vn/diendan> (Diễn đàn SV)... phục vụ công tác thông tin, đào tạo, phục vụ SV.

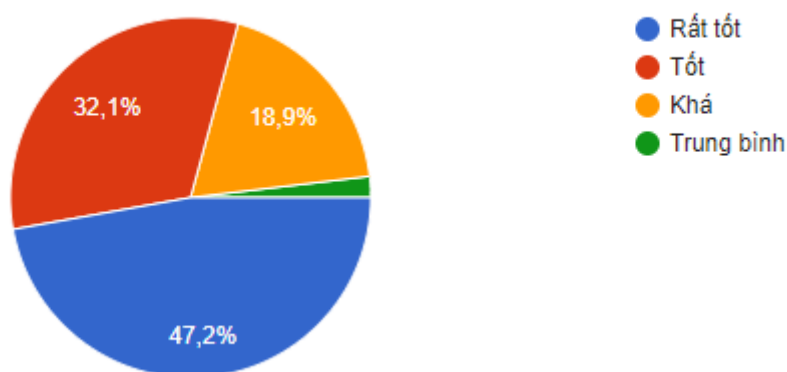
Việc thực hiện các hoạt động liên quan đến quản lý đào tạo và NCKH của Trường ĐHNL, ĐHH nói chung và của ngành PTNT thuộc Khoa PTNT nói riêng đã được Nhà trường tin học hóa thông qua việc sử dụng phần mềm Quản lý giáo dục do Trung tâm công nghệ phần mềm thuộc Trường Đại học Cần Thơ cung cấp. Phần mềm Quản lý giáo dục có 18 phân hệ bao gồm quản lý CTĐT, quản lý kế hoạch học tập, quản lý SV, quản lý phòng học, quản lý thời khóa biểu, đăng ký học phần, quản lý học phí, quản lý điểm, học bổng, quản lý hồ sơ cán bộ, quản lý NCKH,... [H9.09.04.03], [H9.09.04.04], [H9.09.04.05]. Bên cạnh đó, Trường ĐHNL, ĐHH còn có các phần mềm online khác để phục vụ cho công tác quản lý điều hành của Nhà trường cũng như phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và SV ngành PTNT như phần mềm Tra cứu văn bản và phần mềm Thư viện điện tử [H9.09.04.06]. Nhà trường có 4 CB chuyên trách phụ trách vấn đề công nghệ thông tin và trang web. Các CB này đang làm việc tại Trung tâm TTTV trong đó có 2 Thạc sĩ, 1 cử nhân và 1 Kỹ sư.

Các CB này đều có các chứng chỉ bồi dưỡng liên quan đến công nghệ thông tin và quản trị mạng như: quản trị mạng Cisco CCNP, hệ thống Linux, CSDL Oracle; Chứng chỉ nghiệp vụ báo chí điện tử,... Bên cạnh đó, trong số CB, GV của Khoa hiện nay có 4 người có trình độ ThS về tin học và đang phụ trách giảng dạy học phần Tin học cho toàn trường nên đã hỗ trợ tốt cho việc vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Trường nói chung và của Khoa nói riêng.

Khoa PTNT đã lập ra trang thông tin điện tử với địa chỉ <http://ptnt.huaf.edu.vn> để cung cấp các thông tin như các quy định liên quan đến đào tạo của Nhà trường, các văn bản pháp luật liên quan đến ngành PTNT của Nhà nước, CDR của CTĐT ngành PTNT, thông tin về các bài báo đã xuất bản của các CB, GV của Khoa,... Với sự đa dạng và cập nhật thông tin thường xuyên nên trang Web của Khoa đã có rất nhiều lượt truy cập để tìm kiếm thông tin [H9.09.04.07]. Ngoài ra, Khoa còn có các trang thông tin điện tử phụ khác và liên kết với các trang điện tử của Trường như Tuyển sinh, việc làm cho SV, cựu SV nhằm phục vụ công tác thông tin, đào tạo và phục vụ SV [H9.09.04.08].

Ngoài hệ thống mạng nội bộ, Khoa đã được nhà trường hỗ trợ hệ thống mạng không dây (Wifi) phủ sóng các giảng đường A, B, C, D, E, Căn tin, Thư viện, các khoa, phòng giúp cho CBGV và SV tra cứu tài liệu trên mạng bất cứ lúc nào trong ngày trong phạm vi nhà trường để phục vụ giảng dạy và NCKH [H9.09.04.02]. Có 100% lớp học trên giảng đường được trang bị máy chiếu projector tạo điều kiện cho việc dạy và học được trực quan hơn. Hàng năm, nhà trường và Khoa đều có kế hoạch nâng cấp hệ thống CNTT phục vụ công tác học tập, giảng dạy và NCKH [H9.09.04.04].

Kết quả khảo sát bằng phiếu online do Khoa thực hiện vào năm 2021 về mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống công nghệ thông tin đối với hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho thấy trên 79,3% người học và cán bộ đánh giá hài lòng với chất lượng hệ thống CNTT phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu [H9.09.01.14DC], [H9.09.01.15DC].



Hình 9.4. Kết quả khảo sát cán bộ, GV và SV ngành PTNT về chất lượng phục vụ của hệ thống CNTT phục vụ đào tạo, nghiên cứu

2. Điểm mạnh

Các phòng chức năng có đầy đủ máy tính và thiết bị tin học khác. Số máy tính trong trường được kết nối mạng nội bộ và mạng internet chiếm tỷ lệ cao (trên 99%). Có 100% cán bộ GV và SV có tài khoản email theo tên miền của trường và được truy cập internet miễn phí.

3. Tồn tại

Một số công tác quản lý chưa sử dụng phần mềm chuyên dụng như quản lý tài sản, quản lý công văn.

Các máy tính tại phòng máy tính của Thư viện phục vụ bạn đọc tra cứu đã cũ và lạc hậu (đưa vào sử dụng từ năm 2007).

Phòng thư viện trực thuộc khoa chưa có đủ hệ thống máy tính phục vụ cho giảng viên và SV trong việc tra cứu thông tin, tài liệu.

Thiếu thiết bị hỗ trợ dạy học, hội thảo, hội nghị trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật trang thiết bị hỗ trợ dạy học, hội nghị, hội thảo trực tuyến	Phòng TCHC&CSVC	Từ năm 2021
		Tìm kiếm nguồn kinh phí để trang bị máy tính cho Thư viện	Khoa PTNT	Từ năm 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		của Khoa.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện vận hành tốt hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng internet và trang thông tin điện tử của Trường và Khoa	Phòng KH,HTQT,TTTV, Khoa PTNT	Hàng năm
		Tiếp tục mua bổ sung các phần mềm thiết kế đồ họa, quản lý, phân tích dữ liệu để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và SV.	Phòng TCHC&CSVC	Hàng năm, từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa PTNT thuộc Trường ĐHNL, ĐHH nằm trên địa bàn phường Đông Ba, bên cạnh đó SV tạm trú tập trung tại các phường nội thành: Đông Ba, Gia Hội, Tây Lộc, Thuận Hòa là nơi có mật độ dân cư lớn nên tình hình an ninh trật tự khá phức tạp. Các CBNV trong khoa phối hợp với Tổ Bảo vệ trực thuộc Phòng TCHC&CSVC tiến hành công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn tài sản cho CBVC và SV trong Trường. Định kỳ 6 tháng, nhà trường phối hợp tổ chức giao ban định kỳ với Công an các phường nội thành để phối hợp quản lý SV tốt hơn.

Bên cạnh Tổ Bảo vệ, Khoa đã thành lập Ban chỉ huy lực lượng tự vệ, Ban Phòng chống bão lụt, cháy nổ và tìm kiếm cứu nạn, Ban Phòng cháy chữa cháy nhằm thực hiện công tác bảo vệ an ninh chính trị, triển khai công tác phòng chống thiên tai bão lụt và cháy nổ ở Khoa [H9.09.05.01]. Thành viên của các Ban này được tuyển chọn từ các bộ môn trong Khoa. Hàng năm thành viên Ban Phòng cháy chữa cháy, Ban chỉ huy lực lượng tự vệ đều được các cơ quan chức năng đến tập huấn nghiệp vụ.

Khoa thường xuyên thông báo đến các đơn vị trong toàn trường để nhắc nhở công tác giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản của cơ

quan trọng những ngày nghỉ lễ, nghỉ hè, nghỉ Tết [H9.09.05.02]. Khoa luôn luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với nhà Trường và chính quyền địa phương, công an phường và công an thành phố trong việc bảo vệ trật tự trị an, phòng chống cháy nổ. Hằng năm, Khoa luôn cử các cán bộ dự các cuộc họp giao ban của đơn vị chức năng của trường với lực lượng công an phường, công an thành phố để phối hợp công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ và SV [H9.09.05.03]. Vào những ngày lễ, ngày Tết, ngày hè Trường giao nhiệm vụ cho Khoa tăng cường lực lượng bảo vệ, lực lượng tự vệ, phân công lãnh đạo trực chỉ huy, sẵn sàng đối phó mọi tình huống xảy ra [H9.09.05.03]. Từ năm 2015, Trường đã đầu tư hệ thống camera cho Khoa để hỗ trợ công tác giám sát, bảo vệ an ninh, bảo vệ tài sản ở những nơi xung yếu.

Với đặc thù các ngành học của Khoa liên quan đến đi thực địa và sử dụng các loại máy móc trong quá trình học tập nên gần như không có SV khuyết tật tham gia đăng ký học tập ở Khoa.

Về môi trường, Nhà trường và Khoa chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học do vậy hiện nay trong khuôn viên của diện tích trồng cây xanh chiếm hơn 40% diện tích của Nhà trường. Các khu vực giảng đường được bố trí cách đường nhỏ hơn 15m theo đúng quy định. Bên cạnh đó, Trường kí hợp đồng hàng năm với tổ lao công và thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường để đảm bảo các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học.

Để đáp ứng nhu cầu cần chăm sóc sức khỏe của SV, Trường đã bố trí phòng Y tế ngay tại khu giảng đường cụ thể là giảng đường A nên rất thuận tiện cho SV khi có nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Bên cạnh đó, SV của Khoa có thể khám chữa bệnh định kỳ hoặc cấp cứu tại Viện Quân Y 268 hoặc bệnh viện Trường Đại học Y, ĐHH tùy theo địa chỉ đăng ký khám bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế. Ngoài ra, Trường còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ viên chức và người lao động hàng năm để đảm bảo sức khỏe cho CB viên chức và người lao động trong quá trình thực hiện công tác. Kinh phí chi trả việc khám chữa bệnh cho GB, GV được lấy từ ngân sách của Trường và được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHNL, ĐHH.

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các quy định, nội quy giảng đường, nội quy nhà xe, quy định về việc đeo băng tên đối với toàn CB, GV và SV trong toàn Trường. Việc thực các nội quy này cùng với việc thực hiện trực 24/24h của tổ bảo vệ Nhà trường và việc phân công trực lãnh đạo cũng như phân công thêm cán bộ viên

chức trực trong các dịp lễ, tết đã làm cho công tác trật tự, an ninh trong Nhà trường luôn được bảo đảm [H9.09.05.03].

Trong quá trình xây dựng và thực hiện các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn trong Nhà trường, Trường ĐHNH và Khoa PTNT đã có một số lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Cụ thể, tại tầng 1 của giảng đường E, Nhà trường đã bố trí thêm đường đi riêng phù hợp cho người khuyết tật với thiết kế có tay vịn và không có bậc tam cấp. Bên cạnh đó, việc bố trí phòng Y tế ngay tại tầng 1 ở giảng đường A cũng giúp cho người khuyết tật dễ dàng nhìn thấy và tiếp cận sử dụng khi có nhu cầu. Ngoài ra, Nhà trường cũng bố trí phòng đọc của Trung tâm TTTV tại tầng 1 để giúp người khuyết tật dễ dàng hơn trong việc tham khảo tài liệu để phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNH, ĐHH đã thực hiện nhiều hoạt động để đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe cho CB, GV và SV. Công tác giữ gìn trật tự, an toàn, an ninh trong Trường luôn được đảm bảo. Nhà trường đã có một số lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật trong quá trình xác định và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.

3. Tồn tại

Việc trang bị những công cụ hỗ trợ cho nhu cầu của người khuyết tật chưa có sự quan tâm đúng mực. Nhà trường chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Việc bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ viên chức toàn Trường về công tác phòng chống cháy nổ chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Trang bị những công cụ hỗ trợ phù hợp cho nhu cầu của người khuyết tật.	Phòng TCHC&CSVC	Từ năm 2022
		Thực hiện việc khảo sát việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có	Phòng TCHC&CSVC	Từ năm 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.		
		Thường xuyên thực hiện việc nâng cao năng lực phòng chống cháy nổ cho toàn thể cán bộ viên chức và người lao động.	Phòng TCHC&CSVC	Thực hiện hàng năm từ 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động để đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Nhà trường.	Phòng TCHC&CSVC	Thực hiện hàng năm từ 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 9

Cơ sở vật chất, trang thiết bị là yếu tố quyết định chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa và nhà trường. Nhà trường và Khoa đã có nhiều nỗ lực để nâng cao hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động hỗ trợ người học. Hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị của nhà Trường như giảng đường, thư viện, các nguồn tài liệu học tập, phòng thí nghiệm thực hành thực tập được trang bị đầy đủ và ngày càng hiện đại hoá. Giảng đường cũng như nơi làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên ngày càng được mở rộng và chất lượng cơ sở vật chất từng bước được hoàn thiện và nâng cấp đảm bảo môi trường học tập xanh, sạch, đẹp. Tuy nhiên, công tác chăm sóc bảo dưỡng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành ở Khoa chưa đi vào nề nếp. Một số trang thiết bị dạy học nhanh xuống cấp nhưng chậm xử lý như máy chiếu, trang thiết bị thí nghiệm thực hành của SV ảnh hưởng đến giảng dạy và học tập. Một số phòng ở KTX SV đã xuống cấp. Do đó, trong thời gian tới cần tăng cường đầu tư mở rộng và nâng cấp, thay mới thiết bị dạy học ở một số giảng đường, nâng cấp một số phòng ở KTX và trang thiết bị nghiên cứu hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập trong giai đoạn mới.

Tự đánh giá có 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm (9.1, 9.2, 9.3, 9.4) và 1 tiêu chí đạt 4/7 (TC 9.5)

TIÊU CHUẨN 10

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG**Mở đầu**

Là một cơ sở đầu tiên trên cả nước thực hiện việc đào tạo Kỹ sư PTNT theo định hướng tổng hợp. Khoa PTNT rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, SV đang học, cựu SV, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được dùng sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT góp phần nâng cao trình độ đại học ngành PTNT.

Việc thiết kế và phát triển CTĐT ngành PTNT dựa trên cơ sở khung trình độ quốc gia Việt nam (QĐ 1982/QĐ-TTg năm 2016), có sự tham gia của đội ngũ GV, chuyên gia làm ở cơ sở sản xuất, cơ quan quản lý. Theo Quy định và hướng dẫn của ĐHH, CTĐT ngành PTNT được cập nhật điều chỉnh 2 lần. Vì vậy, theo lộ trình điều chỉnh CTĐT ngành PTNT đã được điều chỉnh năm 2010 và năm 2017 [H1.01.01.04DC], [H10.10.01.03], [H10.10.01.04]. Trong các lần cập nhật điều chỉnh CTĐT, Khoa PTNT đều tổ chức với sự tham gia của nhiều bên liên quan để thảo luận, điều chỉnh góp ý sửa đổi CTĐT như sự tham gia của GV giảng dạy, các cơ quan quản lý, các nhà sử dụng SV tốt nghiệp, và cán bộ quản lý các cấp [H5.05.05.04dc]. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của ĐHH, Bộ GD&ĐT và của Nhà trường [H10.10.01.05]. Trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa PTNT đều thực hiện quy trình điều chỉnh đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHH và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan để sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội [H5.05.05.04DC].

Ngoài ra, sau khi khóa học kết thúc, Khoa PTNT phối hợp với Phòng KTĐBCLGD, TT&PC gửi Phiếu lấy ý kiến phản hồi đến: các đơn vị đã, đang và có tiềm năng sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa; cựu SV Khoa PTNT; GV trong CTĐT để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của SV tốt nghiệp do Khoa đào tạo, góp ý kiến xây dựng và điều chỉnh CTĐT [H5.05.05.04DC].

Đối với SV đang học, Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học tập tại Khoa về chất lượng các học phần và hoạt động giảng dạy của GV. Theo quy định của Nhà trường, người học tham gia phản hồi về học phần trước khi kết thúc học phần trong mỗi học kỳ bằng một phiếu hỏi của ĐHH xây dựng. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, mục tiêu, chương trình và nội dung học phần, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất [H10.10.01.09].

Đối với cựu SV, Nhà trường và Khoa chủ trương xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV để có thêm nguồn thu thập phản hồi của cựu SV hiệu quả hơn [H5.05.05.04DC].

Ngoài việc phát bảng hỏi đến giảng viên để thu thập phản hồi trong các lần điều chỉnh CTĐT, Hội đồng khoa học Khoa họp định kỳ mỗi năm 02 lần để góp ý phát triển chương trình [H10.10.01.11].

Từ những nguồn này, Khoa lồng ghép các kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp [H10.10.01.12], từ đó làm cơ sở việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội như sửa đổi chương trình, xác định chuẩn đầu ra. Việc thiết kế và phát triển CTĐT như vậy đã giúp cho SV đáp ứng tốt những đòi hỏi ngày càng cao về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa PTNT đều lấy ý kiến phản hồi về CTĐT bằng cách gửi bảng hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý quý báu của các chuyên gia hàng đầu lĩnh vực nghiên cứu PTNT trong các lần điều chỉnh CTĐT.

Các kênh phản hồi đa dạng: phỏng vấn cá nhân, hội nghị thực tập thực tế, tọa đàm phương pháp học tập, họp Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa, họp các Bộ môn.

Đặc biệt, Khoa có liên kết chặt chẽ với các cơ sở tuyển dụng thường xuyên và cơ sở tuyển dụng tiềm năng vì các cơ sở này phần lớn đều tiếp nhận SV năm thứ 4 của Khoa đến thực tập trong khuôn khổ các học phần thực hành PTNT tại cơ sở. Do đó, việc trao đổi trực tiếp về mức độ phù hợp giữa nội dung đào tạo và yêu cầu thực tế của các cơ sở tuyển dụng địa phương là rất thường xuyên.

3. Tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan của Khoa chủ yếu được thực hiện tại các tỉnh miền Trung. Số lượng ý kiến phản hồi của các nhà đơn vị tuyển dụng lao động và cựu SV chưa nhiều. Bên cạnh đó, còn thiếu các văn bản ký kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Khoa và Nhà trường trong việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV.	Khoa PTNT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Từ năm học 2020-2021, Khoa PTNT chỉ đạo các giảng viên phụ trách học phần thực hành đối với ngành PTNT tại cơ sở, trợ lý khoa học và đào tạo lập danh sách các nhà tuyển dụng, mục tiêu lập các bản ghi nhớ với các cơ sở tuyển dụng về việc phản hồi đối với chất lượng đào tạo của chương trình. Tiếp tục duy trì quan hệ tốt với các bên liên quan để thực hiện thu thập thông tin phản hồi về CTDH và thực hiện một cách có hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan để làm cơ sở điều chỉnh và phát triển CTDH.	Khoa PTNT phối hợp với Phòng ĐT&TCSV	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTĐT trình độ đại học ngành PTNT được điều chỉnh và đánh giá từ các văn bản hướng dẫn và ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Căn cứ vào các CTĐT đại học đã được Bộ GDĐT, ĐHH, căn cứ vào chuẩn đầu ra được ban hành năm 2009 [H10.10.02.01], CTĐT trình độ đại học ngành PTNT được điều chỉnh, cập nhật năm 2017 [H1.01.02.03DC]. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa PTNT thành lập nhóm chuyên gia về CTĐT bao gồm đại diện các BM; GV; cán

bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực PTNT, đại diện đơn vị sử dụng lao động [H1.01.03.17], [H1.01.03.18]. Theo hướng dẫn của ĐHH, nhóm công tác đề xuất chương trình, sau đó Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa PTNT đã thảo luận để thống nhất [H1.01.03.19]. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên, các NCV, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi thẩm định [H10.10.02.06], [H10.10.02.07], [H10.10.02.08]. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của hội đồng cấp Trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản [H1.01.03.26DC] để ĐHH thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTĐT ngành PTNT sau ba lần điều chỉnh vào năm 2011 và năm 2017 và năm 2020.

Vào thời điểm cuối năm học, tất cả các GV cơ hữu tham gia giảng dạy được thực hiện tự đánh giá: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ, nhiệm vụ tham gia công tác quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ theo mẫu phiếu quy định của ĐHNL. Báo cáo tổng hợp kết quả GV tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo [H10.10.02.06].

Sau khi tốt nghiệp, Phòng ĐT&CTSV phối hợp với Khoa thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của cựu SV tốt nghiệp trong vòng 6-12 tháng về CTĐT; về việc làm sau khi ra trường, lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi hàng năm về CTĐT, Nhà trường và Khoa đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu, các chỉ tiêu tuyển sinh cho năm học mới của các ngành trong Trường đối với ĐHH [H10.10.02.06], [H10.10.02.07], H1.01.03.26DC].

Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTĐT trình độ đại học ngành PTNT, Khoa sẽ tiến hành đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra trong việc biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra mới. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính sư phạm, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT [H1.01.03.26DC]. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến của người học về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương

trình đề thường xuyên cải tiến nội dung nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.09].

Việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT có sự đối chiếu từ các CTĐT chuyên ngành PTNT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài [H10.10.02.10]. [H10.10.02.11].

Việc cải tiến CTĐT ngành PTNT được thể hiện rõ trong việc cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết của các học phần. Cụ thể, việc xây dựng, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần được thực hiện theo đúng các bước quy định của Nhà trường. Theo đó, Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng KH&ĐT Khoa và Nhà trường họp thông qua đề cương chi tiết các học phần [H10.10.01.04], [H10.10.01.03], [H10.10.03.01]. Trong đề cương chi tiết của mỗi học phần đã cụ thể hóa được thời gian phân bổ về số tiết lý thuyết, số bài học, số tiết thực hành, thảo luận, báo cáo... và mục tiêu của học phần đó về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm dựa theo CĐR. Bên cạnh đó đề cương chi tiết các học phần còn thể hiện về cách thức tổ chức giảng dạy, học tập và phương pháp, hình thức kiểm tra và thang điểm đánh giá KQHT, tài liệu học tập cũng như thông tin của các GV [H10.10.01.04], [H10.10.01.03].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến CTĐT được thực hiện khoảng 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong ĐHH. Các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia đông đảo của các chuyên gia đầu ngành PTNT, cán bộ quản lý các cấp, GV, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. Hằng năm, Khoa vẫn cho phép được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Tài liệu giáo trình cũng được cập nhật mới theo nội dung khung chương trình hiện hành.

3. Tồn tại

Một số học phần mới đã được điều chỉnh trong đề cương học phần nhưng chưa được cập nhật một cách kịp thời vào bài giảng, hay giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm và kiến thức cho mảng vấn đề như Khởi nghiệp nông thôn, học phần điều chỉnh chưa có lộ trình kịp thời. Vẫn còn ít giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan để SV tham khảo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Khoa PTNT sẽ chỉ đạo các tổ bộ môn, các giáo viên với kế hoạch cụ thể và đề xuất với Nhà trường về biên soạn mới các học phần hiện chưa có bài giảng hoặc cập nhật mới; tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình như Phương pháp tiếp cận khoa học, Kỹ Năng mềm, Phương pháp nghiên cứu nông thôn, Chuỗi giá trị.	Khoa PTNT	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tập hợp tất cả các bài giảng phối hợp với Bộ phận Thông tin thư viện đưa bài giảng lên trang Web của trường. Để bổ sung tài liệu tham khảo, xem xét dịch một số giáo trình bằng tiếng nước ngoài của các trường Đại học nước ngoài cho SV tham khảo nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho SV. Để tăng cường kỹ năng thực hành cho SV, Khoa sẽ định kỳ rà soát và điều chỉnh việc phân bố thời lượng thực hành ở tất cả các học phần.	Khoa PTNT phối hợp với bộ phận TTTV	2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Việc kiểm tra đánh giá KQHT của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng

số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.01], [H10.10.03.02], [H10.10.03.03]. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm [H10.10.03.02], [H10.10.03.03]. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được trình bày chi tiết trong Quy định của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Quy chế đào tạo của ĐHH và Bộ Giáo dục và Đào tạo [H10.10.03.03], [H5.05.03.03].

Sau mỗi học kỳ Khoa kết hợp với BM, đánh giá lại quá trình tổ chức giảng dạy, công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV [H10.10.03.05]. Phòng ĐT&CTSV của Nhà trường đều phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả phản hồi của SV về các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành PTNT đều được gửi về người đứng đầu và giáo viên phụ trách được biết để cải thiện những hạn chế. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và ngay cả người được SV đánh giá cao [H10.10.01.08 DC].

Khoa PTNT thường xuyên tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những GV lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới nhằm đóng góp ý kiến cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV. Việc làm này được tiến hành ở cấp Khoa đối với giáo viên mới hợp đồng giảng dạy và ở cấp bộ môn đối với các học phần khác [H10.10.03.05].

Đối với công tác kiểm tra, đánh giá người kết quả học tập của SV, các phòng chức năng, Khoa PTNT phối hợp với Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC thanh tra kỳ thi bao gồm các giảng viên và cán bộ của Khoa. Các cán bộ này theo sự phân công của Khoa và Trường có nhiệm vụ giám sát việc học tập và thi cử ở tất cả các học phần do Khoa đảm nhận giảng dạy [H10.10.03.06], [H10.10.03.07]. Các hình thức đánh giá và thi cử được thực hiện đúng theo quy định về “Đánh giá kết quả và thực hiện của các kỳ thi cuối khóa” [H10.10.02.09], [H5.03.03.01DC].

Trong quá trình thực hiện công tác CVHT đối với các lớp SV, các CVHT của Khoa đã thực hiện theo dõi, rà soát kết quả học tập của SV theo từng học kỳ để có các tư vấn phù hợp cho SV trong việc đăng ký tín chỉ, điều chỉnh kế hoạch học tập và lựa chọn phương pháp học tập phù hợp theo đúng các quy định về chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập do Trường ĐHNL, ĐHH ban hành.

Công tác tổ chức thi và chấm thi đều được thực hiện theo quy trình từ như sau: Ngân hàng đề thi các học phần được xây dựng và cập nhật thường xuyên hàng năm vào 2 đợt cho 2 học kỳ. Về tổ chức và chấm thi: Trước tiên, bộ phận đào tạo gửi đến các Khoa, BM và giáo viên lịch thi cho toàn trường theo học kỳ. Công tác tổ chức thi được Khoa giao trách nhiệm cho các BM, giáo viên tham gia và đánh giá kết quả (Thi viết hoặc thi vấn đáp). Sau khi học phần thi kết thúc, BM tổ chức chấm thi tại văn phòng BM và phải giao kết quả chậm nhất là 1 tuần sau ngày thi học phần. Công tác nhập điểm trên phần mềm quản lý được bắt đầu theo đúng qui trình giảng viên chấm thi vào nộp điểm cho bộ phận đào tạo của khoa, Trợ lý giáo vụ sẽ nhập điểm vào phần mềm quản lý của Nhà trường [H10.10.03.14].

Về quy trình chấm khóa luận, báo cáo tốt nghiệp gồm các bước như sau: (1) SV và giáo viên được thông báo về kế hoạch nộp Khóa luận tốt nghiệp hay báo cáo tốt nghiệp theo quyết định phân công thực tập tốt nghiệp; (2) phân công giảng viên phản biện cho khóa luận của SV; (3) bộ phận đào tạo của Khoa thu khóa luận tốt nghiệp của SV và gửi đến các giáo viên phản biện, giáo viên hướng dẫn để viết nhận xét về khóa luận của SV, đồng thời yêu cầu các giảng viên hướng dẫn nộp nhận xét về SV thực hiện khóa luận; (4) thành lập hội đồng và các tiểu ban chấm khóa luận tốt nghiệp; (5) bộ phận đào tạo tổng hợp điểm của các khóa luận; (6) Ngay sau đó, trưởng tiểu ban và thư ký các tiểu ban họp để cho ý kiến về điểm và các ý kiến phản biện khóa luận; (7) các tiểu ban tiến hành chấm khóa luận theo kế hoạch tổ chức chung của cả khoa; (8) ngay sau khi các tiểu ban thực hiện xong buổi chấm khóa luận, hội đồng chấm khóa luận họp lại (bao gồm các trưởng tiểu ban và các thư ký tiểu ban) để tổng hợp điểm khóa luận cuối cùng, xem xét toàn cục chất lượng khóa luận của SV và cuối cùng (9) thông báo điểm khóa luận, báo cáo cho SV [H10.10.03.08], [H10.10.03.9].

2. Điểm mạnh

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của ĐHH, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được đồng bộ và chưa được thực hiện một cách có hệ thống, mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa dựa trên các hình thức khác như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, từ chủ nhiệm bộ môn.

Hình thức đánh giá còn đơn điệu chỉ chủ yếu vào phát phiếu nhận xét, có những ý kiến không khách quan đối với SV không hài lòng về giáo viên mang tính cá nhân.

Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận chưa được thực hiện ở tất cả các học phần vì chưa có biện pháp, chế độ chính sách phù hợp nhằm khuyến khích cải tiến công tác kiểm tra, đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện sự đa dạng các đối tượng đánh giá và thực hiện nhiều kênh đánh giá	Khoa PTNT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa PTNT chủ trương quản lý các bài thực hành từng học phần theo BM và, tổ chức chia sẻ kinh nghiệm xây dựng các bài tập, các chuyên đề để rèn luyện kỹ năng pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa. Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung của các bài thực hành, thực tập theo hướng đáp ứng khả	Phòng ĐT&CTSV, Khoa PTNT	Từ năm 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		năng học tập và thị trường lao động. Xây dựng các mối quan hệ với các đối tác, doanh nghiệp, xây dựng các bài thực hành gắn với trại và bài thực hành kết nối thực tiễn.		

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Đào tạo và NCKH là 2 nhiệm vụ hàng đầu của một trường đại học. Hoạt động NCKH có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của ngành PTNT. Kết quả NCKH góp phần bổ sung cơ sở lý luận, củng cố lý thuyết và các số liệu thực tế là minh chứng quan trọng cho những nhận định, tăng tính thuyết phục. Trường ĐHNL, ĐHH đã đưa ra mục tiêu cho hoạt động khoa học và công nghệ là xây dựng Nhà trường trở thành một trung tâm hàng đầu khu vực Miền trung, Tây nguyên và cả nước về đào tạo và nghiên cứu chuyển giao, xây dựng trường theo hướng đại học nghiên cứu. Khoa PTNT là một khoa chuyên môn góp phần thực hiện mục tiêu này.

Khoa PTNT là một trong những Khoa có phong trào nghiên cứu khoa học mạnh của Nhà trường. Hiện nay, Khoa có 2 nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHH. Trong những năm gần đây, Số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước của giảng viên trong Khoa liên tục tăng cao [H10.10.04.14], [H10.10.04.15].

Bảng 10.1. Thống kê số lượng đề tài NCKH được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020

TT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Đề tài cấp Bộ/tỉnh	3	1	3	3	2
2	Đề tài cấp ĐHH	1	1	1	2	2
3	Đề tài cấp trường	5	5	6	5	7

4	Đề tài SV	12	6	4	6	5
5	Đề tài liên kết, HTQT và đề tài khác	3	3	4	5	2
	Tổng	24	16	18	21	18

Nguồn: Nguồn: Khoa Phát triển nông thôn

Các đề tài NCKH của Khoa được thực hiện từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau, đặc biệt là nguồn kinh phí NCKH được phân bổ từ ngân sách của Nhà trường, ngân sách của ĐHH hàng năm. Chủ đề của các đề tài nghiên cứu khoa học này tập trung theo lĩnh vực chuyên môn đang phụ trách giảng dạy. Tổng số hoạt động KHCN do CB, GV và SV của Khoa thực hiện giai đoạn 2016 - 2020 là 97 đề tài, trong đó 5 đề tài đề tài cấp Bộ, Tỉnh, 7 đề tài cấp ĐHH là, 28 đề tài cấp cơ sở, 17 đề tài khoa học liên kết, HTQT và đề tài khác và 33 đề tài SV. Các đề tài NCKH tập trung vào các vấn đề như đánh giá các hoạt động sinh kế của nông dân, thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu trong nông nghiệp, chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp và chính sách nông nghiệp,.. Các đề tài nghiên cứu khoa học trong Khoa có xu hướng ứng dụng rất cao và đã đóng góp đáng kể vào công tác giảng dạy và học tập [H10.10.04.12], [H10.10.04.07], [H10.10.04.08], [H10.10.04.17], [H10.10.04.10]. Danh sách một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên và học tập của SV:

Bảng 10.2. Một số đề tài tiêu biểu được ứng dụng trong đào tạo

stt	Tên đề tài	Cấp quản lý	Năm nghiệm thu	Lĩnh vực ứng dụng/học phần
01	Xây dựng mô hình sản xuất và cung ứng rau theo nhu cầu thị trường ở địa bàn Thừa Thiên Huế	Cấp bộ	2012	Kinh doanh nông nghiệp
02	Nghiên cứu đặc điểm và liên kết trong chuỗi giá trị sản ở Thừa Thiên Huế.	Cấp ĐHH	2012	Tổ chức sản xuất
03	Vai trò cộng đồng trong giám sát đầu tư công ở Thừa Thiên Huế.	Cấp ĐHH	2015	Quản lý dự án
04	Thực trạng lao động trẻ em vị thành niên tại cộng đồng nghèo – tái định cư, Phường Hương Sơ, TP Huế.	Cấp trường	2015	Công tác xã hội

05	Thích ứng của nông hộ trong sản xuất nông nghiệp ở vùng ven biển Thừa Thiên Huế.	Cấp ĐHH	2106	Biến đổi khí hậu
05	Nhu cầu và tiếp cận thông tin nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng trong thực tiễn ở địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	Cấp Trường	2016	Kinh doanh nông nghiệp
06	Tìm hiểu các mô hình liên kết có tiềm năng trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế	Cấp trường	2017	Hệ thống nông nghiệp
07	Nghiên cứu ảnh hưởng của chính sách giảm khai thác bằng nghề Lừ (Trung Quốc) đến đời sống của ngư dân di động vùng đầm Cầu Hai, TT Huế	Cấp trường	2017	Chính sách , quản lý tài nguyên
08	Sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện tiêu chí giao thông phục vụ nông thôn mới tại xã Quảng An, TT Huế	Cấp trường	2017	Phát triển nông thôn
9	Thực trạng hoạt động nuôi Hàu nuôi thương phẩm tại đầm Lăng Cô, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Cấp trường	2017	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản
10	Nghiên cứu chuỗi giá trị Ném trong tái cơ cấu nông nghiệp vùng cát Thừa Thiên Huế	Cấp ĐHH	2018-2019	Chuỗi giá trị Chính sách phát triển
11	Nghiên cứu thực trạng và hiệu quả của sản xuất lúa hữu cơ trên địa bàn Thừa Thiên Huế	Cấp ĐHH	2019-2020	Kỹ thuật trồng trọt

Nguồn: Khoa Phát triển nông thôn

Mục tiêu của Khoa PTNT cũng như của Nhà trường là: NCKH phải gắn liền với công tác đào tạo. Khoa rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, do vậy trong tất cả các đề tài nghiên cứu khoa học nêu trên đều có sự tham gia rất tích cực của SV. Thậm chí là có những bài báo đăng trên các tạp chí giả là GV, học viên cao học hay SV. Hội đồng Khoa học và ĐT của Khoa đưa ra qui

định về các đề tài từ cấp trường trọng điểm trở nên phải được chia sẻ/seminar kết quả nghiên cứu trước Khoa. Ngoài ra, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài khóa luận của SV cũng chính là các nhánh nhỏ trong các đề tài nghiên cứu, các dự án lớn của giảng viên [H10.10.04.02], [H10.10.04.04], [H10.10.04.18].

Trong giai đoạn 2016 - 2021, hoạt động xuất bản khoa học cũng được Khoa rất quan tâm, khuyến khích cán bộ, GV chú trọng đầu tư. Nhờ vậy, số bài báo của Khoa giai đoạn này được xuất bản khá lớn, đặc biệt là số bài báo được xuất bản ở các tạp chí quốc tế uy tín. Tổng số bài báo trên các tạp chí, chuyên san của Khoa giai đoạn 2016 - 2021 là 113 bài, trong đó có 46 bài báo quốc tế ở các tạp chí uy tín, 50 bài báo trong nước được đăng trong các tạp chí thuộc HĐCDGSNN [H10.10.04.14], [H10.10.04.15].

Bảng 10.3. Thống kê số bài báo đã xuất bản trong giai đoạn 2016-2021

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Tạp chí khoa học quốc tế	5	7	6	8	10	10
2	Tạp chí trong nước trong danh mục HDCDNN	3	10	17	1	6	13
3	Tập san	0	2	2	4	4	5
4	Tổng	8	17	25	13	21	28

Nguồn: Khoa Phát triển nông thôn

2. Điểm mạnh

Khoa đã có phong trào nghiên cứu khoa học tương đối mạnh và đặc thù, huy động được sự tham gia của tất cả các giảng viên trong Khoa cũng như các em SV. Các đề tài đều gắn liền với việc đào tạo NCS, ThS và đại học.

Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước khá cao. Tính bình quân trên mỗi giảng viên cũng như so với tiêu

chuẩn quy định của trường, số lượng các công trình này có xu hướng tăng qua các năm.

Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV. Thông qua việc được tham gia nghiên cứu khoa học cùng các giảng viên, SV đã có kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế. Điều này giúp ích rất nhiều cho SV khi ra trường có thể hòa nhập ngay với thị trường lao động.

3. Tồn tại

Chưa có nhiều đề tài tập trung nghiên cứu về mảng đào tạo, dự báo nhu cầu nhân lực, thị trường để giúp Khoa xây dựng các chương trình đào tạo, xây dựng nội dung thực hành, thực tập. Các giảng viên Khoa Phát triển nông thôn chưa có nhiều các bài tham luận ở các hội thảo trong nước và quốc tế, nhất là chưa có sự tham gia của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Khi xây dựng triển khai đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường lưu ý trong việc gắn kết các nghiên cứu với chương trình đào tạo, hoàn thiện qui trình đào tạo, thực hành thực tập bài 1,2 và 3 hay nghiên cứu về thị trường lao động.	Khoa PTNT, GV	2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Trong giai đoạn 2017-2020, Khoa PTNT đã và đang thực hiện các đề tài Nafosted, và có 2 nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHH phê duyệt, và 1 nhóm cấp trường. Ngoài ra còn hình thành 2 nhóm nghiên cứu theo chuyên đề, nhiệm vụ của 2 nhóm nghiên cứu này là tư vấn cho Khoa để xây dựng được ít nhất là một đề tài cấp Bộ và cấp tỉnh	Khoa PTNT, GV	2020-2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		gắn liền với việc tư vấn chính sách về phát triển nông thôn và cải thiện sinh kế cho cộng đồng. Thông qua đó, việc tiến hành đề tài cũng như cũng kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là những đóng góp trực tiếp và hiệu quả cho công tác đào tạo của Khoa và Nhà trường. Khuyến khích, đẩy mạnh việc tìm các nguồn lực tài trợ (đề tài Quốc tế, cấp Bộ, Cấp tỉnh, nhà nước, đề tài Quỹ Khoa học và Công nghệ Quốc gia - Nafosted, ...)		

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.5. *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến*

1. Mô tả

Một cách tổng quan, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa PTNT đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng.

Kết thúc mỗi năm học, Phòng ĐT&CTSV phối hợp với Khoa tiến hành tổ chức đối thoại SV, lấy ý kiến phản hồi của người học về các học phần, hoạt động liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá và cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập các học phần trong CTĐT trình độ đại học Ngành PTNT đều được lấy ý kiến theo biểu mẫu chung [H10.10.01.08 DC], [H10.10.03.02]. Theo đánh giá chung, SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc học. Điều này cho thấy sự cần thiết trong việc cải tiến, nâng cấp chất lượng các phòng học lý thuyết, thực hành cũng như các phòng tự học cho SV. Từ kết quả này, Phòng TCHC & CSVC và Bộ phận thông tin thư viện đều đưa ra những giải pháp cải tiến cụ thể đối với các phòng học, phòng thực hành... Kế hoạch cải

tiền sẽ được thực hiện định kỳ vào thời gian nghỉ hè trong năm hoặc công ty chuyên bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị tin học, máy chiếu, micro... sửa chữa kịp thời ngay khi có đề nghị từ phía Khoa và Nhà trường (ví dụ: quạt điện, máy chiếu, nhà vệ sinh) [H10.10.05.01], [H10.10.05.02], [H10.10.05.03], [H10.10.05.04], [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.07].

Hỗ trợ công nghệ thông tin cho GV thực hiện nhiệm vụ cũng được Nhà trường quan tâm. Nhà trường có hệ thống mạng Internet dùng chung cho toàn trường. Hệ thống này được trang bị rộng khắp khuôn viên trường, thư viện và trong kí túc xá, bao gồm cả mạng không dây (Wifi) và mạng có dây (cable). Tất cả các biểu mẫu, quy chế, chương trình làm việc đều được giảng viên tiếp nhận kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau thông qua email, điện thoại, trên website của Nhà trường.

Phần mềm quản lý giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Phần mềm đã cung cấp lịch dạy và học cho GV và SV một cách kịp thời. Các trợ lý khoa, giáo viên được cấp tài khoản riêng truy cập vào hệ thống để thực hiện các chức năng chuyên trách. Tại thư viện, tài liệu được số hóa để bảo quản, nguồn học liệu được quản lý bằng phần mềm. Số lượng đầu sách, tài liệu tham khảo, giáo trình từ năm 2017 bắt đầu có tăng thêm.

Nhìn chung, các thiết bị đều được khai thác, sử dụng tối đa công suất. Trong quá trình sử dụng, phần lớn GV, SV hài lòng về chất lượng của trang thiết bị [H10.10.05.01], [H10.10.05.02]. Các thiết bị này được bảo quản, sử dụng, thanh lý và thay thế máy mới theo quy định của Bộ Tài chính. Hàng năm, Trường có thành lập tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H10.10.05.03].

Về phía Khoa, để phát huy vai trò của CVHT, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở các CVHT duy trì đều đặn lịch sinh hoạt với SV mỗi tháng 1 lần. Nắm bắt tâm tư nguyện vọng và phổ biến chủ trương của trường, kết nối giữa các thông tin doanh nghiệp.

Bên cạnh những đánh giá của SV định kỳ theo năm học hoặc theo các học kỳ, trong các lần kiểm định chất lượng giáo dục cấp trường, nhà trường cũng tổ chức lấy ý kiến đánh giá định kỳ của giảng viên về chất lượng giáo dục. GV Khoa PTNT cũng tham gia đánh giá toàn diện các khía cạnh [H10.10.05.01].

Theo số liệu đánh giá mới nhất về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy và học tập, trên thang đánh giá được xây dựng từ 1 – rất không đồng ý đến 5 – rất đồng ý, kết quả ở bảng 10.4 và bảng 10.5 cho thấy ý kiến của SV và GV. [H10.10.05.01]. Cụ thể như sau:

Bảng 10.4. Đánh giá của SV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập

TT	Các tiêu chí	Điểm trung bình
1	Giảng đường/ phòng học đáp ứng yêu cầu giảng dạy và	3,70
2	Trang thiết bị tại giảng đường (phương tiện nghe nhìn, các ứng dụng tiện ích internet...)	3,70
3	Nhà trường có đủ phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/trang trại cho các giờ thực hành, thực tập.	3,69
4	Phần mềm đào tạo tin chỉ rất dễ dàng và hiệu quả.	3,84
5	Sổ tay SV cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo, môn học và cách đăng ký, hủy học phần.	4,06
6	SV dễ dàng nhận được các văn bản về học bổng, học phí, các chế độ chính sách.	3,50
7	Thư viện có nhiều đầu sách phong phú.	3,65

(Nguồn: Số liệu điều tra Trường ĐHNL năm 2019)

Bảng 10.5. Đánh giá của giảng viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị

STT	Các tiêu chí	Điểm trung bình
1	Phòng học đã được trang bị đầy đủ thiết bị phương tiện cho dạy học và sinh hoạt lớp	3,20
2	Thầy cô đã được trang bị đầy đủ sổ tay CVHT, sổ tay SV và các tài liệu liên quan khác.	3,62
3	Thầy cô được hỗ trợ về công nghệ thông tin (máy tính để bàn, phần mềm, các thiết bị hỗ trợ khác...)	2,32

4	Hệ thống thông tin lúc nào cũng sẵn sàng để thầy cô sử dụng cho công tác CVHT.	3,44
5	Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường dễ dàng cho CVHT sử dụng.	3,19
6	Nhìn chung, cơ sở vật chất và bộ công cụ của Nhà trường tương đối đầy đủ cho công tác CVHT	3,44

(Nguồn: Số liệu điều tra Trường ĐHNL, 2019)

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở phân tích các kết quả đánh giá của SV và giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, có thể rút ra một số điểm mạnh sau:

Các giảng đường được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, ánh sáng, v.v... Đối với các lớp học chuyên ngành đòi hỏi thực hành, GV và SV được sử dụng những giảng đường được thiết kế thuận tiện cho việc thực hành (thiết kế bàn ghế, không gian, v.v...). Nhà trường đã lắng nghe ý kiến phản hồi của SV và những khiếm khuyết đã dần được cải thiện về cơ sở vật chất giảng đường phục vụ cho giảng dạy.

Khoa đã hỗ trợ SV và giáo viên trong việc sử dụng các trang thiết bị phòng ốc để phục vụ cho công tác giảng dạy, sinh hoạt và các hoạt động phong trào khác. Như vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

3. Tồn tại

Về giảng đường, đôi khi vẫn có sự cố trong giảng đường liên quan đến máy chiếu gây khó khăn cho giảng viên và SV trong quá trình học.

Về tư liệu, dù có thư viện trường cũng như Phòng tư liệu của Khoa phục vụ cho SV nhưng thực tế các tài liệu liên quan đến phát triển nông thôn hiện nay chưa có nhiều và thực sự được cập nhật với xu hướng phát triển ngành học trên thế giới.

Về hoạt động hỗ trợ khác: Công việc cố vấn học tập chưa được thực hiện tốt nên nhiều SV gặp khó khăn trong cuộc sống thiếu sự tư vấn, phân vân về

nghề nghiệp nên bỏ học việc đăng ký học phần và lập kế hoạch học tập cá nhân cho cả 4 năm học. Vì vậy, có một tỷ lệ nhỏ SV không hoàn thành được tiến độ học tập trong 4 năm.

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường thường xuyên khảo sát, rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt. Xây dựng mới giảng đường D, nâng cấp chất lượng giảng đường dãy T.	Khoa PTNT	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Về tư liệu, các cán bộ của khoa có cơ hội học tập, tham dự hội thảo ở nước ngoài sẽ tăng cường việc giới thiệu nguồn tài liệu mới để khoa cập nhật, huy động sự đóng góp chia sẻ tư liệu từ GV cho Phòng tư liệu của Khoa. Có kế hoạch hàng năm mua bổ sung những danh mục tạp chí chuyên ngành như tạp chí về phát triển nông thôn, tạp chí kinh tế và mua quyền tiếp cận các tài liệu quốc tế về các tạp chí tiên tiến tạo điều kiện cho giảng viên và SV cập nhật các tài liệu, nghiên cứu mới trên thế giới. Đề nghị Nhà trường mua một số cơ sở dữ liệu (database) tiên tiến	Khoa PTNT	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		tạo điều kiện cho GV và SV cập nhật các tài liệu, nghiên cứu mới		

Đề phát huy thể mạnh: 1. Tự đánh giá:5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Phòng ĐT&CTSV, Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị tư vấn về công tác quản lý SV. Hiện nay, Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTĐT thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01]. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Để hoạt động có chất lượng, trong quá trình đánh giá chất lượng CTĐT ngành PTNT, Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT định kỳ [H10.10.06.02], [H10.10.06.03].

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành PTNT, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh chuẩn đầu ra... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất [H5.05.05.04DC].

Định kỳ hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng phối hợp với Khoa thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường. Hiện nay, theo quy định và hướng dẫn của Nhà trường, Khoa PTNT phải thực hiện hoạt động tự đánh giá 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ;

nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn [H10.10.02.09]. Ngoài ra, Khoa PTNT phối hợp với Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC thực hiện hoạt động lấy ý kiến của người học về học phần, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.02.09], [H10.10.05.2].

Ngoài ra hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về CTĐT được thực hiện 01 lần/năm. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học Ngành PTNT [H5.05.05.04DC].

Năm 2017, Khoa đã tổ chức Hội nghị về đào tạo gắn với nhu cầu xã hội. Trong Hội nghị này, đại diện các cơ sở thực tập tiếp nhận SV thực tập tốt nghiệp của Khoa PTNT tiếp nhận SV đang học tại Khoa đã nêu các ý kiến và trao đổi trực tiếp với cán bộ và SV Khoa PTNT về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H10.10.06.06].

Khoa PTNT đã liên kết với một số doanh nghiệp trong việc hợp tác để SV về thực tập và để kết nối việc làm đồng thời xin ý kiến đánh giá về năng lực, kỹ năng của SV, xin ý kiến về chất lượng của CTĐT thông qua việc thực hành của SV, sau mỗi kỳ hợp tác, Khoa và doanh nghiệp tiến hành đánh giá kết quả thực tập của SV về mức độ hoàn thành công việc và đặc biệt là những khoảng trống về kiến thức và kỹ năng SV còn hạn chế để từ đó đưa vào chương trình cải tiến học phần [H10.10.06.10].

2. Điểm mạnh

Khoa được hưởng lợi từ những cơ sở vật chất của trường nên việc đáp ứng cho SV về phòng học, điều kiện học có thể xem là tốt.

Khoa có phòng đọc riêng với nhiều tư liệu có thể đáp ứng cho SV ở các ngành khác nhau. Thư viện có sự đa dạng về sách, từ các sách tiếng Việt đến sách tiếng Anh. Thư viện thường xuyên được bổ sung các đầu sách mới của các tác giả nước ngoài, trong nước, các sách chuyên khảo cũng như giáo trình của các thầy cô trong khoa và các công trình nghiên cứu của học viên cao học cũng như SV của khoa.

3. Tồn tại

Chưa có sự đánh giá đầy đủ của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu SV về cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo.

Chưa tổ chức thường xuyên phát phiếu khảo sát riêng sự phản hồi của các Doanh nghiệp sử dụng lao động về SV sau khi ra trường mà chỉ thông qua các diễn đàn chung.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức tọa đàm, trao đổi nhóm giữa Khoa với nhà tuyển dụng và cựu SV để có những thay đổi trong khả năng về cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và học tập.	Khoa PTNT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện khảo sát chất lượng CTĐT tại các cơ sở thực tập, thực tế nghề nghiệp của SV và các doanh nghiệp sử dụng lao động. Tiếp tục duy trì hoạt động mở cửa phòng đọc của Khoa. Mỗi GV nên đề xuất với Khoa, Nhà trường bổ sung các đầu sách mới xuất bản cho SV tham khảo	Khoa PTNT	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Các GV và SV của Khoa đã thực hiện nhiều đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học của CTĐT ngành PTNT. Các kết quả NCKH đã được sử dụng để cải tiến việc dạy và học của CTĐT. Nhà trường có nhiều dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để tạo thuận lợi cho SV thực hiện tốt hoạt động học tập, nghiên cứu và các hoạt động khác.

Nhà trường và Khoa PTNT đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình: (i) xây dựng chương trình trên cơ sở

so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường đại học có đào tạo về PTNT; (ii) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu SV và SV làm cơ sở để chỉnh sửa lại chương trình; (iii) hàng năm việc cập nhật các học phần mới còn có hạn chế; (iv) thường xuyên ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học của các cán bộ trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Nhà trường; Công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; Các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo chuẩn đầu ra.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung, đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Một số tồn tại cần khắc phục trong lộ trình cải tiến chất lượng đào tạo trong thời gian tới như: (i) cần chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các giảng viên về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ; (ii) thúc đẩy việc biên soạn bài giảng, giáo trình; (iii) rà soát lại để bổ sung phần thực hành của một số môn học còn nặng về lý thuyết; (iv) tìm kiếm và thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo; (v) đề nghị Nhà trường mua một số tài liệu học tập, xây dựng cơ sở dữ liệu về bài giảng giáo trình tiên tiến tạo điều kiện cho giảng viên và SV cập nhật các tài liệu, nghiên cứu mới trên thế giới; (vi) đề nghị nhà trường tự liệu hóa tất cả các sản phẩm khoa học từ các ngành, các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các báo cáo khoa học học để SV và mọi người biết được phục vụ vào việc học tập và nghiên cứu (vii) tổ chức và thực hiện tốt hơn các loại hình hỗ trợ SV.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí: 5/7

TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Hằng năm, Khoa PTNT đã thực hiện việc giám sát CĐR, tổ chức tổng kết tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV giỏi, khá, trung bình, yếu và kém, thời gian hoàn thành chương trình, tỉ lệ SV thôi học, số lượng SV tốt nghiệp tìm được việc làm cũng được cập nhật thông qua kết nối chặt chẽ với cựu SV.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ của Khoa PTNT và Phòng KH, HTQT, TTTV đảm bảo phù hợp với CĐR của ngành PTNT, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường được lên kế hoạch hằng năm và được khuyến khích SV thực hiện.

Nhà trường và Khoa PTNT đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Là đơn vị thuộc sự quản lý của ĐHH, Trường ĐHNL luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh. Từ năm 2014 trở về trước, cũng như các trường Đại học trong cả nước, Trường ĐHNL, ĐHH thực hiện tuyển sinh hệ chính quy với các đối tượng là những người đã hoàn hành chương trình học phổ thông, có điểm thi tuyển 3 môn theo khối thi tuyển sinh vào ngành PTNT (gồm: A, A1, C, D1) và theo tổ hợp hiện hành (gồm: C00, D01, C04 và D15) theo đề án mở ngành và quyết định điều chỉnh theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHH . [H11.11.01.01]

Từ năm 2015, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học [H11.11.01.02]. Nhà trường đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy. Theo đúng tin thần của đề án, hàng năm các thông tin về tuyển sinh của Nhà trường bao gồm: khối thi, chỉ tiêu

tuyển sinh các ngành trong đó có ngành PTNT được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong cuốn những điều cần biết về tuyển sinh đại học các năm. [H11.11.01.03]

Khi xét tuyển thì các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt.

Trước năm 2015, các thí sinh trúng tuyển vào Trường là những thí sinh có điểm tổng 3 môn thi theo khối lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển chung của cả Trường sẽ được gọi nhập học. Sau khi nhập học, SV có quyền lựa chọn ngành học theo sở thích của mình. Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã áp dụng triệt để tuyển sinh theo ngành, tất cả các thông tin đều được công bố công khai. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được phòng ĐT&CTSV tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh.

Bảng 11.1 Tổng số người đăng ký dự tuyển vào ngành PTNT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số trúng tuyển (người)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm trúng tuyển đầu vào / thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển
2015 – 2016	200	169	148	17.0	17.93
2016 – 2017	170	205	107	16.0	16.5
2017 - 2018	170	421	159	15.5	18.79
2018 - 2019	75	162	45	14	14.87
2019 - 2020	60	98	31	15	15.14

Nguồn: Tổng hợp số liệu, năm 2021

Riêng đối với các trường hợp đào tạo theo địa chỉ hoặc đào tạo theo yêu cầu của địa phương như hệ cử tuyển thì quy trình tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Đối với ngành PTNT , người học sẽ phải hoàn thành 126 tín chỉ. [H11.11.01.04]. Mỗi tín chỉ được tính quy đổi bằng 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thảo luận hoặc bài tập [H1.01.01.16DC] trong 4 năm (8 học kỳ) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 8 năm. Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp SV không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. SV được Nhà trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 5,5 trở lên theo thang điểm 10 [H1.01.01.16DC]. Hàng năm số liệu tỷ lệ SV các khóa thi qua vòng đầu, tỷ lệ SV thôi học được thống kê trong báo cáo tổng kết năm học của Khoa, Nhà trường [H10.10.01.12DC], [H10.10.01.12DC], [H11.11.01.06] H11.11.01.07], H11.11.01.08], H11.11.01.09]

Theo thiết kế của CTĐT ngành PTNT , khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành PTNT không vượt quá 21 tín chỉ [H11.11.01.04]. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời gian đào tạo). SV được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ [H1.01.01.16dc]. Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo, website quản lý đào tạo, website thông tin đào tạo, cung cấp tài khoản cho người học, thành lập Hội đồng đánh giá và các quyết định về công tác rèn luyện SV, hội đồng và các quyết định về công tác CVHT (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học), quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học. [H1.01.01.16dc]

Bên cạnh đó, các GV, các bộ môn, Khoa PTNT, Nhà trường luôn có kế hoạch và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập, khuyến khích tinh thần học tập của SV như tổ chức giới thiệu ngành nghề, trao học bổng (cựu SV),...

Theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, một số SV bị buộc thôi học khi thuộc một trong những trường hợp sau: [H1.01.01.16dc]

- Không đăng ký học tập.
- Không đóng học phí.
- Bị cảnh cáo học vụ KQHT 3 lần liên tiếp.

Bảng 11.2. Thống kê tỉ lệ người học tốt nghiệp và thôi học

TT	Năm học	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn	Số người học thôi học trong thời gian			
			Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư
1	2015-2016 (K46)	82/98(	2	3	5	3
2	2016-2017 (K47)	92/94 (	1	29	5	1
3	2017-2018 (K48)	78/79(	22	5	1	0
4	2018-2019 (K49)	79/141(	13	3	13	2
5	2019-2020 (K50)	61/107(	1	7	11	7

Nguồn: Tổng hợp số liệu, 2021

Kết quả thống kê cho thấy, số lượng SV bị buộc thôi học do KQHT yếu và bị cảnh báo học tập của SV trong Khoa tương đối thấp [H10.10.01.12DC], [H11.11.01.06]. Các trường hợp còn lại cũng không nhiều. Đây cũng là đặc điểm chung của tất cả các ngành đào tạo trong Nhà trường, Khoa PTNT với lượng SV đông có tỷ lệ bị buộc thôi học vì kết quả học tập thấp là do hệ thống CVHT, các Bộ môn, các Khoa và Nhà trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của từng SV và có những giải pháp cho phù hợp như: gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn làm rõ thêm, tháo gỡ những khó khăn trong học tập của cả tập thể lớp SV. Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn thiết kế đối với ngành PTNT là khá cao (97,8% với khóa 47; 83,6% với khóa 46; 94% với khóa 45); số còn lại không được công nhận tốt nghiệp theo thời gian thiết kế chủ yếu

là do chứng chỉ giáo dục thể chất hoặc giáo dục quốc phòng, chứng chỉ ngoại ngữ [H1.01.01.16DC].

Kết quả khảo sát cho thấy, SV Khoa PTNT nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp (tỷ lệ trên 45% có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp và sau 1 năm trên 80%) [H11.11.01.10] [H11.11.01.11], [H11.11.01.12], [H11.11.01.13]

2. Điểm mạnh

Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành PTNT trong khoa được phân chia theo tỷ lệ khối dự thi và công khai về số lượng trên cơ sở các nhu cầu về nguồn nhân lực và của người học giúp cho thí sinh thuận lợi trong việc lựa chọn chuyên ngành đào tạo phù hợp.

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong cuốn sổ tay SV về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường, Khoa PTNT giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV nói chung và SV ngành PTNT nói riêng.

Khoa PTNT, ngành PTNT với số lượng SV đông đảo nhưng tỷ lệ SV bị buộc thôi học khá thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn nhiều là do có sự giám sát chặt chẽ của Nhà trường, Khoa và các Bộ môn chuyên ngành. Thông qua ý kiến phản hồi của cựu SV về tình hình việc làm sau tốt nghiệp để Khoa có hướng thay đổi, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Tồn tại

Thực hiện chủ trương của Bộ GDĐT, hình thức xét tuyển Trường ĐHNT, ĐHH căn cứ kết quả dự thi Trung học phổ thông quốc gia được áp dụng từ năm 2015 – 2016 và liên tục điều chỉnh đã gây khó khăn về cơ sở dữ liệu thống kê trong công tác dự báo tuyển sinh của Nhà trường và Khoa theo hình thức mới.

Mặc dù phần mềm đào tạo đã hỗ trợ cho công tác quản lý, tuy nhiên việc đổi mới hình thức quản lý đào tạo kéo theo phần mềm không kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo.

Công tác giám sát KQHT của người học của CVHT vẫn chưa đồng bộ, Nhà trường và Khoa chưa thực hiện việc giám sát tình hình của SV bỏ học

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV. Tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học.	Khoa PTNT	Hàng năm, từ 2021
		Tiếp tục đầu tư và nâng cấp hệ thống mạng đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng để quản lý KQHT và hoạt động đào tạo	Trường	Theo định kỳ
		Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn	Khoa PTNT	Hàng năm, từ 2021
		Giám sát và lưu trữ thông tin đối với SV bỏ học, tìm ra nguyên nhân để cải tiến kịp thời	Phòng ĐT & CTSV Khoa PTNT	Hàng năm, từ 2021
	Phát huy điểm mạnh	Tổng kết và đánh giá kết quả hàng năm	Khoa PTNT	Tiếp tục thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Từ năm học 2007 - 2008 Nhà trường áp dụng đào tạo theo tín chỉ. Quá trình tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp được quy định rõ ràng, công bố cho SV trong các văn bản quy định của Nhà trường. Trong đó có các điều kiện để có thể học vượt hoặc kéo dài như số tín chỉ tối đa và tối thiểu trong kỳ học được quy định, thời gian học là 4 năm học. [H2.02.03.06DC]

Hàng năm, trong hội nghị giao ban đào tạo, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ của Khoa, Nhà trường đều có những thống kê về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp. Đây cũng là cơ sở để Nhà trường, Khoa PTNT đưa ra những giải pháp cải thiện chất lượng. [H10.10.01.12dc], [H11.11.01.08DC], [H11.11.01.09DC], [H11.11.01.10DC], [H11.11.02.06]

2. Điểm mạnh

Trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ. Khoa PTNT và CVHT hỗ trợ kịp thời cho SV, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại

Do đặc thù trường kỹ thuật nên một số SV còn gặp khó khăn khi học những môn Khoa cơ bản. Do đó SV bị nợ môn và do đặc thù chương trình nên đăng ký học nâng điểm, trả nợ học phần phải qua nhiều bước đặc biệt đối với những học phần chuyên ngành có tính đặc thù.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác cố vấn học tập hỗ trợ sâu sát giúp SV lập kế hoạch học tập cụ thể nhằm giải quyết những học phần còn đang nợ môn, nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn	Khoa PTNT	Hàng năm, từ 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Phối hợp với phòng đào tạo, tổ chức thêm các lớp chung, riêng để đạt chuẩn đầu ra.	Trường ĐHNL	Hàng năm, từ 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu CĐR được Nhà trường xây dựng 2016 chính là cam kết của Nhà trường trong đào tạo và được kiểm chứng khi người học tốt nghiệp và có việc làm. Qua việc điều tra người học sau khi tốt nghiệp và có việc làm có thể nhận thấy một số đòi hỏi về tăng cường kỹ năng, tăng cường ngoại ngữ chuẩn quốc tế, tăng cường các môn học chuyên môn. [H10.10.01.12DC], [H11.11.01.08DC], [H11.11.01.09DC], [H11.11.01.10DC], [H11.11.01.12DC], [H11.11.01.13DC], [H11.11.03.06].

Bảng 11.3. Tỷ lệ người học tốt nghiệp và có việc làm một số năm

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người)	82	52	66	79	61
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	83,67	97,87	84,61	81,58	77,27
3. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	79,26	81,58	68,18	71,05	56,06
3.1. Sau 6 tháng tốt nghiệp (%).	60,97	55,76	-	-	-
3.2. Sau 12 tháng tốt nghiệp (%).	85,36	86,53	-	-	-
3.3. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	20,74	18,43	-	-	-

Nguồn: Tổng hợp số liệu, 2021

Nhìn chung, tỷ lệ SV tốt nghiệp qua các năm hoặc của 5 năm trở lại đây có tính biến động và có xu hướng giảm. Điều này cho thấy, mặc dù SV đăng ký ban đầu vào ngành học nhiều nhưng trong quá trình học có nhiều nguyên nhân đã làm ảnh hưởng đến tỷ lệ SV tốt nghiệp. Do vậy, năm 2018 Khoa PTNT và ngành PTNT có tổ chức hội nghị để thu thập ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng từ đó đối chiếu với các học phần đã xây dựng nhằm tìm ra những giải pháp trong đào tạo giúp nâng cao chất lượng.

Xem xét về tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của ngành PTNT, Khoa PTNT, Trường ĐHNL với một số SV ngành PTNT của một số trường đào tạo trong nước cho thấy, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành PTNT của trường ĐHNL Huế thuộc nhóm có tỷ lệ tốt nghiệp cao và tỷ lệ có việc làm sau khi ra trường khá lớn nhưng tỷ lệ có việc làm trong thời gian đầu sau tốt nghiệp có thấp hơn nhưng không đáng kể [H11.11.03.09], [H11.11.03.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho ngành PTNT giúp SV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác.

3. Tồn tại

Hiện nay các kênh liên lạc với cựu SV vẫn chưa ổn định về số lượng cũng như địa chỉ liên lạc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Mở kênh liên lạc với cựu SV đã ra trường	Khoa PTNT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Mở ra các hội nghị Khởi nghiệp để đưa nhà tuyển dụng đến gần với SV ngành Phát triển nông thôn.	Trường ĐHNL Huế	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

NCKH của SV là hoạt động giúp SV vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu NCKH một cách tổng hợp những kiến thức đã học để bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề Khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra. Ngoài ra, người học khi tham gia NCKH được hưởng kinh phí theo đúng quy định của Nhà trường [H11.11.04.01], trên cơ sở tổng kết đánh giá tình hình NCKH toàn trường trong năm. [H11.11.04.02], [H11.11.04.06]. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức NCKH SV và ra thông báo để người học đăng ký tham gia [H11.11.04.03]. Các đề tài SV đăng ký có sự bàn bạc thống nhất với GV hướng dẫn, đề tài được hội đồng Khoa PTNT xét duyệt, trên cơ sở đó Nhà trường phê duyệt các đề tài. Nhìn chung, mỗi năm SV ngành PTNT thuộc Khoa PTNT thực hiện từ 3-5 đề tài NCKH. Số lượng đề tài này cũng tương ứng với số lượng đề tài do SV của các ngành đào tạo khác trong Trường ĐHNL, ĐHH thực hiện hàng năm.

Trên cơ sở kế hoạch do phòng KH, HTQL, TTTV thông báo, trợ lý khoa học của Khoa PTNT đã thành lập hội đồng kiểm tra tiến độ thực hiện của các đề tài, trên cơ sở đó đã đảm bảo cho các đề tài NCKH của SV được thực hiện đúng theo kế hoạch đã đặt ra trong báo cáo thuyết minh và đạt được chất lượng theo yêu cầu [H11.11.04.05], [H11.11.04.06], [H11.11.04.07], [H11.11.04.08], [H11.11.04.09], [H11.11.04.10], [H11.11.04.11] [H11.11.04.12]. Cũng như các ngành đào tạo trong Trường ĐHNL, cũng như cơ chế hoạt động NCKH của ngành PTNT ở các trường đào tạo khác trong cả nước. Hàng năm, Trường có nguồn kinh phí cấp cho SV NCKH theo nhóm nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của SV trong thực tiễn. Nguồn kinh phí dành cho NCKH của SV dựa vào số lượng SV năm thứ 3 của Khoa, số lượng SV tham gia NCKH có sự chênh lệch nhau giữa các ngành đào tạo và giữa các trường. Hình thức tổ chức SV NCKH chủ yếu theo dạng nhóm SV NCKH.

Sau khi hoàn thành việc triển khai nghiên cứu, vào cuối tháng 11 hoặc đầu tháng 12 hàng năm, Khoa tổ chức thực hiện nghiệm thu các đề tài NCKH của SV. Trong buổi nghiệm thu này, các nhóm SV sẽ trình bày về các kết quả nghiên cứu mà đề tài đã đạt được. Trên cơ sở đó, Hội đồng nghiệm thu sẽ tiến hành đánh giá chất lượng của các đề tài nghiên cứu [H11.11.04.13],

[H11.11.04.14], [H11.11.04.15], [H11.11.04.16], [H11.11.04.17]. Kết quả đánh giá đề tài NCKH của SV qua các năm đều có 100% đạt chất lượng, trong đó 40% đạt kết quả tốt và 20% đạt khá. Kết quả đánh giá đề tài NCKH của SV giai đoạn 2016-2020 đều đạt 100% chất lượng từ khá trở lên. Số lượng đề tài NCKH của SV của Khoa (trung bình 3-5 đề tài/năm) thấp hơn với số lượng đề tài NCKH của các khoa khác (trung bình 9 đề tài/năm). Trong khi đó, đánh giá chất lượng, mức độ hoàn thành đề tài SV giữa các Khoa trong trường là xấp xỉ nhau [H11.11.04.18], [H11.11.04.19], [H11.11.04.20], [H11.11.04.21], [H11.11.04.22]

Các NCKH của SV ngành PTNT được tiến hành chủ yếu ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã đáp ứng được nhu cầu quản lý thực tiễn tại địa phương và có tính ứng dụng cao đồng thời đã phục vụ tốt cho việc học tập của SV.

Bảng 11.4 Số lượng đề tài và số lượng SV của ngành PTNT tham gia NCKH

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng người tham gia (người)	21	14	13	10	15
Số lượng đề tài (đề tài)	9	6	5	6	5

Nguồn: Phòng KH, HTQT, TTTV

2. Điểm mạnh

SV tham gia tích cực trong NCKH với loại hình đa dạng và số lượng lớn đề tài đã thực hiện, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía nhà trường. Các quy định liên quan được ban hành đầy đủ.

3. Tồn tại

Các đề tài thực nghiệm, khảo sát thực tế còn chưa nhiều do khó khăn về kinh

phí. Việc khuyến khích người học tham gia NCKH SV vẫn chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng kinh phí thực hiện cho các đề tài NCKH của SV.	Phòng KHTC	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH như tăng điểm rèn luyện, tổ chức các cuộc thi giữa các nhóm, tạo nhiều cơ hội để SV có thể tiếp cận với hoạt động NCKH.	Phòng KH, HTQT, TTTV, Khoa PTNT	Thực hiện hàng năm từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Như đã tiếp cận ở các tiêu chuẩn trước về việc xây dựng mục tiêu giáo dục, điều chỉnh CTĐT, CĐR, CTDH,... Từ năm 2007 đến nay, Nhà trường liên tục tổ chức các hội thảo đào tạo theo nhu cầu xã hội. Tập hợp các ý kiến của người học, nhà tuyển dụng, giảng viên về mục tiêu đào tạo, CĐR, bản mô tả CTĐT, phương pháp dạy và học, các dịch vụ hỗ trợ. [H5.05.01.04DC].. Tất cả các ý kiến được ghi nhận, làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ hỗ trợ [H10.10.01.12DC], [H11.11.05.03], [H11.11.05.04], [H11.11.05.05], [H11.11.05.06]. Đối với những phản hồi chưa giải quyết được ngay, Nhà trường cũng có những ghi nhận và phản hồi kịp thời. Với các giải pháp kịp thời và phù hợp, đến thời điểm hiện tại mức độ hài lòng của các bên liên quan ngày càng được nâng lên. Được ghi nhận thành tích anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang và nhiều phần thưởng cao quý khác. [H11.11.05.07], [H11.11.05.08], [H11.11.05.09], [H11.11.05.10], [H11.11.05.11].

Đề đạt được mục tiêu đào tạo, đồng thời giúp SV ngành PTNT đạt được

các CDR từ đó đáp ứng được tốt nhất yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, trong quá trình điều chỉnh CTĐT cũng như trong quá trình tổ chức hoạt động đào tạo, nghiên cứu của CTĐT ngành PTNT, Khoa PTNT đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan bằng phương pháp thu thập thông tin qua bảng hỏi được thiết kế sẵn. Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của CTĐT ngành PTNT được tổng hợp ở bảng 11.5

Bảng 11.5: Đánh giá chung về chương trình đào tạo ngành PTNT

Nội dung	Chưa tốt	Khá tốt	Tốt	Rất tốt
Ngành học và chương trình học phù hợp với yêu cầu xã hội	8.00	12.00	64.00	16.00
Cấu trúc chương trình đào tạo giúp SV có kiến thức toàn diện và khả năng đáp ứng linh hoạt	12.00	40.00	32.00	16.00
Chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải so với thời lượng quy định	4.00	36.00	56.00	4.00
Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	8.00	36.00	44.00	12.00
Chương trình thực hành, rèn nghề, thực tập giáo trình phù hợp với lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	-	20.00	60.00	20.00
Địa bàn thực hành, rèn nghề, thực tập giáo trình phù hợp	8.00	20.00	52.00	20.00

Nguồn: Kết quả điều tra năm 2018

Kết quả khảo sát cho thấy, các khía cạnh đánh giá về CTĐT của ngành PTNT cho thấy, phần lớn tổ chức và cá nhân đánh giá ở các mức khá tốt, tốt và rất tốt. Tỷ lệ đánh giá chưa tốt ở các tiêu chí chiếm tỷ lệ rất thấp (<12%)

Đánh giá khả năng đáp ứng về chuẩn kiến thức của chương trình đào tạo của ngành Phát triển nông thôn được tổng hợp ở bảng 11.6

Bảng 11.6: *Đánh giá khả năng đáp ứng về chuẩn kiến thức của CTĐT của các bên liên quan đến ngành PTNT*

Tiêu chí đánh giá	Đáp ứng tốt	Đáp ứng	Chưa đáp ứng
I. Giáo dục đại cương			
Công nghệ và môi trường	48.00	44.00	8.00
Khoa học tự nhiên	36.00	60.00	4.00
Khoa học xã hội và nhân văn	44.00	56.00	-
II. Giáo dục chuyên nghiệp			
Kiến thức cơ sở ngành	48.00	48.00	4.00
Kiến thức ngành	60.00	40.00	-
Kiến thức bổ trợ	20.00	64.00	16.00
Thực tập nghề nghiệp	40.00	56.00	4.00
Khóa luận tốt nghiệp	48.00	52.00	-

Nguồn: Kết quả điều tra năm 2018

Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của CTĐT ngành PTNT về kiến thức cho thấy tỷ lệ cơ quan tuyển dụng, cựu SV, nhà khoa học và GV, cán bộ quản lý được khảo sát đã đánh giá khối kiến thức đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong CTĐT của ngành PTNT đã đáp ứng chuẩn kiến thức của CTĐT ở mức độ đáp ứng tốt và đáp ứng, tỷ lệ chưa đáp ứng chiếm tỷ lệ ít.

Đánh giá khả năng đáp ứng về yêu cầu kỹ năng của chương trình đào tạo của ngành PTNT được tổng hợp ở bảng 11.7

Bảng 11.7: *Đánh giá về đáp ứng yêu cầu kỹ năng của CTĐT*

Tiêu chí đánh giá	Đáp ứng tốt	Đáp ứng	Chưa đáp ứng
-------------------	-------------	---------	--------------

Chuyên môn	64.00	36.00	-
Lập kế hoạch	48.00	36.00	16.00
Làm việc nhóm	20.00	52.00	28.00
Làm việc độc lập	32.00	36.00	32.00
Điều hành và tổ chức công việc	44.00	40.00	16.00
Giao tiếp	84.00	16.00	-
Thuyết trình	80.00	20.00	-
Viết báo cáo	32.00	64.00	4.00
Ngoại ngữ	12.00	36.00	52.00

Nguồn: Kết quả điều tra năm 2018

Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của CTĐT ngành PTNT về kỹ năng cho thấy, hầu hết cơ quan tuyển dụng, cựu SV, nhà khoa học và GV và cán bộ quản lý được khảo sát đã đánh giá các kỹ năng mà SV được trang bị đã đáp ứng được chuẩn kỹ năng của CTĐT, có một tỷ lệ nhỏ đánh giá kỹ năng chưa đáp ứng yêu cầu. Điều này cho thấy các bên liên quan đã hài lòng về CTĐT của ngành PTNT [H5.05.05.04 DC], [H5.05.01.05 DC].

Nhìn chung, mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với ngành PTNT so với các ngành đào tạo khác có sự tương đương. Phần lớn tỉ lệ đều chiếm ở mức cao luôn trên 80% cho thấy Khoa PTNT luôn quan tâm đến việc cải thiện chương trình đào tạo để nâng cao năng lực và trình độ cho SV ra trường. Từ đó, đạt được những phản hồi tích cực của cơ quan tuyển dụng, cựu SV, nhà khoa học, GV và cán bộ quản lý.

Thực hiện việc điều chỉnh CTĐT theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP, vào năm 2020 Khoa PTNT đã tiếp tục thực hiện khảo sát các cơ quan tuyển dụng nhân lực ngành PTNT, các cựu SV ngành PTNT về các nội dung như: mục tiêu và CDR của CTĐT ngành PTNT; vị trí tuyển dụng; yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của Kỹ sư ngành PTNT. Tất cả các ý kiến

của các bên liên quan đều được Khoa ghi nhận, phân tích, xem xét để làm cơ sở cho việc tìm ra các giải pháp phù hợp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành PTNT.

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa và ngành ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến.

3. Tồn tại

Hoạt động khảo sát các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Mở ra các cuộc khảo sát các bên liên quan định kỳ 2 lần 1 năm	Trường ĐHNL Khoa PTNT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục ghi nhận những ý kiến đóng góp của người học và cán bộ để xây dựng trường.	Trường ĐHNL, Khoa PTNT	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 11

Trường ĐHNL, ĐHH và Khoa PTNT đã thực hiện giám sát kết quả đầu ra của CTĐT ngành PTNT ra thông qua nhiều hoạt động cụ thể. Kết quả giám sát cho thấy SV tốt nghiệp ngành PTNT có việc làm sau khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ cao, trong đó phần lớn là làm các công việc đúng với ngành nghề được đào tạo. Nhà trường và Khoa đã thực hiện các biện pháp cụ thể để hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm ngay khi đang còn học trên ghế Nhà trường và sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành PTNT đã được Nhà trường xác lập, giám sát thường xuyên và đối sánh qua từng năm học. Trên cơ sở kết quả giám sát về tỷ

lệ thôi học và tốt nghiệp của SV, Nhà trường và Khoa đã có những biện pháp cụ thể để cải tiến chất lượng nhằm hạn chế tỷ lệ thôi học và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành PTNT. Trường ĐHNL, ĐHH đã thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của SV ngành PTNT. Việc giám sát được thực hiện bởi Phòng ĐT&CTSV. Nhà trường và Khoa đã thực hiện các biện pháp cụ thể để hỗ trợ cho SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhà trường đã thực hiện xác lập, giám sát và đối sánh các loại hình NCKH của SV để cải tiến chất lượng. Hàng năm SV ngành PTNT đều thực hiện các đề tài NCKH với nguồn kinh phí do Nhà trường phân bổ. SV tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học SV, tham gia các đề tài NCKH. Kết quả NCKH của SV đã đáp ứng được nhu cầu quản lý thực tiễn tại địa phương và phục vụ tốt cho việc học tập của SV. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường, Khoa ghi nhận, giám sát và đưa ra những điều chỉnh để cải tiến nâng cao chất lượng SV ngành PTNT sau khi tốt nghiệp với trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với yêu cầu thực tế trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT và được phản hồi tích cực từ nhà tuyển dụng. Nhiều em đã được tuyển dụng bởi các công ty, thực tập sinh nước ngoài, hoặc tiếp tục theo học chương trình sau đại học ở nước ngoài.

Kết quả đánh giá 5 tiêu chí trong tiêu chuẩn 11 của ngành PTNT cho thấy có 2 tiêu chí đạt mức 6/7 điểm, 3 tiêu chí đạt mức 5/7

PHẦN III. KẾT LUẬN

Khoa PTNT thuộc Trường ĐHNL, ĐHH đã tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành PTNT một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành PTNT.

Thông qua việc tự đánh giá CTĐT ngành PTNT, Khoa và Nhà trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng mặt hoạt động, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Khoa và Nhà trường đã tuyên bố với xã hội.

CTĐT của ngành PTNT có mục tiêu, CDR rõ ràng cùng với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật. CTDH với vai trò cốt lõi của CTĐT có cấu trúc, trình tự logic, thiết kế dựa trên CDR. Ngành PTNT đã thay đổi phương pháp tiếp cận dạy và học theo hướng dạy học tích cực để giúp SV đạt được CDR cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời và đưa ra phương pháp đánh giá KQHT của SV đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Hiện nay, đội ngũ GV ngành PTNT có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn cao và luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy và NCKH. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ với vai trò trợ giúp GV hoàn thành nhiệm vụ và SV có KQHT tốt được tuyển dụng theo đúng quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Trường ĐHNL, ĐHH và đã đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH. SV là trung tâm của quá trình đào tạo của ngành PTNT. Chính vì vậy, để đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường ĐHNL, ĐHH đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh đầu vào theo đúng quy định của Bộ GDĐT, thực hiện việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV và tạo môi trường cũng như những điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, giúp đỡ SV nâng cao kết quả học tập, NCKH. Đội ngũ GV, SV của ngành PTNT đang được học tập và làm việc trong điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị tốt, môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp. Với mong muốn trở thành trường đại học đầu ngành về đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành PTNT của khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước, Trường ĐHNL, ĐHH đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng CTĐT như xây dựng CDR; rà soát, đánh giá thường xuyên CTĐT, phương pháp dạy và học, hiện trạng cơ sở vật chất và trang thiết bị của

Nhà trường; duy trì cơ chế phản hồi của các bên liên quan về hoạt động đào tạo của Nhà trường. Chính vì vậy, kết quả đầu ra ngành PTNT được đánh giá khá tốt với phần lớn SV có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm.

Trong quá trình tự đánh giá CTĐT ngành PTNT, Khoa PTNT và Trường ĐHNL, ĐHH đã nhận thấy được một số những vấn đề còn tồn tại. Ví dụ: CDR chưa được định kỳ rà soát điều chỉnh thường xuyên; số lượng đề tài NCKH cấp nhà nước, cấp Bộ chưa được thực hiện nhiều; kết nối giữa doanh nghiệp và Khoa chưa được lưu ý nhiều,... Do đó, để đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT của ngành PTNT cũng như chất lượng đào tạo của Trường ĐHNL, ĐHH, Nhà trường và Khoa đã đưa ra kế hoạch để khắc phục những vấn đề còn đang tồn tại đồng thời cải tiến chất lượng CTĐT như:

- (1) định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT, CDR trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đảm bảo CDR;
- (2) bản mô tả CTĐT, CTDH có cấu trúc rõ ràng và trình tự logic, đầy đủ thông tin và mang tính cập nhật;
- (3) khuyến khích GV tích cực học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước, đăng ký tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp;
- (4) đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo mục tiêu của đào tạo tín chỉ;
- (5) tăng cường tính chủ động của SV trong các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, nghe và thảo luận báo cáo chuyên đề;
- (6) đề cao vai trò của công tác Cố vấn học tập trong quản lý học tập của SV; thường xuyên cải tạo,
- (7) nâng cao cơ sở vật chất và trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH chất lượng cao,...

Trên cơ sở đánh giá những điểm mạnh và tồn tại, Khoa PTNT đã đưa ra kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành PTNT trong thời gian tới như sau: Từ năm 2021, bên cạnh việc hoàn thiện quy trình khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CDR của CTĐT, việc lấy ý kiến về các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của SV ngành PTNT là rất thiết thực và cần triển khai đồng bộ; Tiếp tục công bố CTĐT và đề cương môn học thông qua nhiều hình thức khác nhau; Tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học từ cấp Bộ môn cũng như cấp Khoa; Tạo điều kiện cho các cán bộ, GV, đặc biệt là cán bộ, GV trẻ tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm và

ngiên cứu chuyên sâu hơn về đổi mới phương pháp dạy - học; Nhà trường cần đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động đào tạo; Cập nhật thường xuyên nguồn sách tham khảo, giáo trình mới; thường xuyên khảo sát ý kiến bạn đọc về công tác thư viện và nguồn học liệu nhằm hỗ trợ tốt hơn các hoạt động đào tạo và NCKH; Có chính sách động viên khuyến khích GV tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH,...

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng tự đánh giá Trường ĐHNL, ĐHH trân trọng đề nghị Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để CTĐT ngành PTNT được công nhận là đạt tiêu chuẩn chất lượng.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế**

Mã: **DHL**

Tên CTĐT: **Phát triển nông thôn**

Mã CTĐT: **7620116**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 1.1						6				
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,40	5	100
Tiêu chí 5.1						6				
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5,71	7	100
Tiêu chí 6.1						6				
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4						6				
Tiêu chí 6.5						6				
Tiêu chí 6.6						6				
Tiêu chí 6.7						6				
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5,40	5	100
Tiêu chí 7.1						6				
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4						6				
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5,60	5	100
Tiêu chí 8.1						6				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.2						6				
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4						6				
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								5,40	5	100
Tiêu chí 9.1						6				
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4						6				
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								5,00	6	100
Tiêu chí 10.1				5						
Tiêu chí 10.2				5						
Tiêu chí 10.3				5						
Tiêu chí 10.4				5						
Tiêu chí 10.5				5						
Tiêu chí 10.6				5						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								5,40	5	100
Tiêu chí 11.1						6				
Tiêu chí 11.2						6				
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,32	50	100

*** Ghi chú:**

- Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí.
- Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình số học mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS. Trần Thanh Đức

PHẦN IV. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 7. CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 22/08/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Tiếng Anh: University of Agriculture and Forestry, Hue University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHNL, ĐHH

Tiếng Anh: HUAF

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Nông nghiệp II Huế.

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Huế

5. Địa chỉ: 102 Phùng Hưng, Phường Đông Ba, Thành Phố Huế

6. Thông tin liên hệ: Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế.

Điện thoại: 0234.3522535 và 0234.3525049

E-mail: admin@huaf.edu.vn

Website: <http://www.huaf.edu.vn/>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1967

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1967

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1970

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Phát triển nông thôn

Tiếng Anh: Faculty of Rural Development

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: PTNT

Tiếng Anh: FORD

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt: Khoa Khuyến nông và phát triển nông thôn

Tiếng Anh: Faculty of Agricultural Extension and Rural Development

15. Mã CTĐT: 7620116

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 102 Phùng Hưng, Phường Đông Ba, Thành Phố Huế

18. Số điện thoại liên hệ: 0234.3523845; Email: Khoa_knptnt@huaf.edu.vn

Website: <https://ptnt.huaf.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2005

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Phát triển Nông thôn (PTNT), trước đây là Khoa Khuyến nông và phát triển nông thôn, thuộc Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, tiền thân là Bộ môn KN & PTNT (được thành lập từ năm 1994) thuộc khoa Nông Học. Năm 2005 Khoa Khuyến nông và phát triển nông thôn thuộc Trường Đại học Nông

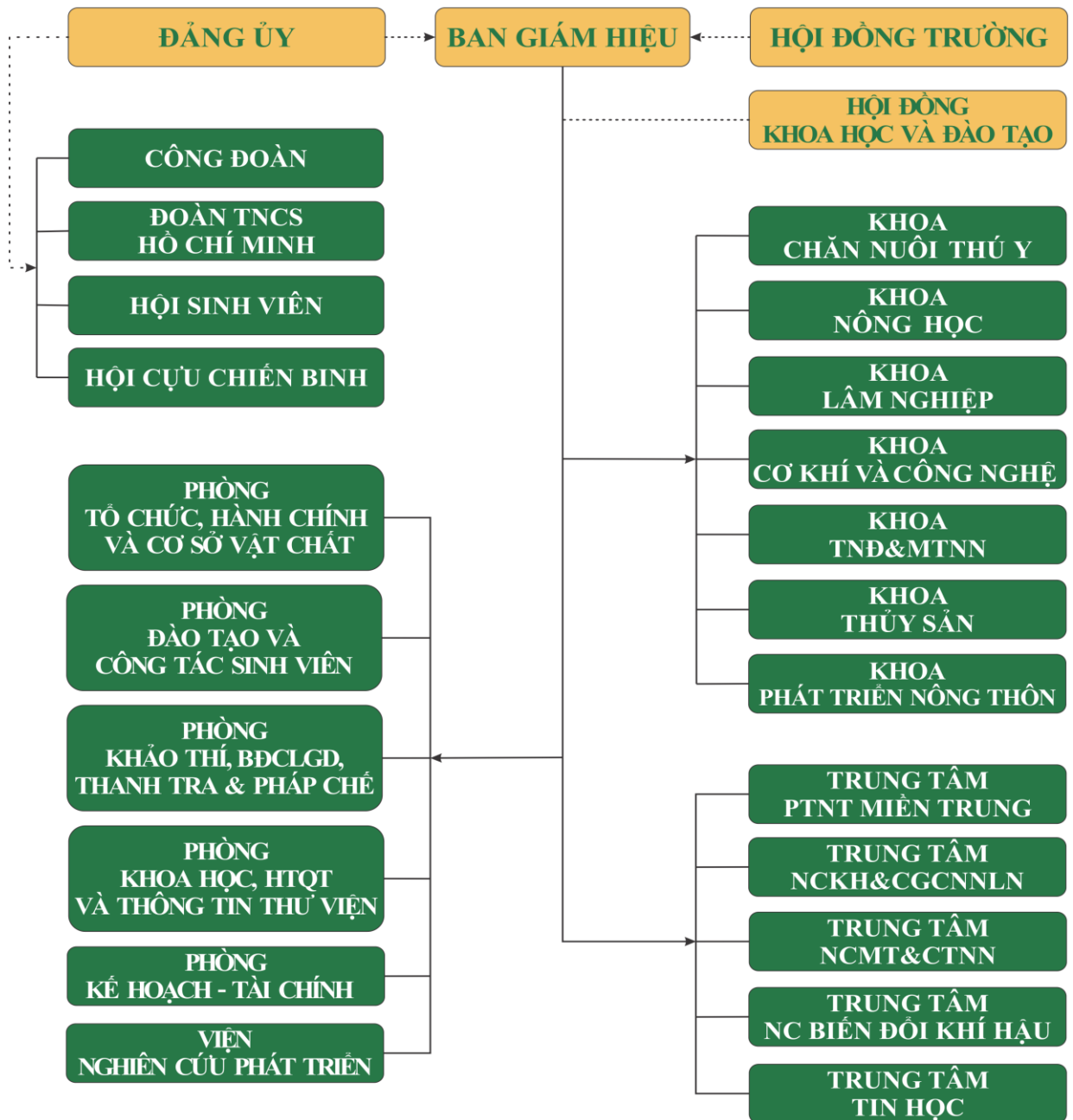
Lâm được thành lập theo quyết định của giám đốc Đại Học Huế. Năm 2020 theo đề án tái cơ cấu của Trường Khoa đổi tên thành Khoa Phát triển nông thôn. Sứ mạng của Khoa là đào tạo, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực khuyến nông & phát triển nông nghiệp, nông thôn. Khoa PTNT có ba bộ môn với đội ngũ giảng dạy có trình độ chuyên môn sâu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nông thôn mới khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước.

Khoa đã thực hiện chương trình hợp tác nghiên cứu với tổ chức IDRC của Canada (Dự án Đồng quản lý tài nguyên ven biển, 2008-2011, <http://www.cprhue.org>), với ngân hàng PT Châu Á - ADB (về xây dựng chuỗi giá trị nông sản phẩm, 2006 - 2008), với tổ chức Bắc Âu trợ giúp Việt Nam-NAV (về phát triển cộng đồng, 2005 - 2010), Quỹ phát triển nông nghiệp-IFAD (về phát triển hệ thống canh tác và dịch vụ tài chính nông thôn trong chương trình phân cấp giảm nghèo, 2006 - 2011); Đại sứ quan Hà Lan và Quỹ môi trường toàn cầu GEF (về bảo tồn đất ngập nước và giống thủy sản, 2007 - 2011)... Khoa cũng đã chủ trì nhiều đề tài cấp Bộ, đề tài liên kết, cấp cơ sở của Đại học Huế và của Trường Đại học Nông Lâm. Các chủ đề nghiên cứu đã được thiết lập theo cách tiếp cận từ dưới lên, mang tính đa ngành tập trung vào một số vấn đề liên quan đến PTNT và xây dựng phương pháp phát triển có sự tham gia. Kết quả nghiên cứu đã được thực tiễn địa phương đánh giá cao.

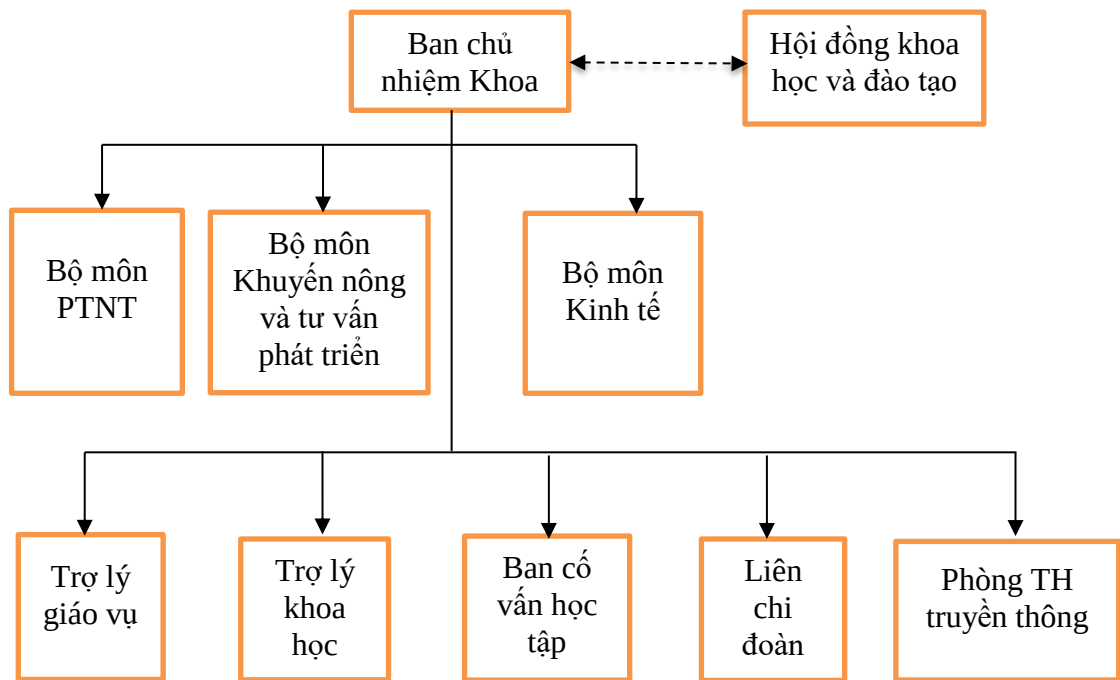
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng). Bao gồm Đảng ủy, Ban Giám Hiệu, Hội đồng trường; Hội đồng Khoa học và đào tạo. Có 5 phòng ban, trung tâm, Viện, Tổ. Có 7 Khoa và 5 trung tâm trực thuộc Trường.

Sơ đồ cơ cấu TCHC của cơ sở giáo dục:

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC



Sơ đồ đơn vị thực hiện CTĐT:



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Ban giám hiệu	Trần Thanh Đức	1975	PGS.TS, Hiệu trưởng	0914202428	tranthanhduc@huaf.edu.vn
2	Ban giám hiệu	Lê Đình Phùng	1974	GS.TS, Phó hiệu trưởng	0978306147	phung.ledinh@huaf.edu.vn
Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	BCN Khoa	Nguyễn Viết Tuấn	1963	PGS.TS, Trưởng khoa	0914172891	nguyenviettuan@huaf.edu.vn
2	BCN Khoa	Lê Thị Hoa Sen	1974	PGS.TS, Phó trưởng khoa	0912992712	lethihoasen@huaf.edu.vn
3	BCN Khoa	Hoàng Gia Hùng	1981	TS, Phó trưởng khoa	0899878951	hoanggiahung@huaf.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Chi ủy	Lê Thị Hoa Sen	1974	PGS.TS, Bí thư chi bộ	0912992712	lethihoasen@huaf.edu.vn
		Nguyễn Viết Tuấn	1963	PGS.TS, Phó bí thư	0914172891	nguyenviettuan@huaf.edu.vn
		Võ Chí Tiến		ThS, chi ủy viên	0914612020	tienvc@crdvietnam.org
1	Công đoàn	Nguyễn Trọng Dũng	1965	ThS, Chủ tịch công đoàn bộ phận	0979033886	nguyentrongdung@huaf.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	Liên chi đoàn Khoa	Nguyễn Trần Tiểu Phụng	1994	KS, Bí thư Liên chi đoàn Khoa	0977781223	nguyentrantieuphung@huaf.edu.vn
3	Chi đoàn CBGV	Cao Thị Thuyết	1985	ThS, Bí thư chi đoàn CBGV	0934473342	caothithuyet@huaf.edu.vn
III	Các bộ môn					
1	BM Phát triển nông thôn	Nguyễn Viết Tuấn	1963	PGS.TS, Phụ trách bộ môn	0913410384	nguyenviettuan@huaf.edu.vn
2	BM Khuyến nông và tư vấn phát triển	Lê Thị Hồng Phương	1983	TS, Trưởng bộ môn	0946947733	lethihongphuong@huaf.edu.vn
3	BM Kinh tế	Hồ Lê Phi Khanh	1983	TS, Trưởng bộ môn	0914299290	holephikhanh@huaf.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy ☒ ☐

Không chính quy ☐ ☐

Từ xa ☐ ☐

Liên kết đào tạo với nước ngoài ☐ ☐

Liên kết đào tạo trong nước ☐ ☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 05

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	16	14	30
I.1	Đội ngũ trong biên chế	16	14	30
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	Tổng số	16	14	30
--	----------------	----	----	----

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	3	0	2	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	10	10	0	6	0	0
5	Thạc sĩ	19	19	0	1	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	29	29	0	7	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 29 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $\frac{29}{30}$

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.
³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	3	3	0	2	0	0	10,8
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	10	10	0	6	0	0	24,2
5	Thạc sĩ	1	19	19	0	1	0	0	19,3
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		29	29	0	7	0	0	54,3

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

[illegible]

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
	Tổng	29	100	16	13	2	24	1	2	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40,79 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $\frac{10}{29}$

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $\frac{19}{29}$

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	11,8	82,4
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	35,3	11,8
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	41,2	5,9
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	11,8	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
---------	------------------------------	------------------------	------------------	-----------------------------	-------------------------------	--	---

	(người)						
2015 - 2016	-	169	-	143	13	17.93	0
2016 - 2017	-	205	-	110	13	16.5	0
2017 - 2018	-	421	-	108	13	16.39	0
2018 - 2019	-	162	-	46	13	13.87	0
2019 - 2020	-	98	-	34	13	15.14	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015 -2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1. Nghiên cứu sinh	2	5	6	5	6
2. Học viên cao học	71	48	44	27	30
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	521	520	407	298	213
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015 -2016	2016 -2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	1/213

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	-	-	-	-
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	36	36	36	36	36
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	50	65	31	30	35
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	9,59	12,5	7,61	10,06	16,43

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	1
2. Học viên tốt nghiệp cao học	33	14	24	10	10
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học. Trong đó:					
Hệ chính quy	85	58	91	79	61
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp. Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	85	58	91	79	61
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	85/109	58/143	91/159	79/110	61/108
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	-	-	-	-	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	-	-	-	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-	-	-	-	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-	-	-	-	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng				
			2016	2017	2018	2019	2020

								đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	3	1	3	3	2	12
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	2	5	3	5	9
	Tổng		6	3	8	6	7	21

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số đề tài quy đổi: 21

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $\frac{21}{30}$

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016 - 2017	22	100	22/30
2	2017 - 2018	13	100	13/30
3	2018-2019	42,5	100	42,5/30
4	2019-2020	36	100	36/30
5	2020 - 2021	26,5	100	26,5/30

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

	Số lượng cán bộ tham gia	Ghi chú
--	--------------------------	---------

Số lượng đề tài	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	11	14	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	11	29	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	2	0	0	1	0	6
2	Sách giáo trình	1,5	2	0	0	0	0	3
3	Sách tham khảo	1,0	0	4	0	4	0	8
4	Sách hướng dẫn	0,5	2	0	0	0	0	1
	Tổng		6	4	0	5	0	18

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 18

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $\frac{18}{30}$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	1	5	2
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	5	2

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	7	6	8	10	10	61,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	10	16	1	6	13	46
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	2	4	4	5	8,5
	Tổng		19	24	13	20	28	116

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 116

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $\frac{116}{30}$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	12	17	4
Từ 6 đến 10 bài báo	3	7	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	15	29	4

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	1	0	5	1	8

2	Hội thảo trong nước	0,5	5	2	0	1	3	5,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	1	0	1	0	0,5
	Tổng		6	4	0	7	4	14

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 14

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $\frac{14}{30}$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	6	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	1	1	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	6	7	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2015 - 2016	0
2016 - 2017	0
2017 - 2018	0
2018 - 2019	0
2019 - 2020	0

5. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	46	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	138	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	3	0	1	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 774.300,00

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 77.4,00

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 702.000 m² . Nơi học: 64.500 m² Nơi vui chơi giải trí: 7.800 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 8.840 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $\frac{8840}{213}$

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 188

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): -

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dành cho hệ thống văn phòng: 02

- Dành cho người học học tập: 03

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: $\frac{5}{213}$

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 29

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 96,6

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 34,5

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 65,5

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 213

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: $\frac{213}{29}$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 89,7

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: -

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): -

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): -

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): -

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: -

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): -

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): -

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $\frac{21}{30}$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: $\frac{140}{30}$

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $\frac{18}{30}$.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $\frac{116}{30}$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $\frac{14}{30}$

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $\frac{8840}{213}$

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: $\frac{1296}{213}$

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).